

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

...../.....

BỘ NỘI VỤ

...../.....

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

LÊ VĂN THÔNG

**CHO VAY HỌC SINH, SINH VIÊN TẠI NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ BA ĐỒN,
TỈNH QUẢNG BÌNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN HOÀNG QUY

THỪA THIÊN HUẾ-NĂM 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

...../.....

BỘ NỘI VỤ

...../.....

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

LÊ VĂN THÔNG

**CHO VAY HỌC SINH, SINH VIÊN TẠI NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ BA ĐỒN,
TỈNH QUẢNG BÌNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

MÃ SỐ: 60 34 02 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN HOÀNG QUY

THỪA THIÊN HUẾ-NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn ***“Cho vay học sinh, sinh viên tại ngân hàng Chính sách Xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình”*** là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc cụ thể, rõ ràng. Nội dung luận văn có tham khảo và sử dụng các tài liệu, thông tin được đăng tải trên các tác phẩm, tạp chí khoa học, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học (theo Danh mục tài liệu tham khảo).

Học viên

Lê Văn Thông

Lời Cảm Ơn

Để hoàn thành chương trình cao học và viết luận văn này, tác giả đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ của các thầy giáo, cô giáo công tác tại Học viện Hành chính Quốc gia. Trước hết, tác giả xin chân thành cảm ơn quý thầy, cô giáo Học viện đã tận tâm giảng dạy, truyền đạt những kiến thức quý báu cho tác giả trong suốt thời gian học tập tại trường.

Đặc biệt, xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Hoàng Quy đã dành thời gian, tâm huyết hướng dẫn, giúp đỡ tác giả hoàn thành luận văn này.

Tác giả cũng xin chân thành cảm ơn các anh chị đồng nghiệp đang công tác tại Ngân hàng chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã hết lòng hỗ trợ, cung cấp số liệu và đóng góp ý kiến quý báu giúp tác giả hoàn thành luận văn.

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2017

Lê Văn Thông

MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các biểu đồ	
Danh mục các sơ đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ CHO VAY ĐỐI VỚI HỌC SINH SINH VIÊN CỦA NGÂN HÀNG	5
1.1. Lý luận về cho vay ngân hàng	5
1.1.1. Khái niệm	5
1.1.2. Đặc điểm của cho vay Ngân hàng.....	5
1.1.3. Vai trò của cho vay Ngân hàng	7
1.1.4. Phân loại cho vay ngân hàng.....	9
1.1.5. Quy trình cho vay	10
1.2. Cho vay đối với học sinh sinh viên.....	13
1.2.1. Sự cần thiết của cho vay đối với học sinh sinh viên.....	13
1.2.2. Cho vay đối với học sinh sinh viên	16
1.2.3. Quy trình cho vay đối với học sinh sinh viên.....	20
1.2.4. Hiệu quả của cho vay đối với học sinh sinh viên	25
1.2.5. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay đối với học sinh sinh viên.....	27
1.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay đối với học sinh sinh viên..	28
1.3. Kinh nghiệm về cho vay đối với học sinh sinh viên trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	31
1.3.1. Trung Quốc.....	32
1.3.2. Philippin.....	33

1.3.3. Thái Lan	34
1.3.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	35
Tóm tắt Chương 1	37
Chương 2: THỰC TRẠNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH	38
2.1. Giới thiệu chung về tình hình cơ bản của thị xã Ba Đồn và Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	38
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	38
2.1.2. Khái quát về Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình ..	38
2.2. Thực trạng hoạt động cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.....	47
2.2.1. Quá trình triển khai thực hiện cho vay đối với học sinh sinh viên	47
2.2.2. Thực trạng cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	49
2.3. Đánh giá hiệu quả cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	57
2.3.1. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu về doanh số cho vay	57
2.3.2. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu về doanh số thu nợ.....	58
2.3.3. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu dư nợ.....	59
2.3.4. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá hạn.....	60
2.3.5. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu doanh số thu lãi ..	62
2.4. Những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân	65
2.4.1. Những khó khăn, tồn tại	65
2.4.2. Nguyên nhân.....	71
Tóm tắt Chương 2	74

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHO VAY ĐỔI VỚI HỌC SINH SINH VIÊN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH	75
3.1. Định hướng và mục tiêu cho vay đổi với học sinh sinh viên	75
3.1.1. <i>Quan điểm hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2011-2020.....</i>	<i>75</i>
3.1.2. <i>Định hướng, mục tiêu hoạt động của chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020</i>	<i>78</i>
3.1.3. <i>Định hướng cho vay đổi với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020</i>	<i>80</i>
3.2. Giải pháp hoàn thiện cho vay đổi với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	81
3.2.1. <i>Hoàn thiện quy trình cho vay.....</i>	<i>81</i>
3.2.2. <i>Hoàn thiện mạng lưới hoạt động.....</i>	<i>82</i>
3.2.3. <i>Tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác các cấp.....</i>	<i>84</i>
3.2.4. <i>Phát huy chức năng tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương và ban đại diện hội đồng quản trị.....</i>	<i>86</i>
3.2.5. <i>Đào tạo phát triển nguồn nhân lực</i>	<i>87</i>
3.2.6. <i>Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.....</i>	<i>89</i>
3.3. Một số kiến nghị	94
3.3.1. <i>Kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ.....</i>	<i>94</i>
3.3.2. <i>Kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương.....</i>	<i>96</i>
3.3.3. <i>Kiến nghị với các tổ chức chính trị - xã hội.....</i>	<i>97</i>
3.3.4. <i>Kiến nghị đối với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam</i>	<i>97</i>
3.3.5. <i>Kiến nghị với Ủy ban nhân dân các cấp.....</i>	<i>98</i>
<i>Tóm tắt Chương 3</i>	<i>99</i>
KẾT LUẬN	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BĐD	Ban đại diện
2	HĐQT	Hội đồng quản trị
3	HSSV	Học sinh sinh viên
4	NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
5	NHTM	Ngân hàng thương mại
6	NHNo&PTNT	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
7	NHN _g	Ngân hàng Phục vụ người nghèo
8	NS&VSMTNT	Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
9	TK&VV	Tiết kiệm và vay vốn
10	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Huy động vốn của NHCSXH TX Ba Đồn 2014 - 2016	42
Bảng 2.2. Cơ cấu dư nợ qua 3 năm (2014-2016)	46
Bảng 2.3. Hoạt động cho vay HSSV qua 3 năm (2014 - 2016)	49
Bảng 2.4. Tổng hợp dư nợ cho vay HSSV theo địa bàn đến 31/12/2016.....	50
Bảng 2.5. Số hộ, số HSSV vay vốn HSSV qua 3 năm 2014 -2016	52
Bảng 2.6. Dư nợ cho vay HSSV theo trình độ đào tạo đến 31/12/2016	54
Bảng 2.7. Cơ cấu dư nợ HSSV theo đơn vị nhận uỷ thác qua 3 năm 2014 - 2016...56	
Bảng 2.8. Doanh số cho vay HSSV qua các năm 2014 - 2016.....	57
Bảng 2.9. Doanh số thu nợ đối với HSSV qua 3 năm 2014-2016	58
Bảng 2.10. So sánh chỉ tiêu dư nợ HSSV qua các năm 2014-2016.....	60
Bảng 2.11. Dư nợ quá hạn chương trình HSSV qua 3 năm 2014 -2016.....	61
Bảng 2.12. Doanh số thu lãi HSSV qua 3 năm 2014-2016.....	64
Bảng 2.13. So sánh chỉ tiêu thu lãi của chương trình cho vay HSSV	64

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Biểu đồ tỷ trọng dư nợ HSSV theo địa bàn đến 31/12/2016.....	51
Biểu đồ 2.2. Tỷ trọng dư nợ cho vay HSSV theo trình độ đào tạo đến 31/12/2016.	54
Biểu đồ 2.3. Tỷ trọng dư nợ HSSV theo đơn vị ủy thác qua 3 năm (2014 -2016) ...	56

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Quy trình cho vay	10
Sơ đồ 1.2. Quy trình cho vay HSSV thông qua hộ gia đình	24
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ Mô hình tổ chức và quản lý của NHCSXH Thị xã Ba Đồn	40

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài luận văn

Cho vay học sinh, sinh viên ở Việt nam đã được triển khai thực hiện từ năm 1994. Qua các thời kỳ, chính sách cho vay HSSV nước ta đã có những thay đổi phù hợp với tình hình thực tế để hỗ trợ tốt nhất cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục học tập. Đặc biệt là sự ra đời của Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về cho vay đối với HSSV do NHCSXH đảm nhiệm đã nhận được sự đồng thuận của xã hội và đánh giá đây là chính sách đạt hiệu quả cả về giá trị thực tiễn và ý nghĩa nhân văn. Chính sách cho vay ưu đãi đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn với mục đích giúp con em gia đình có hoàn cảnh khó khăn yên tâm học tập, không còn tình trạng HSSV trúng tuyển không thể nhập học hoặc phải bỏ học vì lý do không có tiền đóng học phí và trang trải các chi phí học tập.

Quảng Bình nói chung và Thị xã Ba Đồn nói riêng là nơi có truyền thống hiếu học, hàng năm có hàng ngàn học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề. Tuy nhiên đời sống của dân cư còn gặp nhiều khó khăn, là tỉnh thường xuyên xảy ra thiên tai, bão lụt, dịch bệnh, việc cho con em theo học các trường thực sự là gánh nặng, nhất là những gia đình có hai đến ba con cùng theo học.

Từ những năm đầu triển khai chương trình HSSV theo quyết định 157/2007/QĐ-TTg, dư nợ tăng nhanh qua các năm tuy nhiên những năm gần đây có phần chững lại, phạm vi cho vay cũng như hiệu quả của cho vay ưu đãi HSSV đã nảy sinh nhiều bất cập, việc nhận diện và xác nhận đối tượng vay vốn còn lúng túng, một số chính quyền địa phương còn chưa thực sự quan tâm còn giao khoán cho các hội và tổ trưởng ... làm hạn chế việc mở rộng cho vay chương trình này ảnh hưởng đến việc thực hiện chủ trương lớn của nhà nước trong mục tiêu phát triển nguồn nhân lực.

Để nguồn vốn cho vay HSSV phát huy được hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra cần phải có sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức hội đoàn thể,

các tổ tiết kiệm và vay vốn, các hộ gia đình và học sinh sinh viên trong việc quản lý, giám sát, sử dụng vốn vay. Xuất phát từ yêu cầu lý luận và mong muốn hoạt động cho vay ưu đãi đối với học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại ngân hàng CSXH Thị xã Ba Đồn ngày càng có chất lượng tốt hơn. Đó là lý do tác giả chọn đề tài: “Cho vay đối với học sinh, sinh viên tại NHCSXH Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình” làm nội dung nghiên cứu luận văn thạc sỹ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Từ khi Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về cho vay đối với học sinh sinh viên có hiệu lực, đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học trong nước, bàn về chương trình cho vay ở những cấp độ và góc độ khác nhau, có thể nêu một số công trình nghiên cứu ở Việt Nam như sau:

“*Giải pháp phát triển tín dụng đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam*” của tác giả Phạm Thị Thanh An năm 2013. Luận văn đã làm rõ thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển cho vay đối với học sinh sinh viên tại NHCSXH Việt Nam.

“*Đánh giá hiệu quả chương trình tín dụng học sinh sinh viên nông thôn tại NHCSXH huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*” của tác giả Hà Xuân Lanh năm 2014. Luận văn đã làm rõ thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của chương trình tín dụng học sinh sinh viên nông thôn phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

“*Tín dụng đối với học sinh sinh viên tại Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Bình*” của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh năm 2016. Luận văn đã làm rõ thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý tốt hơn hoạt động cho vay HSSV tại NHCSXH tỉnh Quảng Bình.

Các công trình trên đã tiếp cận và giải quyết nhiều nội dung về tín dụng đối với HSSV về nghiên cứu tổng thể toàn quốc, có công trình chỉ nghiên cứu tín dụng đối với HSSV nông thôn, có công trình nghiên cứu về kết quả hoạt động quản lý tín dụng HSSV phù hợp với địa phương cụ thể. Riêng nghiên cứu về cho vay đối với HSSV trên địa bàn Thị xã Ba Đồn chưa có một công trình nào đề cập đến.

Chính vì vậy, luận văn sẽ đi sâu nghiên cứu cho vay đối với HSSV tại Ngân hàng NHCSXH Thị xã Ba Đồn với mục tiêu hướng tới nâng cao hiệu quả của chương trình. Để thực hiện đề tài, tác giả đã kế thừa những ý tưởng về cơ sở lý luận và một số nội dung liên quan từ những tài liệu trong và ngoài nước để phục vụ cho quá trình nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp của đề tài. Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu mới, không trùng lặp và độc lập của tác giả. Các số liệu kết quả nêu trong đề tài này là trung thực và có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích:

Trên cơ sở lý luận về cho vay đối với HSSV của ngân hàng và từ thực tế cho vay đối với HSSV tại Ngân hàng CSXH Thị xã Ba Đồn, luận văn có những phân tích về hiệu quả của chương trình, những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cho vay đối với HSSV tại NHCSXH Thị xã Ba Đồn.

Nhiệm vụ:

+ Hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết về cho vay ngân hàng, cho vay đối với HSSV; tìm hiểu và rút ra kinh nghiệm về cho vay đối với HSSV của một số quốc gia trên thế giới.

+ Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động cho vay đối với HSSV tại NHCSXH Thị xã Ba Đồn.

+ Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện cho vay đối với HSSV tại NHCSXH Thị xã Ba Đồn.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là cho vay đối với HSSV tại NHCSXH Thị xã Ba Đồn.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Luận văn nghiên cứu trong phạm vi thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về thời gian: Thời gian khảo sát thực tế từ năm 2014 đến năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận:

Luận văn áp dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Phương pháp nghiên cứu:

Để thực hiện đề tài nghiên cứu, tác giả đã dựa trên cơ sở các tài liệu thu thập được, bằng phương pháp thống kê và so sánh giữa các năm, các chỉ tiêu, để thấy được những kết quả đạt được và hạn chế trong việc cho vay đối với HSSV. Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, đánh giá thực trạng phát triển, rút ra nguyên nhân và tìm hướng giải quyết.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận:

Hệ thống hóa những vấn đề mang tính lý luận về cho vay đối với HSSV.

Về thực tiễn:

Đề tài đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động cho vay đối với HSSV, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chương trình cho vay này, và đây là cơ sở để NHCSXH Thị xã Ba Đồn tham khảo nhằm bổ sung, hoàn thiện quy trình cho vay đối với HSSV.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học về cho vay đối với học sinh sinh viên của ngân hàng

Chương 2: Thực trạng cho vay đối với học sinh sinh viên tại ngân hàng chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện cho vay đối với học sinh sinh viên tại ngân hàng chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Chương 1:
CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ CHO VAY ĐỐI VỚI
HỌC SINH SINH VIÊN CỦA NGÂN HÀNG

1.1. Lý luận về cho vay ngân hàng

1.1.1. Khái niệm

Cho vay là một phạm trù kinh tế và nó cũng là sản phẩm của nền kinh tế hàng hóa. Cho vay ra đời và tồn tại qua nhiều hình thái kinh tế xã hội, là việc một bên (bên cho vay) cung cấp nguồn tài chính cho đối tượng khác (bên đi vay) trong đó bên đi vay sẽ hoàn trả tài chính cho bên cho vay trong một thời hạn thỏa thuận và thường kèm theo lãi suất.

Quan hệ cho vay ra đời và tồn tại từ đòi hỏi khách quan của quá trình tuần hoàn vốn để giải quyết vấn đề dư thừa, thiếu hụt vốn diễn ra thường xuyên giữa các chủ thể trong nền kinh tế.

Cho vay ngân hàng là quan hệ chuyển nhượng vốn giữa ngân hàng với các chủ thể khác trong nền kinh tế; trong mối quan hệ này, ngân hàng giữ vai trò là người cho vay (chủ nợ). Ngân hàng thực hiện đầu tư vốn vào các chủ thể có nhu cầu về vốn trong nền kinh tế. [20]

1.1.2. Đặc điểm của cho vay Ngân hàng

Cho vay ngân hàng có 5 đặc điểm của cho vay nói chung như sau:

Thứ nhất, cho vay ngân hàng dựa trên cơ sở của lòng tin. Ngân hàng chỉ cho vay khi có lòng tin vào khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ vay (gốc, lãi) đúng hạn; còn người đi vay thì tin tưởng vào khả năng kiếm được tiền trong tương lai để trả được nợ gốc và lãi vay. Đây là đặc điểm quan trọng nhất, từ đó tạo ra các đặc điểm tiếp theo.

Thứ hai, cho vay là sự chuyển nhượng một tài sản có thời hạn hay có tính hoàn trả, mọi khoản cho vay của ngân hàng đều phải có thời hạn, bảo đảm cho ngân hàng hoàn trả vốn huy động. Để xác định thời hạn cho vay hợp lý, ngân hàng phải căn cứ vào tính chất thời hạn nguồn vốn của mình và quá trình luân chuyển vốn của

đối tượng vay. Nếu ngân hàng có nguồn vốn dài hạn ổn định, thì có thể cho vay dài hạn nhiều; nếu nguồn vốn không ổn định và kỳ hạn ngắn, mà cấp nhiều cho vay dài hạn thì sẽ gặp rủi ro thanh khoản. Mặt khác, thời hạn cho vay phải phù hợp với chu kỳ luân chuyển vốn của đối tượng vay thì người vay mới có điều kiện trả nợ vay đúng hạn. Nếu ngân hàng xác định thời hạn vay nhỏ hơn chu kỳ luân chuyển vốn của đối tượng vay thì khách hàng không có đủ nguồn để trả nợ khi đến hạn, gây khó khăn cho khách hàng. Ngược lại, nếu thời hạn cho vay lớn hơn chu kỳ luân chuyển vốn sẽ tạo điều kiện cho khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích, tiềm ẩn rủi ro cho vay cho ngân hàng.

Thứ ba, cho vay ngân hàng phải trên nguyên tắc không chỉ hoàn trả gốc mà phải cả lãi. Nếu không có sự hoàn trả thì không được coi là cho vay. Giá trị hoàn trả phải lớn hơn giá trị cho vay (giá trị gốc), nghĩa là ngoài việc hoàn trả giá trị gốc, khách hàng phải trả cho ngân hàng một khoản lãi, đây chính là giá của quyền sử dụng vốn vay. Khoản lãi phải luôn là một số dương, có như vậy mới bù đắp được chi phí hoạt động và tạo ra lợi nhuận, phản ánh bản chất hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Thứ tư, cho vay là hoạt động tiềm ẩn rủi ro cao cho ngân hàng. Việc đánh giá độ an toàn của hồ sơ vay vốn là rất khó. Vì luôn tồn tại thông tin bất cân xứng dẫn đến lựa chọn đối nghịch và rủi ro đạo đức. Ngoài ra việc thu hồi vốn vay phụ thuộc không những vào bản thân khách hàng, mà còn phụ thuộc vào môi trường hoạt động, ngoài tầm kiểm soát của khách hàng như biến động về giá cả, lãi suất, tỷ giá, lạm phát, thiên tai... Khi khách hàng gặp khó khăn do môi trường kinh doanh thay đổi, dẫn đến khó khăn trong việc trả nợ, điều này khiến cho ngân hàng gặp rủi ro cho vay.

Thứ năm, cho vay phải trên cơ sở cam kết hoàn trả vô điều kiện. Quá trình xin vay và cho vay diễn ra trên cơ sở những căn cứ pháp lý chặt chẽ như: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, cầm cố cho bên thứ ba vay vốn, hợp đồng bảo lãnh, khế ước nhận nợ..., trong đó bên đi vay phải cam kết hoàn trả vô điều kiện khoản vay cho ngân hàng khi đến hạn.

Để hiểu rõ hơn khái niệm cho vay, ta so sánh với nợ (ví dụ, nợ thuế, nợ lương của doanh nghiệp). Nợ cũng mang đầy đủ các đặc điểm trên nhưng rộng hơn vì không có đặc điểm phải trả lãi.

Từ đặc điểm trên cho thấy, cho vay ngân hàng phải đảm bảo được hai nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích.

Thứ hai, vốn vay phải được hoàn trả cả gốc và lãi đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng.

1.1.3. Vai trò của cho vay Ngân hàng

1.1.3.1. Đối với nền kinh tế

Thứ nhất, cho vay ngân hàng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và việc làm. Bởi vì nó góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư. Điều này xuất phát từ chức năng cơ bản của thị trường tài chính nói chung và thị trường cho vay ngân hàng nói riêng là luân chuyển vốn từ những người (cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, chính phủ) có nguồn vốn thặng dư tạm thời (do chi tiêu ít hơn thu nhập) đến những người thiếu hụt (do nhu cầu chi tiêu vượt quá thu nhập). Tại sao việc luân chuyển vốn từ người tiết kiệm sang người sử dụng lại quan trọng với nền kinh tế?

Nếu không có ngân hàng, thì việc luân chuyển vốn giữa các chủ thể trong nền kinh tế sẽ ách tắc, vốn sẽ nằm chết trong dân. Chính vì vậy, kênh luân chuyển vốn qua ngân hàng có ý nghĩa rất lớn trong việc thúc đẩy tăng lượng vốn đầu tư cho nền kinh tế.

Cho vay ngân hàng không chỉ làm tăng vốn mà còn đồng thời giúp phân bổ hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nền kinh tế. Bởi vì, những người tiết kiệm không đồng thời là những người có cơ hội đầu tư sinh lời cao. Thông qua cho vay ngân hàng mà vốn từ những người thiếu các dự án đầu tư hiệu quả được ngân hàng cho vay tới những người có dự án đầu tư hiệu quả hơn nhưng thiếu vốn. Người đầu tư và ngân hàng đều nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả để tránh không trả được nợ dẫn đến bị phát mại tài sản, giải thể hoặc phá sản. Kết quả là nền kinh tế tăng trưởng, tạo công ăn việc làm và năng suất lao động cao hơn.

Cho vay ngân hàng là người hỗ trợ đắc lực cho việc phát triển tín dụng thương mại của chiết khấu thương phiếu. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hoạt động mua bán giữa các doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế.

So với kênh dẫn đối với thị trường chứng khoán thì cho vay có vai trò quan trọng hơn nhiều do giảm được chi phí giao dịch và giảm thông tin bất cân xứng.

Thứ hai, là công cụ điều tiết kinh tế xã hội của nhà nước. Thông qua việc đầu tư vốn cho vay vào những ngành nghề, khu vực kinh tế trọng điểm sẽ thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề, khu vực kinh tế đó, hình thành nên cơ cấu kinh tế hiệu quả. Việt Nam đã thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay ngân hàng.

Thông qua lãi suất, cho vay ngân hàng góp phần lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền. Ở Việt Nam, cho vay ngân hàng là kênh quan trọng truyền tải vốn tài trợ của nhà nước tới nông nghiệp, nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định chính trị, xã hội.

1.1.3.2. Đối với Khách hàng

Thứ nhất, cho vay ngân hàng đáp ứng kịp thời nhu cầu về số lượng và chất lượng vốn cho khách hàng. So với cho vay thương mại và cho vay cá nhân nặng lãi thì cho vay ngân hàng có vai trò quan trọng với khách hàng. Với các ưu điểm như không hạn chế về thời gian vay, về mục đích sử dụng, nhanh chóng, dễ tiếp cận và có khả năng đáp ứng được nhu cầu vốn lớn nên cho vay ngân hàng thỏa mãn được nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Qua đó, cho vay ngân hàng giúp nhà đầu tư kịp thời tận dụng được cơ hội kinh doanh, giúp các gia đình nâng cao được chất lượng cuộc sống.

Thứ hai, cho vay ngân hàng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp. So với việc sử dụng vốn chủ sở hữu thì cho vay ngân hàng ràng buộc trách nhiệm khách hàng phải hoàn trả vốn gốc và lãi trong thời hạn nhất định như thỏa thuận. Do đó, buộc khách hàng phải nỗ lực, tận dụng hết khả năng của mình để sử dụng vốn vay hiệu quả nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

1.1.3.3. Đối với Ngân hàng

Thứ nhất, đem lại lợi nhuận quan trọng nhất cho ngân hàng. Cho vay là hoạt động truyền thống, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản có (khoảng 69%) và mang lại nguồn thu nhập chủ yếu cho ngân hàng (70% đến 90%). Mặc dù tỷ trọng hoạt động cho vay đang có xu hướng giảm trên thị trường tài chính, nhưng hoạt động cho vay ngân hàng vẫn luôn là nghiệp vụ mang lại lợi nhuận quan trọng nhất đối với mỗi ngân hàng.

Thứ hai, thông qua hoạt động cho vay, ngân hàng mở rộng được các loại hình dịch vụ khác như thanh toán, thu hút tiền gửi, kinh doanh ngoại tệ, tư vấn... Từ đó đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro khi Ngân hàng Trung ương thắt chặt tiền tệ hoặc khi gặp rủi ro cho vay.

1.1.4. Phân loại cho vay ngân hàng

Khi nền kinh tế thị trường càng phát triển, xu hướng tự do hóa càng sâu sắc, thì các ngân hàng càng nghiên cứu đưa ra các hình thức cho vay đa dạng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu khác nhau của khách hàng, từ đó đa dạng hóa danh mục đầu tư, thu hút khách hàng, tăng lợi nhuận, thực hiện phân tán rủi ro và đứng vững trong cạnh tranh. Để quản lý tốt hoạt động cho vay (qua phân tích, đánh giá số liệu và ban hành quy trình cho vay phù hợp), người ta phân loại cho vay theo một số tiêu chí sau:

Căn cứ vào thời hạn cho vay, thì cho vay gồm cho vay ngắn hạn, cho vay trung hạn và cho vay dài hạn.

Căn cứ vào bảo đảm cho vay, thì cho vay gồm cho vay có bảo đảm và cho vay không có bảo đảm.

Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay, thì cho vay gồm cho vay bất động sản, cho vay công thương nghiệp, cho vay nông nghiệp, cho vay tiêu dùng, cho vay đầu tư tài chính.

Căn cứ vào chủ thể vay vốn, cho vay gồm cho vay doanh nghiệp, cho vay cá nhân, hộ gia đình (cho vay bán lẻ), cho vay cho các tổ chức tài chính.

Căn cứ vào phương thức hoàn trả nợ vay, cho vay gồm cho vay hoàn trả nhiều lần, cho vay hoàn trả một lần, cho vay hoàn trả theo yêu cầu.

Căn cứ vào hình thái của cho vay, thì cho vay gồm cho vay bằng tiền, cho vay bằng tài sản, cho vay bằng uy tín.

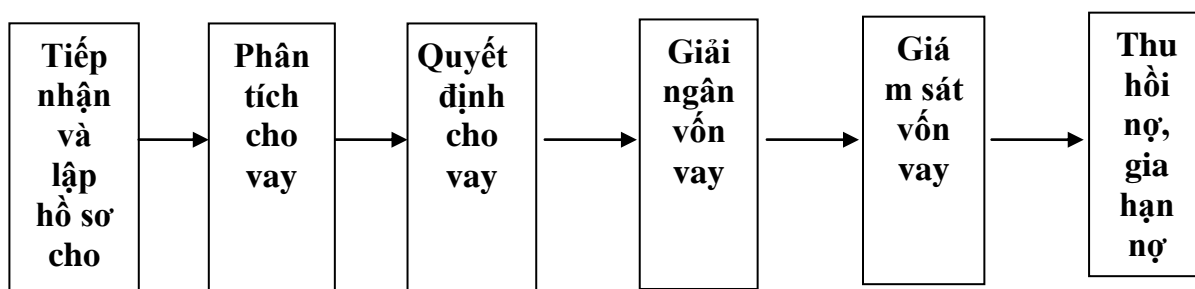
Căn cứ vào xuất xứ cho vay, thì cho vay gồm cho vay trực tiếp và tín dụng cho vay.

Ngoài ra còn có các loại cho vay khác như cho vay nội tệ, cho vay ngoại tệ, cho vay vàng, cho vay trong nước, cho vay quốc tế.

1.1.5. Quy trình cho vay

Quy trình cho vay là căn cứ tổng hợp của ngân hàng từ bước tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng cho đến khi có quyết định cho vay, giải ngân, giám sát cho vay và thu hồi nợ, gia hạn nợ.

Việc xác lập và hoàn thiện một quy trình cho vay hợp lý đặc biệt quan trọng đối với một ngân hàng thương mại. Một quy trình cho vay hợp lý sẽ giúp cho ngân hàng nâng cao chất lượng và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cho vay khách hàng. Ngoài ra đó còn là cơ sở cho việc phân định quyền, trách nhiệm cho các bộ phận thực hiện quy trình cho vay, là cơ sở để thiết lập các hồ sơ, thủ tục vay vốn. Quy trình cho vay thông thường phải trải qua 6 giai đoạn sau:



Sơ đồ 1.1. Quy trình cho vay

- *Tiếp nhận và lập hồ sơ cho vay:* Lập hồ sơ cho vay là khâu căn bản đầu tiên của quy trình cho vay, bao gồm các giai đoạn từ khi cán bộ tín dụng tiếp xúc với khách hàng có nhu cầu vay vốn đến khi thu thập đầy đủ hồ sơ và trình báo cáo đánh giá về khách hàng và nhu cầu vay. Các giai đoạn của bước này như sau:

- *Tiếp nhận, thu thập hồ sơ khách hàng:* Là khâu thu thập các thông tin cá nhân làm cơ sở cho việc đánh giá chính xác khách hàng, khả năng tài chính, nhu cầu

vốn hợp lý và hiệu quả phương án kinh doanh.

Thu thập hồ sơ: Tùy theo mức độ quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng, hình thức cho vay và quy mô cho vay, cán bộ tín dụng yêu cầu khách hàng lập hồ sơ với những thông tin yêu cầu khác nhau. Nhìn chung, bộ hồ sơ đề nghị cho vay cần thu thập những thông tin sau:

- + Thông tin về năng lực pháp lý và năng lực hành vi của khách hàng.
- + Thông tin về khả năng tài chính của khách hàng (khả năng hoàn trả vốn vay).
- + Thông tin về tài sản bảo đảm.
- + Thông tin về phương án đề nghị tài trợ.

Để thu thập được thông tin trên, ngân hàng yêu cầu khách hàng nộp các loại giấy tờ sau:

- + Hồ sơ pháp lý: Chứng minh nhân dân, hộ khẩu, đăng ký kinh doanh, đăng ký mẫu dấu, điều lệ doanh nghiệp, v.v...

- + Hồ sơ tài chính: Báo cáo tài chính (doanh nghiệp), Giấy tờ về nguồn thu của cá nhân (hợp đồng cho thuê nhà, thuê xe, hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm, bảng lương, sao kê tài khoản, v.v...)

- + Hồ sơ phương án: Giấy đề nghị vay vốn, phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch trả nợ, hợp đồng mua bán (hàng hóa, nhà đất, ô tô, v.v...)

- + Hồ sơ tài sản bảo đảm: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản của khách hàng (Quyền sử dụng đất, đăng ký xe, v.v ...)

- + Các giấy tờ khác.

Sau khi đầy đủ hồ sơ khách hàng, cán bộ tín dụng sẽ lập báo cáo đánh giá về khách hàng và nhu cầu vay, và chuyển hồ sơ sang bước Phân tích cho vay.

- *Phân tích cho vay*: Phân tích cho vay là phân tích khách hàng trong quan hệ cho vay để xác định khả năng hiện tại và tương lai của khách hàng trong việc sử dụng vốn vay và hoàn trả nợ vay. Quy trình phân tích cho vay gồm quá trình thẩm tra trước, trong và sau khi cho vay. Dựa trên thái độ khách hàng từ đó đưa ra nhận xét và quyết định cho vay. Phân tích cho vay nhằm xác định trước những tình huống có thể xảy ra dẫn đến rủi ro cho ngân hàng, dự đoán khả năng khắc phục

những rủi ro đó, dự kiến những biện pháp giảm thiểu rủi ro và hạn chế tổn thất cho ngân hàng.

- *Quyết định cho vay*: Là khâu quan trọng trong quy trình cho vay vì nó ảnh hưởng lớn trực tiếp đến các khâu sau và ảnh hưởng đến uy tín, chất lượng hiệu quả hoạt động cho vay của ngân hàng. Đây là khâu khó xử lý nhất và thường dễ mắc sai lầm nhất. Có hai loại sai lầm cơ bản thường mắc phải trong khâu này là: Quyết định cho vay đối với khách hàng không tốt và từ chối cho vay đối với một khách hàng tiềm năng. Nhằm hạn chế sai lầm, trong khâu quyết định cho vay ngân hàng thường chú trọng hai vấn đề sau: Thu thập thông tin và xử lý một cách chính xác để làm cơ sở ra quyết định cho vay, trao quyền quyết định cho hội đồng cho vay hoặc những người có năng lực ra quyết định. Sau khi ra quyết định cho vay, kết quả có thể là chấp nhận hoặc từ chối cho vay tùy theo kết quả của quá trình phân tích cho vay. Nếu từ chối cho vay, ngân hàng sẽ có văn bản trả lời và giải thích lý do cho khách hàng. Nếu chấp thuận cho vay thì cán bộ tín dụng sẽ thảo hợp đồng cho vay và hướng dẫn khách hàng ký kết hợp đồng cho vay. Ngoài ra, ngân hàng yêu cầu đối với các khách hàng vay vốn là doanh nghiệp mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng để giúp thuận tiện cho việc thanh toán, khi đến kỳ và đảm bảo khả năng kiểm soát nguồn tài chính của khách hàng.

Cán bộ tín dụng có trách nhiệm thu thập hồ sơ, chứng từ giải ngân của khách hàng để thẩm định theo đúng các điều kiện giải ngân trong hợp đồng cho vay. Khi bộ chứng từ nhu cầu rút vốn của khách hàng hợp lệ thì phối hợp với bộ phận liên quan (kế toán tiền vay, ngân quỹ....) thực hiện giải ngân khoản vay theo yêu cầu của khách hàng.

- *Giải ngân vốn vay*: Giải ngân là khâu tiếp theo sau khi ký kết hợp đồng cho vay và hoàn thiện các thủ tục cần thiết liên quan. Giải ngân là việc ngân hàng giao một khoản tiền nhất định cho khách hàng trên cơ sở mức cho vay đã cam kết trong hợp đồng. Tuy là khâu tiếp theo nhưng giải ngân cũng là khâu quan trọng vì nó có thể góp phần phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót nếu có ở khâu trước. Nguyên tắc giải ngân là luôn gắn liền vận động tiền tệ với vận động hàng hóa đối ứng nhằm đảm bảo khả năng thu hồi nợ sau này.

- *Giám sát vốn vay*: Sau khi cho vay vốn đối với khách hàng, ngân hàng phải thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn của ngân hàng có sử dụng đúng mục đích và đem lại hiệu quả hay không. Trong quá trình kiểm tra, cán bộ tín dụng tiến hành phân tích hoạt động của các tài khoản, các báo cáo, kiểm tra cơ sở hoạt động của khách hàng. Nếu các thông tin được phản ánh theo chiều hướng thuận lợi cho thấy chất lượng cho vay được đảm bảo. Ngược lại, khoản vay bị ảnh hưởng đến chất lượng cho vay bị giám sát, từ đó cần sử dụng các biện pháp xử lý kịp thời như thu hồi nợ trước hạn, ngừng giải ngân, yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản thế chấp....

- *Thu hồi nợ, gia hạn nợ*: Khi khoản vay đã đến hạn thanh toán hoặc khi khách hàng vi phạm hợp đồng hoặc khi khách hàng có nhu cầu tắt toán trước thời hạn khoản vay thì ngân hàng sẽ tiến hành thu hồi nợ, gia hạn nợ:

Thu nợ: Ngân hàng thu nợ khách hàng theo đúng các điều khoản đã ký kết trong các khoản mục hợp đồng cho vay. Các khoản cho vay đảm bảo hoàn trả đầy đủ và có khả năng trả nợ thì ngân hàng có thể xem xét gia hạn nợ hoặc chuyển sang nợ quá hạn để có biện pháp thích hợp thu hồi đầy đủ nợ với kế toán thực hiện thủ tục chuyển nợ quá hạn, áp dụng các biện pháp kiên quyết thu hồi nợ gốc và lãi, kể cả các biện pháp thu hồi phát mại tài sản theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và của ngân hàng.

1.2. Cho vay đối với học sinh sinh viên

1.2.1. Sự cần thiết của cho vay đối với học sinh sinh viên

1.2.1.1. Khái niệm học sinh sinh viên

Căn cứ Điều 83, Mục I, Chương V của Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 thì khái niệm học sinh sinh viên được hiểu như sau: Học sinh là người học tại các lớp dạy nghề, trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, trường dự bị đại học. Sinh viên là người học tại trường cao đẳng, trường đại học.

1.2.1.2. Vấn đề nghèo đói và nguyên nhân nghèo đói ảnh hưởng đến điều kiện học tập của học sinh sinh viên

Để thấy được sự tác động của nghèo đói ảnh hưởng đến điều kiện học tập của HSSV, cần tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự nghèo đói. Có thể tổng hợp lại một số nguyên nhân chính gây ra nghèo đói như sau:

- Nguyên nhân chủ quan:

Nguyên nhân từ bản thân người nghèo: Người nghèo, phần lớn bị hạn chế nguồn lực về vốn, sức lao động, đất canh tác..., do đó, họ dễ bị rơi vào vòng luẩn quẩn nghèo đói do thiếu nguồn lực. Trình độ học vấn thấp, việc làm thiếu và không ổn định, người nghèo có nguy cơ dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của thiên tai và các rủi ro khác. Đông con, bệnh tật và sức khoẻ yếu cũng là yếu tố đẩy con người vào tình trạng đói nghèo và tất nhiên họ nhận thức hạn chế về tương lai con em họ và không khuyến khích việc đi học của con em mình. Do đó, việc đầu tư cho học hành của con em họ không được chú trọng.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Điều kiện tự nhiên, môi trường: Điều kiện tự nhiên và môi trường có tác động trực tiếp đến đời sống xã hội của dân cư và quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Đối với các nước đang phát triển, và các nước nghèo rất dễ bị tác động bởi điều kiện tự nhiên, môi trường, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai luôn xảy ra: lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, đất đai cằn cỗi, diện tích canh tác ít, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn,... đã làm cho một bộ phận dân cư lâm vào cảnh không nhà cửa, bệnh tật, nghèo đói triền miên. Khi cuộc sống bấp bênh, không có nhà cửa, không có công ăn việc làm thì chắc chắn rằng con em họ không có điều kiện học tập bởi bản thân họ đã không tự lo được cho họ thì sao có điều kiện lo cho con em của họ, cái ăn chưa có đủ sao lo được cái chữ.

+ Kinh tế thị trường và sự phân hoá giàu nghèo: Đây chính là khuyết tật của kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường có vai trò rất lớn trong phát triển kinh tế của các quốc gia nhưng mặt khác nó cũng chứa đựng nhiều khuyết tật đó là: tính tự phát cao; mục đích chính là lợi nhuận dẫn tới tình trạng lừa đảo, chộp

giật, vi phạm pháp luật. Kinh tế thị trường có thể chi phối mọi quan hệ chính trị, xã hội; một số người không có công ăn việc làm, thất nghiệp gia tăng; phân hoá giàu nghèo ngày một lớn, công bằng xã hội bị vi phạm; môi trường sinh thái bị phá huỷ. Do vậy, để đảm bảo định hướng kinh tế của một quốc gia và khắc phục khuyết tật của cơ chế thị trường, đòi hỏi phải có sự quản lý của Nhà nước. Cuộc sống con người thiếu thốn trăm đường trong đó có vấn đề học tập.

+ Chính sách quản lý xã hội: Mỗi quốc gia đều phải có các chính sách phát triển kinh tế, chính sách quản lý xã hội. Các chính sách phù hợp sẽ có tác động tích cực cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Nhưng ngược lại, các chính sách đó nếu không được phối hợp một cách đồng bộ hoặc được thực thi không tốt sẽ có tác động tiêu cực tới xã hội và khoảng cách giàu nghèo sẽ không những không được thu hẹp mà ngày càng tăng. Khi khoảng cách giàu nghèo càng lớn cũng là nguyên nhân làm cho xu hướng nghèo đói gia tăng và yếu tố tự nhiên là người nghèo không thể tiếp cận được với cái chữ, không có điều kiện học hành và nâng cao trí thức.

1.2.1.3. Khách hàng là học sinh sinh viên trong cho vay ngân hàng

Việt Nam là một quốc gia đang trong giai đoạn phát triển kinh tế, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Để phát triển sự nghiệp giáo dục, tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, đáp ứng nhu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Tuy nhiên có một thực tế đáng lo ngại ở nước ta hiện nay là HSSV có hoàn cảnh khó khăn chiếm tỷ lệ cao so với tổng số HSSV đang theo học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, học nghề, nếu không được sự hỗ trợ của Nhà nước thì bộ phận HSSV này khó có thể theo học được, đất nước sẽ mất đi một số lượng lớn nhân tài, những vùng sâu, vùng xa, vùng núi hải đảo không có điều kiện tiếp nhận cán bộ.

Từ những thực tế này, cho vay đối với HSSV nhằm mục đích:

Giúp HSSV giải quyết những khó trong thời gian học tập tại trường, để tiếp tục theo học, giải quyết những khó khăn cho cha mẹ HSSV.

Giúp HSSV và cha mẹ HSSV (hoặc người đỡ đầu) xác định rõ trách nhiệm của mình trong quan hệ vay mượn, khuyến khích người vay sử dụng vốn vào mục đích học tập tốt để sau này ra trường có việc làm thu nhập trả nợ Ngân hàng.

Xét về mặt xã hội, cho vay HSSV góp phần giảm tỷ lệ thất học, phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế tri thức, đào tạo những tài năng cho đất nước, tạo điều kiện phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; góp phần cân đối đào tạo cho các vùng miền và các đối tượng là người học có hoàn cảnh khó khăn vươn lên; giảm bớt sự thiếu hụt cán bộ, rút dần khoảng cách chênh lệch về dân trí về kinh tế giữa các vùng miền, tạo ra khả năng đáp ứng yêu cầu xây dựng bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới, cải thiện đời sống một bộ phận HSSV, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, hạn chế được những mặt tiêu cực.

Tăng cường mối quan hệ giữa Nhà trường, Ngân hàng và HSSV...Nêu cao tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau trong sinh hoạt và học tập, tạo niềm tin của thế hệ tri thức trẻ đối với Đảng và Nhà nước.

Như vậy, khách hàng là học sinh sinh viên trong cho vay ngân hàng là những học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, như: HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động; HSSV là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật; Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật; HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học.

1.2.2. Cho vay đối với học sinh sinh viên

1.2.2.1. Khái niệm

Cho vay đối với HSSV là loại hình cho vay đối với đối tượng đặc biệt là HSSV có hoàn cảnh khó khăn. Cho vay HSSV là việc Ngân hàng sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động để cho vay HSSV có hoàn cảnh khó

khẩn đang học Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và học nghề vay nhằm hỗ trợ tiền học phí, mua sắm phương tiện học tập và các chi phí khác phục vụ cho việc học tập tại trường.

1.2.2.2. Đặc trưng cơ bản của cho vay đối với học sinh sinh viên

Cho vay đối với HSSV không thể giống như cơ chế cho vay thông thường mà nó chứa đựng những yếu tố cơ bản sau:

Một là, đây là cho vay không vì mục tiêu lợi nhuận.

Xuất phát từ mục tiêu của cho vay chính sách là không vì mục tiêu lợi nhuận mà là góp phần thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo, ổn định kinh tế - chính trị - xã hội, thể hiện như sau:

- Về nguồn vốn: được Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ nguồn vốn hoạt động cho vay đối với HSSV.

- Về tổ chức thực hiện cho vay đối với HSSV: được Nhà nước chỉ định hoặc do Nhà nước thành lập.

- Về mục tiêu của cho vay đối với HSSV: Giúp HSSV đóng học phí và các chi phí liên quan đến học tập từ đó HSSV có điều kiện vươn lên trong học tập.

Hai là, đối tượng được thụ hưởng là HSSV có hoàn cảnh khó khăn đang học Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và học nghề theo học tại các cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Ba là, người vay vốn không phải là người trực tiếp sử dụng vốn vay.

Trong các chương trình cho vay thông thường, người vay vốn sẽ là người trực tiếp nhận nợ và sử dụng vốn đã vay. Khác với các chương trình cho vay thông thường, cho HSSV vay vốn thông qua hộ gia đình, người đứng ra vay vốn và trực tiếp nhận nợ là hộ gia đình, nhưng hộ gia đình không phải là người trực tiếp sử dụng đồng vốn đã vay, mà hộ gia đình chuyển số tiền vốn vay này cho con, em mình sử dụng phục vụ cho việc học tập như nộp học phí, ăn ở, đi lại và chi phí học tập cho HSSV trong thời gian học tập tại trường.

Người trực tiếp vay vốn và trả nợ cho ngân hàng là cha mẹ HSSV, nhưng nguồn thu nhập chính để trả nợ là nguồn thu nhập của HSSV sau khi ra trường có việc làm.

Đối tượng vay vốn chương trình HSSV là những hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy, ngoài vay vốn từ chương trình cho vay HSSV hộ còn có thể đủ điều kiện và được vay vốn để sản xuất kinh doanh từ các chương trình cho vay khác như chương trình cho vay hộ nghèo, chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, chương trình cho vay giải quyết việc làm...

Do đó nguồn thu nhập để trả nợ ngân hàng của chương trình này rất khác với các chương trình cho vay khác, nguồn thu nhập để trả nợ bao gồm nguồn thu nhập của HSSV sau khi tốt nghiệp có việc làm mang lại và nguồn thu nhập từ sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, dùng nguồn thu nhập tổng hợp của hộ gia đình để trả nợ Ngân hàng theo cam kết đã thỏa thuận.

Ngoài ra, người vay vốn là người trực tiếp sử dụng vốn vay đối với trường hợp HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ mà người còn lại không có khả năng lao động thì HSSV được vay vốn trực tiếp tại Ngân hàng nơi nhà trường đóng trụ sở.

Bốn là, thủ tục và quy trình cho vay đơn giản, thuận tiện để HSSV có thể tiếp cận được với cho vay Ngân hàng một cách dễ dàng. Việc phê duyệt cho vay cần đảm bảo mục tiêu: xác định đúng đối tượng, xác định đúng nhu cầu vay vốn nhưng phải tránh phiền hà và thủ tục rườm rà.

- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Gia đình của HSSV có hoàn cảnh khó khăn thường là hộ nghèo có rất ít tài sản, do vậy yêu cầu về những tài sản thế chấp thông thường như đất đai, nhà cửa, máy móc và các tài sản khác là không thích hợp. Cho vay chính sách trong trường hợp này dựa trên uy tín của chính khách hàng vay, cho vay không cần tài sản đảm bảo. Ngân hàng có thể sử dụng một số hình thức thay cho tài sản thế chấp như: Nhóm liên đới, cho vay dựa trên uy tín và tính cách khách hàng, bảo lãnh của bên thứ ba ...

- Về lãi suất cho vay: Đây là một vấn đề phức tạp. Hiện có hai quan điểm trái ngược nhau về lãi suất cho vay đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn.

Quan điểm thứ nhất áp dụng lãi suất ưu đãi, tức là lãi suất thấp hơn lãi suất áp dụng tại các NHTM trên thị trường do quan điểm này cho rằng vay vốn phải được hiểu như một nội dung của chính sách xã hội.

Quan điểm thứ hai cho rằng áp dụng lãi suất thị trường vì cho rằng HSSV có hoàn cảnh khó khăn cần vốn hơn, lãi suất ưu đãi hay không không quan trọng đối với HSSV vì thực tế cho thấy họ vẫn có thể đi vay nặng lãi và hoàn trả sòng phẳng.

Đối với tổ chức cấp tín dụng chính sách, bền vững tài chính là mục tiêu đạt được không dễ dàng. Yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự bền vững về tài chính là khả năng tự trang trải chi phí trong quá trình hoạt động. Chính sách về lãi suất cho vay liên quan đến vấn đề này.

Tuy nhiên nhằm đảm bảo mục tiêu bền vững, hoạt động cho vay đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn cũng giống như các hoạt động cho vay khác đều tuân thủ hai nguyên tắc đó là: Vốn vay được sử dụng đúng mục đích đã thỏa thuận và các món vay phải được hoàn trả đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi.

Do đặc thù riêng có của chương trình cho vay HSSV, nên việc cho vay của chương trình này được xã hội hóa rộng hơn các chương trình cho vay khác, đặc biệt là khâu thu hồi nợ của chương trình cần có sự phối hợp của các đơn vị nơi cha mẹ HSSV cư trú, của đơn vị nơi HSSV làm việc, của các đơn vị đã được hưởng lợi từ chương trình cho vay HSSV và của nhiều cấp, nhiều ngành.

Năm là, mức vay không biến động theo thị trường tài chính mà thay đổi tăng lên theo biến động chi phí và giá cả từng năm. Mức vốn cho vay tối đa đối với một HSSV được quy định theo từng thời kỳ. Khi chính sách học phí của Nhà nước có thay đổi và giá cả sinh hoạt có biến động, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mức vốn cho vay trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng và Bộ Tài chính.

Sáu là, phải có phương thức cho vay và huy động vốn phù hợp với yêu cầu quản lý một khối lượng khách hàng lớn với nhiều lần giao dịch. Để phù hợp với khả năng trả nợ của HSSV, Ngân hàng nên áp dụng đa dạng các phương thức cho vay: cho vay trực tiếp hoặc cho vay gián tiếp.

Bây là, xã hội hóa việc cho vay đối với HSSV. Do đặc thù riêng có của việc cho vay đối với HSSV, nên việc cho vay của chương trình này được xã hội hóa rộng hơn các chương trình cho vay khác, đặc biệt là khâu thu hồi nợ của chương trình cần có sự phối hợp của các đơn vị nơi cha mẹ HSSV cư trú, của đơn vị nơi HSSV làm việc, của các đơn vị đã được hưởng lợi từ chương trình cho vay HSSV và của nhiều cấp, nhiều ngành. Để cho vay đối với HSSV thực hiện có hiệu quả thì Ngân hàng cần có sự phối hợp của nhiều bộ, ban ngành có liên quan như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, ...

1.2.3. Quy trình cho vay đối với học sinh sinh viên

1.2.3.1. Chính sách cho vay đối với học sinh sinh viên

a. Đối tượng HSSV được vay vốn

HSSV có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

- HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

- HSSV là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

+ Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

+ Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

+ HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

+ Bộ đội xuất ngũ theo học tại các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ sở dạy nghề khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, học nghề trong các trường: cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trường đại học, trung cấp chuyên nghiệp của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở đào tạo nghề khác.

b. Điều kiện vay vốn

- HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay và thuộc đối tượng được vay vốn.

- Đối với HSSV năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

- Đối với HSSV từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

c. Mức vốn cho vay

Mức cho vay tối đa đối với một HSSV do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh. Căn cứ vào mức thu học phí của từng trường, sinh hoạt phí và nhu cầu của người vay để quyết định mức cho vay cụ thể đối với từng HSSV, nhưng tối đa mỗi HSSV không quá mức cho vay đã quy định theo từng tháng. Số tiền cho vay đối với mỗi hộ gia đình căn cứ vào số lượng HSSV trong gia đình, thời gian còn phải theo học tại trường và mức cho vay đối với mỗi HSSV.

d. Thời hạn cho vay

- Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong Khế ước nhận nợ. Người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên ngay sau khi HSSV có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học. Như vậy thời gian tối đa không quá 12 tháng tính từ ngày HSSV kết thúc khóa học ra trường chưa có việc làm được hiểu là thời gian ân hạn. Khi đó thời hạn cho vay tối đa được xác định theo công thức sau:

Thời hạn cho vay = thời hạn phát tiền vay + 12 tháng + thời hạn trả nợ

+ Thời hạn phát tiền vay: là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khoá học, kể cả thời gian HSSV được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có).

+ Thời hạn trả nợ: là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc và lãi. Người vay và ngân hàng thỏa thuận thời

hạn trả nợ cụ thể nhưng không vượt quá thời hạn trả nợ tối đa được quy định cụ thể như sau: Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo đến một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay. Đối với các chương trình đào tạo trên một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

d. Lãi suất cho vay

Do Thủ tướng Chính phủ quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

e. Tổ chức giải ngân

Việc giải ngân được thực hiện mỗi năm 02 lần vào các kỳ học. Số tiền giải ngân từng lần căn cứ vào mức cho vay tháng và số tháng của từng học kỳ. Giấy xác nhận của nhà trường hoặc giấy báo nhập học được sử dụng làm căn cứ giải ngân cho 2 lần của năm học đó. Để giải ngân cho năm học tiếp theo phải có giấy xác nhận mới của nhà trường.

f. Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi tiền vay

Khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, Ngân hàng cùng người vay thoả thuận việc định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay. Người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên khi HSSV có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học. Số tiền cho vay được phân kỳ trả nợ tối đa 6 tháng 1 lần, phù hợp với khả năng trả nợ của người vay do ngân hàng và người vay thoả thuận ghi vào Sổ vay vốn.

g. Thu nợ gốc và lãi tiền vay

- Việc thu nợ gốc được thực hiện theo phân kỳ trả nợ đã thoả thuận trong Sổ vay vốn. Trường hợp người vay có khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

- Lãi tiền vay được tính kể từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Ngân hàng thoả thuận với người vay trả lãi theo định kỳ tháng hoặc quý trong thời hạn trả nợ. Trường hợp, người vay có nhu cầu trả lãi theo định kỳ hàng tháng, quý trong thời hạn phát tiền vay thì Ngân hàng thực hiện thu theo yêu cầu của người vay.

- Đối với các khoản nợ quá hạn, thu nợ gốc đến đâu thì thu lãi đến đó; trường hợp người vay thực sự khó khăn có thể ưu tiên thu gốc trước, thu lãi sau.

- Chính sách giảm lãi đối với người vay trả nợ trước hạn:

Số tiền lãi được giảm khi trả nợ trước hạn: Số tiền lãi được giảm tính trên số tiền gốc trả nợ trước hạn và thời gian trả nợ trước hạn của người vay.

Mức lãi suất được giảm bằng 50% lãi suất cho vay.

Số tiền lãi được giảm cho mỗi lần trả nợ trước hạn được tính theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi được giảm} = \frac{\text{Số tiền gốc trả nợ trước hạn} \times \text{Số ngày trả nợ trước hạn} \times \text{Lãi suất cho vay (\%/tháng)}}{30 \text{ ngày}} \times 50\%$$

Số ngày trả nợ trước hạn được tính từ ngày trả nợ đến ngày trả nợ cuối cùng ghi trên Sổ vay vốn.

h. Điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ trả nợ cuối cùng, người vay có khó khăn chưa trả được nợ, phải có văn bản đề nghị gia hạn nợ thì được Ngân hàng xem xét cho gia hạn nợ cho đối tượng vay vốn; thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ.

- Trường hợp đối tượng được vay vốn không trả nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và không được phép gia hạn nợ, Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội có biện pháp thu hồi nợ.

i. Xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan

Được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt trên cơ sở đề nghị của khách hàng, của Ngân hàng và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

1.2.3.2. Quy trình và thủ tục cho vay đối với học sinh sinh viên

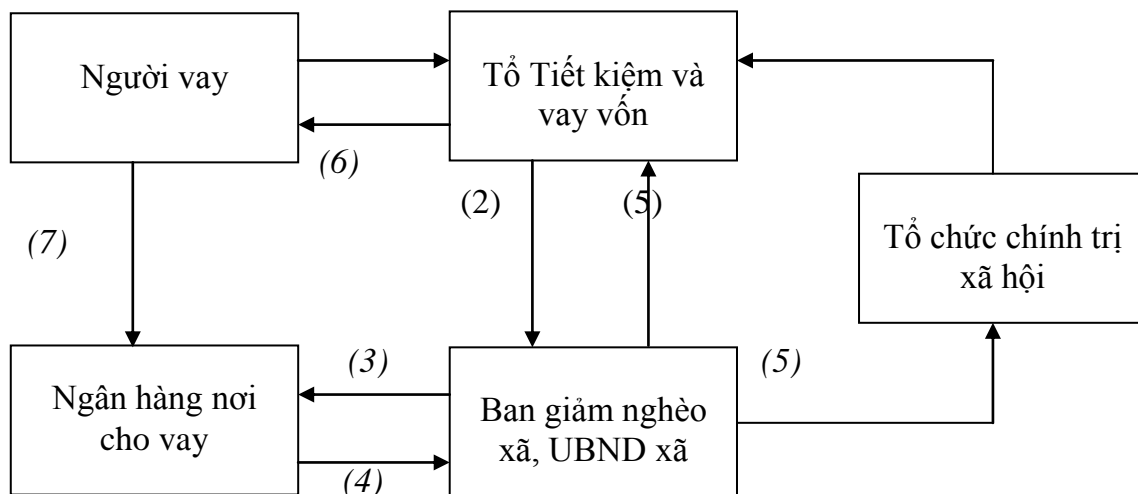
a. Đối với hộ gia đình

Hồ sơ cho vay bao gồm:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay kèm Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học;

- Danh sách hộ gia đình có HSSV đề nghị vay vốn với Ngân hàng;
- Biên bản họp Tổ TK&VV;
- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay.

Quy trình cho vay: gồm 7 bước theo sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.2. Quy trình cho vay HSSV thông qua hộ gia đình

Chú thích:

(1) Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kèm Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học gửi cho Tổ TK&VV.

(2) Tổ TK&VV nhận được hồ sơ xin vay của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Trường hợp người vay chưa là thành viên của Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tại thôn đang hoạt động hiện nay tổ chức kết nạp thành viên bổ sung hoặc thành lập Tổ mới nếu đủ điều kiện. Sau đó, lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng kèm Giấy đề nghị vay vốn, Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học trình UBND cấp xã xác nhận.

(3) Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ TK&VV gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn cho Ngân hàng để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

(4) Ngân hàng nhận được hồ sơ do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ Ngân hàng được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ

của hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng tín dụng (Tổ trưởng tín dụng) và Giám đốc phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt, Ngân hàng lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay gửi UBND cấp xã.

(5) UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác cho vay) và Tổ TK&VV.

(6) Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Tổ TK&VV thông báo cho người vay biết kết quả phê duyệt của Ngân hàng.

(7) Người vay đến điểm giao dịch tại xã hoặc trụ sở Ngân hàng nơi cho vay để nhận tiền vay.

b. Đối với học sinh sinh viên mồ côi vay trực tiếp tại Ngân hàng

Hồ sơ cho vay bao gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay kèm Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học.

Quy trình cho vay gồm 2 bước:

Bước 1: Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của nhà trường đang theo học tại trường và là HSSV mồ côi có hoàn cảnh khó khăn gửi Ngân hàng nơi nhà trường đóng trụ sở.

Bước 2: Nhận được hồ sơ xin vay, Ngân hàng xem xét cho vay.

1.2.4. Hiệu quả của cho vay đối với học sinh sinh viên

Hiệu quả cho vay đối với HSSV một mặt cần phải đánh giá bằng việc duy trì được quan hệ cho vay lâu dài, tin tưởng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc cho vay; mặt khác, cần được đánh giá trên phương diện hiệu quả mà vốn cho vay mang lại đối với ngân hàng, khách hàng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Hiệu quả trong mối quan hệ nguyên tắc cho vay

Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi: đây là nguyên tắc cơ bản xuyên suốt hoạt động cho vay dù là cho vay thương mại hay cho vay chính sách. Cho vay đối với HSSV phải được tổ chức và hoạt động theo những chuẩn mực của một tổ chức có hiệu quả kinh tế - xã hội, an toàn và phát triển đúng hướng, chương trình cho vay đối với HSSV phải được bảo toàn vốn để cho vay quay vòng đối với các

thể hệ học sinh nối tiếp và thu lãi vay để trang trải một phần chi phí hoạt động theo quy định.

Sử dụng vốn đúng mục đích: Vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích theo quy định, góp phần trang trải cho việc học tập, sinh hoạt theo học tại các trường.

- Hiệu quả trong mối quan hệ rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khi người đi vay sai hẹn trong thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng bao gồm vốn gốc và/hoặc lãi. Sự sai hẹn có thể là trễ hạn hoặc không thanh toán. Rủi ro tín dụng sẽ dẫn đến tổn thất về tài chính, tức là giảm thu nhập ròng và giảm giá trị thị trường của vốn. Trong trường hợp nghiêm trọng có thể dẫn đến thua lỗ, hoặc ở mức độ cao hơn có thể dẫn đến phá sản. Đối với Ngân hàng chính sách, cho vay là dịch vụ đem lại nguồn thu gần như duy nhất. Một số chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá chất lượng cho vay như sau:

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn (\%)} = \frac{\text{Tổng dư nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu (\%)} = \frac{\text{Tổng dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Trong đó, tổng dư nợ xấu bao gồm nợ quá hạn, nợ khoanh và nợ xâm tiêu chờ xử lý. Nếu tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn cao, thì hiệu quả kinh doanh thấp, độ rủi ro cao. Nếu tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn thấp, hiệu quả kinh doanh cao, độ rủi ro thấp.

- Hiệu quả trong mối quan hệ kinh tế xã hội

Đánh giá hiệu quả cho vay đối với HSSV về khía cạnh kinh tế - xã hội nghĩa là đánh giá xem vốn cho vay đối với HSSV đã mang lại giá trị hay có ý nghĩa như thế nào xét trên các mặt sau:

Thứ nhất, cho vay đối với HSSV tạo điều kiện cho bao nhiêu HSSV có hoàn cảnh khó khăn có tiền để trang trải kinh phí học tập. HSSV được hỗ trợ kinh phí để theo học các bậc học khác nhau kể cả đào tạo nghề, giúp HSSV ra trường có thể có việc làm ổn định, phát triển kinh tế cho bản thân và gia đình.

Thứ hai, cho vay đối với HSSV giúp HSSV xác định rõ trách nhiệm của mình trong quan hệ vay mượn, khuyến khích người vay sử dụng vốn vào mục đích học tập tốt để sau này ra trường có việc làm tạo thu nhập trả nợ ngân hàng.

Thứ ba, cho vay đối với HSSV góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có trình độ, phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế tri thức, đào tạo những tài năng cho đất nước, tạo điều kiện phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ tư, góp phần cân đối đào tạo cho các vùng miền và các đối tượng là người có hoàn cảnh khó khăn vươn lên; giảm bớt dần sự thiếu hụt cán bộ, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch về dân trí, về kinh tế giữa các vùng miền, tạo ra khả năng đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới, cải tạo đời sống của một bộ phận HSSV, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, hạn chế được những mặt tiêu cực.

Thứ năm, cho vay đối với HSSV không chỉ hỗ trợ cho HSSV mà còn giúp cho các nhà trường ổn định về số lượng, nguồn thu, đảm bảo phát triển chất lượng giảng dạy của nhà trường.

Thứ sáu, trong quá trình thực hiện xóa đói giảm nghèo và thực hiện mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội, nhận thấy việc cung cấp tài chính đối với HSSV thông qua hình thức cho vay là rất hiệu quả. Quá trình tập trung các nguồn vốn và chu chuyển qua hình thức cho vay đã tạo được một khối lượng vốn gấp nhiều lần để hỗ trợ HSSV, đồng thời thông qua việc cung cấp vốn bằng hình thức cho vay đã giúp HSSV nghèo có điều kiện vươn lên học tập tốt, nhằm nâng cao địa vị xã hội.

Thứ bảy, bên cạnh những hiệu quả vật chất, cho vay đối với HSSV đã giúp người dân tăng thêm lòng tin vào Đảng, Chính phủ; góp phần tích cực vào sự thành công trong chính sách kinh tế của Chính phủ.

1.2.5. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay đối với học sinh sinh viên

Khi đo lường hiệu quả hoạt động cho vay của một tổ chức tín dụng nói chung, người ta thường xem xét và so sánh các kết quả đầu ra và chi phí đầu vào tương ứng nhằm đạt được kết quả đó. Thông thường các nhà nghiên cứu sử dụng

các chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận để đo lường hiệu quả kinh tế của hoạt động cho vay trên qua điểm của ngân hàng. Tuy nhiên, cho vay đối với HSSV không vì mục tiêu lợi nhuận, do vậy chỉ tiêu về lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận là không thích hợp để đo lường hiệu quả hoạt động cho vay đối với HSSV. Để đánh giá hiệu quả cho vay đối với HSSV, theo quan điểm của tác giả, các chỉ tiêu định lượng sau là phù hợp:

- *Dư nợ cho vay*: là tổng số tiền mà các hộ vay vẫn còn nợ ngân hàng đến thời điểm báo cáo.

- *Doanh số cho vay*: là tổng số tiền ngân hàng cho các hộ vay trong một thời kỳ nhất định, thường là một năm tài chính.

- *Doanh số thu nợ*: là tổng số tiền mà ngân hàng thu hồi nợ gốc từ các hộ vay trong một thời gian nhất định, thường là một năm tài chính.

- *Doanh số thu lãi* : là tổng số tiền lãi mà ngân hàng thu được từ các hộ vay trong một thời gian nhất định, thường là một năm tài chính.

- *Nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá hạn*: Nợ quá hạn là số tiền các hộ vay chưa trả ngân hàng khi các khoản vay đến hạn. Tỷ lệ nợ quá hạn là tỷ lệ phần trăm của nợ quá hạn so với tổng dư nợ.

- *Số học sinh sinh viên được vay vốn*: là số HSSV nhờ vay vốn mà trang trải một phần chi phí học tập.

1.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay đối với học sinh sinh viên

1.2.6.1. Nhân tố chủ quan

Nhân tố chủ quan được hiểu là những nhân tố nội tại của ngân hàng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động quản lý cho vay đối với học sinh sinh viên.

Một là, chính sách cho vay của ngân hàng khi thực hiện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đối tượng nào và xu hướng phát triển đối tượng vay vốn của ngân hàng.

Hai là, nghiệp vụ của ngân hàng đảm bảo làm đúng chính sách và đúng quy trình. Trong một chuỗi các giai đoạn để thực hiện chính sách cho vay học sinh sinh viên, nghiệp vụ của ngân hàng là vấn đề về mặt chuyên môn, về mặt đáp ứng không

chỉ cho người vay được hưởng lợi đúng từ chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước mà còn đảm bảo cho sự bảo tồn và phát triển lâu dài của chính sách.

Quy trình cho vay là tổng hợp các nguyên tắc, quy định của ngân hàng, trong đó xây dựng các bước đi cụ thể theo một trình tự nhất định kể từ khi chuẩn bị hồ sơ đề nghị cho vay cho đến khi chấm dứt quan hệ cho vay. Đây là một quy trình bao gồm nhiều giai đoạn mang tính chất liên hoàn, theo một trình tự nhất định, đồng thời có quan hệ chặt chẽ và gắn bó với nhau. Dựa vào quy trình cho vay ngân hàng sẽ thiết lập các thủ tục cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo mục tiêu trong cho vay. Thông qua quy trình kiểm soát được việc thực hiện và kết quả thực hiện, đồng thời điều chỉnh quy trình cho phù hợp thực tiễn khi có thay đổi.

Ba là, chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng. Con người luôn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của bất kỳ một tổ chức nào, trong đó có ngân hàng. Trong hoạt động cho vay, cán bộ tín dụng là người tham gia trực tiếp các khâu của quy trình cho vay. Khi xem xét yếu tố này ta sẽ xét dưới hai góc độ:

Trước hết là trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Một cán bộ tín dụng có trình độ chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm cao sẽ thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả tốt, tránh được những rủi ro xuất phát từ phía chủ quan của con người. Từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn, hạn chế được những sai lầm do lựa chọn sai khách hàng, qua đó sẽ nâng cao được chất lượng cho vay.

Tiếp theo, cán bộ tín dụng phải có tư cách đạo đức: Vì nếu một người cán bộ không có tư cách đạo đức, luôn đề cao lợi ích cá nhân, móc ngoặc với khách hàng, chấp nhận cho vay đối với những khách hàng không đủ tiêu chuẩn, bỏ qua những khách hàng thuộc đối tượng cho vay lại đủ điều kiện vay vốn của ngân hàng, nhận hối lộ, tham nhũng để cho vay trái Pháp luật. Tất cả những hành vi đó đều ảnh hưởng xấu tới chất lượng cho vay của ngân hàng.

Bốn là, công tác kiểm tra giám sát hoạt động cho vay HSSV. Một trong những hoạt động nhằm giúp cho ngân hàng hạn chế được rủi ro là công tác kiểm tra, kiểm soát, thanh tra. Công tác này không chỉ thực hiện với khách hàng mà còn thực hiện đối với bản thân ngân hàng. Thông qua công tác này các nhà quản lý sẽ đảm

bảo được chất lượng cho vay, quy trình được thực hiện đúng quy định chưa, phát hiện kịp thời các sai sót, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản lý từ đó đôn đốc nhắc nhở cán bộ tín dụng kịp thời sửa chữa.

Năm là, trình độ, công nghệ, trang thiết bị của ngân hàng. Nền kinh tế càng phát triển thì yêu cầu áp dụng các công nghệ tiên tiến vào trong các nghiệp vụ của ngành tài chính ngân hàng là cần thiết vì nó không những giảm chi phí, tiết kiệm thời gian giao dịch, ngân hàng dễ triển khai các chương trình mới.

1.2.6.2. Nhân tố khách quan

Là nhóm nhân tố bên ngoài không do chủ quan của ngân hàng.

Thứ nhất: Chính sách của Chính phủ

Chính sách của Chính phủ về cho vay đối với HSSV áp dụng trên diện rộng hay thu hẹp. Bên cạnh tính đúng đắn, tính nhân văn của một chính sách thì phạm vi hay sức ảnh hưởng là vô cùng quan trọng. Phạm vi rộng, sức ảnh hưởng có chiều sâu, đặc biệt cả về không gian và thời gian như chính sách cho vay học sinh sinh viên đòi hỏi phải có một cơ chế quản lý, phương pháp quản lý mang tính hệ thống, đồng bộ, chi tiết vừa mang lại hiệu quả cao, vừa giảm thiểu những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Thứ hai: Vai trò của các cơ quan tham gia quản lý vay vốn học sinh sinh viên

Vai trò của mỗi cơ quan tổ chức tham gia quản lý được thực hiện nghiêm túc sẽ vừa thúc đẩy tiến trình vay vốn, vừa mang lại hiệu quả về nhiều mặt cho hộ vay và cho cả địa phương và xã hội. Chính sách đúng đắn, nhân văn hợp lòng dân nhưng nếu không được thực thi nghiêm túc, không được giám sát thường xuyên sẽ dần mất đi hiệu quả cần đạt được trong mục tiêu đề ra ngay từ khi được ban hành.

Thứ ba: Mạng lưới Tổ tiết kiệm và vay vốn

Mạng lưới mạnh sẽ đảm bảo yêu cầu trong lĩnh vực tài chính. Đối với bất kỳ một hoạt động nào dù nhỏ cũng cần có nhân lực. Ở đây lại là cả một chính sách sâu rộng, có sức ảnh hưởng rất lớn toàn xã hội như vậy không chỉ một cơ quan một tổ chức với nhân sự hạn hẹp về số lượng, về công nghệ mà triển khai được. Chính vì

thế, việc chính sách cho vay học sinh sinh viên theo quy trình vay vốn này không thể không phát triển mạnh mẽ mạng lưới Tổ TK&VV. Hơn thế, cần phải phát triển lớn mạnh hơn nữa.

Thứ tư: Môi trường kinh tế trong và ngoài nước

Đây là nhân tố trong nhóm nhân tố khách quan vì bất kỳ một hoạt động kinh tế nào cũng đều diễn ra trong một môi trường kinh tế nhất định và chịu tác động mạnh mẽ của môi trường đó. Môi trường khó khăn về vốn sẽ đẩy ngân hàng cho vay không kịp nhu cầu theo thời điểm vay đặc thù của chương trình vay vốn học sinh sinh viên vào đầu các kỳ học.

Thứ năm: Môi trường văn hóa-chính trị-xã hội

Môi trường văn hóa chính trị có ảnh hưởng đến tâm lý của những người vay vốn. Trong khi chính sách vẫn còn chưa khép kín thì tự ý thức mỗi gia đình sẽ chịu ảnh hưởng tính khu vực để quyết định vay vốn hay không vay vốn (tự nỗ lực cố gắng chất chiu hơn).

Thứ sáu: Tư cách đạo đức của khách hàng

Trong quan hệ cho vay, tư cách đạo đức của khách hàng là yếu tố quyết định tới thiện chí trả nợ, cũng như mức độ trung thực và điều này quyết định đến hoạt động trả nợ của khách hàng, do đó nó cũng tác động đến kết quả hoạt động quản lý cho vay.

1.3. Kinh nghiệm về cho vay đối với học sinh sinh viên trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Tất cả các quốc gia trên thế giới kể cả nước giàu và nước nghèo đều phải coi việc giải quyết vấn đề cho vay đối với HSSV, vấn đề chính sách xã hội như một chiến lược xây dựng kinh tế xã hội toàn cầu. Nhưng tùy theo điều kiện về chính trị và kinh tế mà mỗi quốc gia có một chính sách khác nhau. Phương thức cho HSSV vay tiền đã được thực hiện ở trên 50 nước. Đa số các nước cho vay dựa và yếu tố thu nhập và sử dụng phương thức trả nợ (thu hồi) theo kiểu truyền thống. Tức là quy định thời gian vay và trả nợ sau khi tốt nghiệp.

1.3.1. Trung Quốc

Chương trình cho sinh viên vay lần đầu tiên xuất hiện ở Trung Quốc năm 1986. Hai chương trình quốc gia chính thức được bắt đầu năm 1999 và hiện vẫn đang trong giai đoạn xây dựng; một chương trình do chính phủ trợ cấp và chương trình thứ hai hoạt động theo hình thức thương mại. Chương trình cho sinh viên vay vốn do chính phủ trợ cấp là chương trình cho vay chính ở Trung Quốc. Chương trình có đối tượng là sinh viên nghèo hệ chính quy tập trung ở các trường đại học công lập. Nguồn vốn vay do bốn ngân hàng thương mại của Nhà nước cấp. Mặc dù các cơ sở giáo dục có xử lý bước đầu đơn xin vay vốn nhưng các ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm lựa chọn, cho vay và thu nợ; họ cũng chịu hầu hết các rủi ro về việc người vay không trả nợ. Các ngân hàng nhận được lãi suất cho vay và một nửa trong số đó do Chính phủ trả. Mặc dù các ngân hàng thương mại cấp vốn vay nhưng tổng số vốn vay lại do hệ thống "chỉ tiêu" kiểm soát theo tổng số lãi chính phủ hỗ trợ và sự sẵn sàng cấp vốn vay của các ngân hàng thương mại (nếu ngân hàng không muốn cho vay nữa thì sẽ cấp số vốn vay ít hơn so với chỉ tiêu). Không có người bảo lãnh chính thức các khoản cho vay; uy tín của cá nhân sinh viên chính là một hình thức đảm bảo chứ không xem xét hồ sơ cho vay của người xin vay. Sinh viên sẽ phải trả nợ trong vòng bốn năm sau khi tốt nghiệp. Thu nhập tương đối thấp của các sinh viên tốt nghiệp đại học cộng với giai đoạn thu hồi vốn ngắn (4 năm) gây áp lực khá lớn đối với đối tượng vay vốn. Họ mất khoảng 24% tổng thu nhập hàng năm. Chương trình này không mang lại sự công bằng vì những sinh viên khó khăn có ít cơ hội nhận vốn vay hơn và sinh viên có hoàn cảnh kinh tế giống nhau ở các trường khác nhau lại nhận được số vốn vay khác nhau. Vì các ngân hàng phải chịu hầu hết các rủi ro về việc người vay không trả nợ nên họ có xu hướng phân biệt những sinh viên có nguy cơ này - đó chính là những sinh viên nghèo hơn và học ở những trường có vị thế thấp hơn. Ngoài ra, vì chính quyền địa phương trợ cấp lãi suất cho các cơ sở giáo dục ở địa phương nên những nơi nghèo hơn lại ít có khả năng hơn trong việc trợ cấp lãi suất cho các trường đại học địa phương.

Không giống như chương trình do chính phủ trợ cấp, Chương trình cho sinh

viên vay vốn theo hình thức thương mại thông thường do các ngân hàng thương mại (và các hợp tác xã tín dụng nông thôn) thực hiện lại dành cho sinh viên các trường đại học tư thục và công lập mà không tính đến hoàn cảnh kinh tế xã hội. Lãi suất vay vốn được tính theo giá thị trường và không được chính phủ trợ cấp. Thời gian hoàn trả vốn cũng khác nhau vì các ngân hàng tham gia có những quy định riêng về vốn vay. Vì vốn vay được đảm bảo thông qua tài sản của bố mẹ/người đỡ đầu để giảm tối thiểu rủi ro không trả nợ nên trong thực tế chương trình chỉ dành cho sinh viên xuất thân từ những gia đình thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu có tài sản thế chấp theo yêu cầu. [1]

1.3.2. Philippin

Các chương trình cho sinh viên vay ở Philippin có lịch sử khá lâu: Chương trình "Học trước trả nợ sau" được xây dựng từ năm 1976. Chỉ giới hạn cho những sinh viên nghèo học ở các trường đại học công lập, chương trình chưa bao giờ được thực hiện trên quy mô lớn và chỉ mang lại ảnh hưởng rất nhỏ đến tài chính giáo dục đại học.

Chương trình "Học trước trả nợ sau" có hai giai đoạn. Trong giai đoạn thứ nhất (1976-1989), các tổ chức tài chính của nhà nước - bao gồm hệ thống bảo hiểm xã hội và ngân hàng nhà nước - đã được yêu cầu cấp vốn vay ban đầu và có nhiệm vụ thực hiện chương trình, trong đó bao gồm cả cơ chế cho vay và thu nợ. Các tổ chức tài chính của nhà nước đã không đáp ứng được mục tiêu của chương trình: trong giai đoạn 1976-1989, họ chỉ giải ngân được 40% vốn kế hoạch mặc dù đã có được sự đảm bảo từ chính phủ trong trường hợp người vay không trả được nợ và họ chỉ thu được khoảng 40% số nợ đáo hạn.

Với việc các tổ chức tài chính của nhà nước ngừng tham gia từ năm 1989, chương trình đã được Văn phòng dịch vụ sinh viên thuộc Ủy ban Giáo dục đại học điều hành. Tuy nhiên, những cơ quan này lại thiếu năng lực và động cơ để điều hành một chương trình cho vay vốn vững chắc. Ngân sách hạn hẹp tiếp tục làm hạn chế khả năng đến được với vài nghìn đối tượng muốn vay mỗi năm và mức vay thường không đủ lớn để trả học phí. Việc không muốn thu nợ và thái độ tiêu cực

của người vay trong trả nợ đã khiến cho tỷ lệ thu nợ hiện giảm xuống chỉ còn 2%.

Gần đây mới xuất hiện hai chương trình mới của chính phủ tập trung vào các vùng cụ thể (có khó khăn về kinh tế) và các đơn vị đặc biệt - Trung tâm chất lượng cao của các trường đại học. Mặc dù cả hai chương trình đều được chính phủ tài trợ (thông qua Ủy ban Giáo dục đại học), các cơ sở giáo dục tham gia đều chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp chương trình kể cả giải ngân và đặc biệt là thu nợ. Một số cơ sở đã từ chối tham gia vào chương trình Trung tâm chất lượng cao của trường đại học. Hoạt động thí điểm các khoản vốn vay ở trường đại học hiện nay do chính phủ tài trợ cũng được tiến hành trên quy mô nhỏ với sự thành công không chắc chắn. Hiện không có kế hoạch rõ ràng trong việc xây dựng bất cứ chương trình quốc gia nào có phạm vi và ảnh hưởng lớn trong tương lai.[1]

1.3.3. Thái Lan

Chương trình cho vay của Thái Lan bắt đầu hoạt động từ năm 1996 và có đối tượng mục tiêu là học sinh, sinh viên khó khăn ở các trường Trung học Phổ Thông, trường dạy nghề, cao đẳng, đại học công lập và tư thục. Quy mô của chương trình là rất lớn và đến được khoảng một phần tư học sinh Trung học Phổ Thông, một phần ba sinh viên đại học (trừ hai trường đại học mở) và một nửa tổng số sinh viên các trường sư phạm (gọi là các trường Rajabhat). Chương trình hoạt động thông qua Ủy ban quốc gia cho học sinh, sinh viên vay vốn (và văn phòng cho vay vốn). Ủy ban này nhận được trợ cấp hàng năm từ ngân sách quốc gia. Việc chọn lựa đối tượng cho vay được các cơ sở giáo dục thực hiện (trường học, cao đẳng và đại học). Các cơ sở này nhận được ngân sách cho vay thông qua hệ thống phân bổ ngân sách từ trên xuống dưới, từ ủy ban cho vay vốn trung ương thông qua Bộ Giáo dục và Bộ Đại học (nay là hai bộ phận thuộc Bộ Giáo dục). Các cơ sở giáo dục có quyền tự quyết đáng kể trong quy trình cho vay vốn, bao gồm quyết định về quy mô vốn vay (lên đến con số tối đa được quy định) và mục đích cho vay (học phí, chi phí ở và chi phí sinh hoạt khác); phương thức phân bổ vốn được phân cấp nhiều như thế này dẫn đến sự bất công đáng kể trong hệ thống giáo dục. Mặc dù chương trình nhằm vào những học sinh, sinh viên có nhu cầu nhưng việc xác định đối tượng vay vốn lại

được thực hiện không hiệu quả. Mức trần thu nhập gia đình để được vay vốn cao hơn ba lần so với mức thu nhập chính thức được tính là mức nghèo. Phân bổ ngân sách vốn vay cho các cơ sở giáo dục chỉ dựa vào bình diện xã hội của học sinh, sinh viên (đối với các trường đại học, tiêu chí phân bổ hoàn toàn không dựa vào mức độ nghèo của sinh viên trong trường đại học hoặc không dựa vào nhu cầu). Sự phát triển nhanh của chương trình (vượt đáng kể so với kế hoạch) đã dẫn đến việc giảm ngân sách cho đối tượng vay vốn mới. Điều này được thấy rõ thông qua quy mô vốn vay trung bình đang giảm theo thời gian (thậm chí trên danh nghĩa) chứ không phải qua số người vay vốn mới (con số này tiếp tục tăng ở bậc đại học). Rõ ràng là các cơ sở giáo dục muốn trải rộng số kinh phí vốn vay đang giảm đi để phục vụ cho một số lượng học sinh, sinh viên tăng hơn và một lần nữa việc này lại làm giảm đi tác động của chương trình trong việc hỗ trợ các học sinh, sinh viên nghèo nhất.

Chương trình cho vay của Thái Lan nhận được mức trợ cấp của chính phủ cao hơn đáng kể so với chương trình của các nước tiến hành nghiên cứu điển hình khác; với lãi suất 1% và việc hoàn vốn chỉ trên danh nghĩa, trong thực tế học sinh, sinh viên chỉ phải hoàn lại một tỷ lệ vốn nhỏ so với số vốn vay ban đầu.[1]

1.3.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Nhìn chung, số đông các quốc gia trên thế giới có các chương trình khác nhau trợ giúp tài chính cho sinh viên học đại học và sau đại học. Mục tiêu của việc thực hiện các chương trình cho vay vốn học tập có thể phân thành 5 nhóm:

Thứ nhất, tạo nguồn thu nhập cho các trường đại học do có thể tăng cao hơn học phí; Thứ hai, tạo điều kiện mở rộng, phát triển hệ thống giáo dục đại học; Thứ ba, tăng cơ hội cho người nghèo tiếp cận giáo dục đại học, góp phần giải quyết công bằng xã hội; Thứ tư, đáp ứng được nguồn nhân lực trình độ đại học cho phát triển kinh - xã hội của quốc gia; Thứ năm, góp phần giảm bớt gánh nặng tài chính cho sinh viên.

Từ những thực tế của công tác cho vay HSSV ở các nước, chúng ta có thể rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam như sau:

- Thứ nhất, sự cần thiết của chương trình cho vay HSSV: nhìn chung các chương trình cho vay đối với học sinh nghèo, các HSSV có hoàn cảnh khó khăn là chương trình cần thiết, phổ biến đối với các nước. Vì vậy, việc duy trì và phát triển của Quỹ tín dụng đào tạo là cần thiết, khách quan, phù hợp xu thế thời đại. Cho vay đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn cần được trợ giúp từ phía nhà nước.

- Thứ hai, về tổ chức bộ máy và chức năng hoạt động của chương trình cho vay HSSV: việc Chính phủ chỉ đạo bàn giao Chương trình cho vay HSSV từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam sang NHCSXH là hợp lý, nhằm tách bạch tín dụng chính sách ra khỏi tín dụng thương mại, thuận tiện cho việc cấp nguồn vốn và cấp bù lãi suất cho vay.

- Thứ ba, qua thực tiễn cho vay HSSV ở nước ta cần nghiên cứu cải tiến về phương thức giải ngân vốn cho vay HSSV. Chúng ta có thể áp dụng cách giải ngân vốn cho vay thông qua hộ gia đình, từ đó gắn trách nhiệm trả nợ, chịu trách nhiệm về khoản vay đối với hộ gia đình. Thực hiện cách giải ngân này sẽ thuận lợi trong công tác kiểm tra hộ vay, đôn đốc hộ vay trả nợ, hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra.

- Thứ tư, rút ra kinh nghiệm thoả thuận phân kỳ trả nợ HSSV cho phù hợp với thu nhập của gia đình HSSV và thu nhập của chính HSSV ấy.

- Thứ năm, cần hoàn thiện hơn về chế tài và biện pháp xử lý nợ đối với các khoản vay chây ỳ, cố tình không trả nợ, trên cơ sở có sự phối hợp giữa nhà trường và Ngân hàng để thông báo cho cơ quan tuyển dụng HSSV khi ra trường, coi đây là chuẩn đạo đức cần thiết cho HSSV khi nhận công tác.

- Thứ sáu, vấn đề phối hợp giữa các ngành các cấp trong xây dựng chính sách cho vay sinh viên trong công tác cho vay, cũng như triển khai thực hiện cho vay, thu nợ và trong việc giải quyết việc làm cho HSSV là hết sức cần thiết.

Từ những bài học kinh nghiệm trên, nó không chỉ có giá trị cho các nhà hoạch định chính sách tham khảo trên cơ sở vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam mà nó còn giúp cho có hướng đi và giải pháp thích hợp.

Tóm tắt Chương 1

Chương 1 đã hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến cho vay đối với HSSV của Ngân hàng, cụ thể:

- Lý luận về cho vay đối với HSSV, trong đó nêu bật một số khái niệm, đặc điểm và vai trò về: cho vay Ngân hàng; khách hàng là HSSV trong hoạt động cho vay ngân hàng, khái niệm HSSV; sự cần thiết của cho vay đối với HSSV.

- Khái niệm, đặc trưng cơ bản cho vay đối với HSSV; quy trình cho vay đối với HSSV; các nhân tố ảnh hưởng đến cho vay đối với HSSV; chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay đối với HSSV.

- Kinh nghiệm về cho vay đối với HSSV trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

Chương 2:

THỰC TRẠNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Giới thiệu chung về tình hình cơ bản của thị xã Ba Đồn và Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Ngày 20/12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 125/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Quảng Trạch để thành lập mới thị xã Ba Đồn và 06 phường thuộc thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Theo đó, thị xã Ba Đồn được thành lập trên cơ sở điều chỉnh 16.318,28 ha diện tích tự nhiên, 115.196 nhân khẩu của huyện Quảng Trạch (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của thị trấn Ba Đồn và 15 xã: Quảng Long, Quảng Phong, Quảng Thọ, Quảng Thuận, Quảng Phúc, Quảng Sơn, Quảng Tiên, Quảng Trung, Quảng Tân, Quảng Thủy, Quảng Minh, Quảng Lộc, Quảng Hải, Quảng Hòa và Quảng Vãn). Thị xã Ba Đồn có 16 đơn vị hành chính cấp xã (06 phường và 10 xã). Địa giới hành chính thị xã Ba Đồn có phía Đông giáp Biển Đông, Tây giáp huyện Tuyên Hóa, Nam giáp huyện Bố Trạch, Bắc giáp huyện Quảng Trạch.

Thị xã Ba Đồn là nơi hội tụ đầy đủ các tiềm năng để phát triển kinh tế, có các tuyến giao thông huyết mạch đi qua, có QL1A, đường sắt và là nơi tiếp giáp trực tiếp với biển Đông, vì vậy khu vực này trở thành địa bàn trọng yếu về quốc phòng an ninh cũng như môi giao thương về kinh tế trong vùng.

2.1.2. Khái quát về Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

2.1.2.1. Giới thiệu chung

Tổ chức tiền thân của Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn ngày nay là Ngân hàng NN&PTNT (NHNN&PTNT) huyện Quảng Trạch, đến năm 2003 NHCSXH huyện Quảng Trạch tách ra hoạt động riêng theo quy định của chính phủ.

NHCSXH huyện Quảng Trạch được thành lập theo quyết định số 351/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 05 năm 2003 và đến năm 2014 tách ra và đổi tên thành NHCSXH Thị xã Ba Đồn theo quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 04 năm 2014 của chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội. NHCSXH Thị xã Ba Đồn là đại diện pháp nhân, có con dấu riêng, hoạt động theo điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của NHCSXH Việt Nam.

2.1.2.2. Chức năng nhiệm vụ của NHCSXH Thị xã Ba Đồn

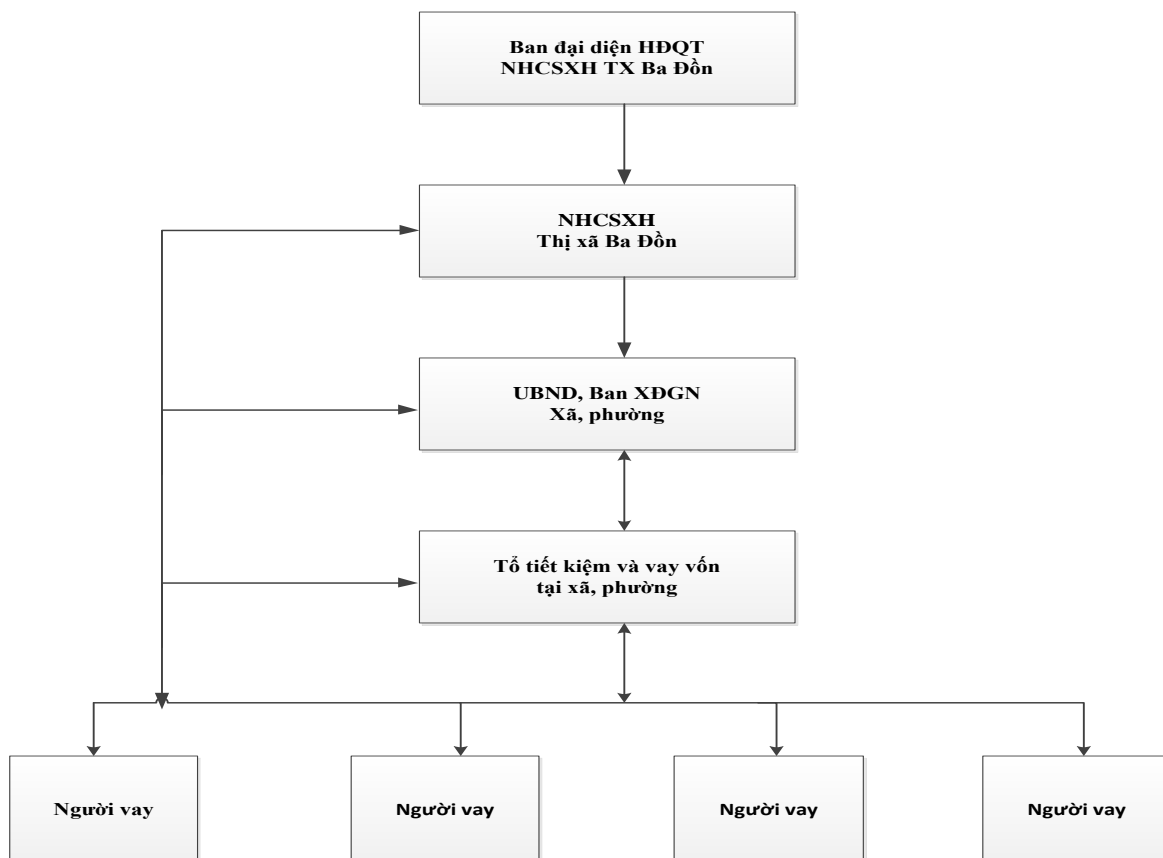
+ NHCSXH thị xã Ba Đồn được thành lập để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

+ Hoạt động của NHCSXH thị xã Ba Đồn không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phân trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

+ NHCSXH thị xã Ba Đồn được thực hiện các nghiệp vụ: huy động vốn, cho vay, thanh toán, ngân quỹ và được nhận vốn uỷ thác cho vay ưu đãi của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho các chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội.

+ NHCSXH là một trong những đòn bẩy kinh tế của nhà nước nhằm giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách có điều kiện tiếp cận vốn cho vay ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống, vươn lên thoát nghèo, góp phần thực hiện chính sách phát triển kinh tế gắn liền với xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, vì mục tiêu dân giàu – nước mạnh – dân chủ - công bằng – văn minh.

2.1.2.3. Mô hình tổ chức và quản lý của NHCSXH Thị xã Ba Đồn



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ Mô hình tổ chức và quản lý của NHCSXH Thị xã Ba Đồn

Tại NHCSXH Thị xã Ba Đồn, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý như sau:

Bộ phận quản trị có 01 Ban đại diện HĐQT NHCSXH Thị xã và 16 Ban đại diện HĐQT NHCSXH xã phường gồm 26 lãnh đạo chủ chốt của chính quyền, đoàn thể cùng cấp và Chủ tịch UBND cấp xã, do đồng chí Phó Chủ tịch UBND cùng cấp làm Trưởng Ban đại diện. Ban đại diện HĐQT có nhiệm vụ thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban đại diện HĐQT cấp trên, duyệt kế hoạch huy động vốn và cho vay trên địa bàn, tổ chức chỉ đạo và đôn đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch tín dụng trên địa bàn, kiểm tra, giám sát các bên nhận ủy thác cho vay thực hiện đúng chính sách và chế độ nghiệp vụ theo quy định; phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội chỉ đạo thành lập các Tổ TK&VV.

- Ban Giám đốc gồm có 01 Giám đốc và 01 Phó giám đốc, có nhiệm vụ chỉ đạo, trực tiếp điều hành hoạt động của đơn vị theo nhiệm vụ được phân công;

- *Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng*: Có trách nhiệm tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược hoạt động của phòng giao dịch; xây dựng kế hoạch vốn trình chi nhánh cấp tỉnh, phân bổ, điều hành kế hoạch vốn đối với các xã, phường; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các nghiệp vụ tín dụng trong toàn Thị xã; quyết toán kế hoạch tín dụng định kỳ 6 tháng, năm; báo cáo hoạt động tín dụng định kỳ cho đơn vị;

- *Tổ Kế toán - Ngân quỹ*: Có nhiệm vụ hạch toán kế toán, quyết toán kế hoạch tài chính, quản lý các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác cấp trên chuyển về; tổng hợp, lưu trữ hồ sơ kế toán, chấp hành chế độ báo cáo; quản lý an toàn kho quỹ, thực hiện các quy định về nghiệp vụ thu chi, vận chuyển tiền bạc;

Bộ phận phối hợp

NHCSXH thực hiện phương thức ủy thác một số nội dung công việc cho 4 tổ chức chính trị xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh). Với bộ máy chuyên trách gọn; thực hiện bình xét công khai tại các Tổ TK&VV; niêm yết công khai tại xã các chính sách cho vay của Nhà nước, danh sách hộ vay vốn; cán bộ Ngân hàng giải ngân trực tiếp cho các hộ vay vốn tại các điểm giao dịch tại xã có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, Hội đoàn thể, Tổ TK&VV. Hiện NHCSXH Thị xã đã ký kết các văn bản liên tịch, hợp đồng ủy thác về cho vay ủy thác đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với 4 tổ chức hội đoàn thể cấp Thị xã, 64 Hội cấp xã đã phối hợp cùng các tổ chức chính trị xã hội và chính quyền địa phương xây dựng và kiện toàn được 345 Tổ TK&VV đã tập hợp và tạo cầu nối cho 7,3 ngàn hộ nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu vay vốn NHCSXH. Với sự giúp đỡ, tạo điều kiện của chính quyền địa phương và nhân dân các phường, xã, đến nay NHCSXH đã xây dựng được mạng lưới điểm giao dịch tại 16/16 xã, phường.

2.1.2.4. Một số kết quả hoạt động cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Tại NHCSXH thị xã Ba Đồn đã có các hoạt động cơ bản sau:

- Về hoạt động huy động vốn:

Với đặt thù là một ngân hàng chính sách, NHCSXH nhận được nhiều hỗ trợ từ chính phủ, chính quyền địa phương, ngân hàng nhà nước Việt Nam, và các ngân hàng thương mại với cam kết cung cấp vốn cho các chương trình cho vay hiện tại của NHCSXH. NHCSXH thị xã Ba Đồn đã triển khai huy động vốn từ hai nguồn chính, đó là:

+ Vốn huy động từ dân cư: NHCSXH tổ chức huy động vốn trên thị trường theo nguyên tắc thương mại, có sự cạnh tranh với các tổ chức tín dụng khác trên địa bàn. Lãi suất huy động trên nguyên tắc không vượt lãi suất huy động cùng loại của NHTM nhà nước trên địa bàn. Vì huy động với lãi suất thị trường trong khi cho vay với lãi suất ưu đãi nên nguồn vốn này phải được cấp bù từ NSNN. Do đó quy mô huy động nguồn vốn này phụ thuộc vào kế hoạch cấp bù từ NSNN hàng năm cho NHCSXH.

+ Nguồn vốn từ tổ tiết kiệm và vay vốn: Các hộ vay vốn muốn vay vốn phải gia nhập tổ TK&VV tại địa phương. Các thành viên trong tổ ngoài việc giúp đỡ nhau trong vay vốn, sử dụng vốn vay, trong sinh hoạt đời sống, còn có thể thực hiện tiết kiệm bằng cách gửi tiền tiết kiệm NHCSXH thông qua tổ. Việc thực hành tiết kiệm không bắt buộc nhưng được NHCSXH khuyến khích. Tiền gửi tiết kiệm gồm có tiền gửi ban đầu và tiết kiệm định kỳ.

Kết quả hoạt động huy động vốn của NHCSXH như sau:

Bảng 2.1. Huy động vốn của NHCSXH TX Ba Đồn 2014 - 2016

Đơn vị: Triệu đồng.

T T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Huy động tổ chức, cá nhân	1.236	15.84%	2.525	28.80%	5.673	42.72%
2	Huy động tiền gửi tổ viên thông qua Tổ TK&VV	6.565	84.16%	6.243	71.20%	7.605	57.28%
	Tổng cộng:	7.801		8.768		13.278	

(Nguồn: Báo cáo Ngân hàng Chính sách xã hội tx Ba Đồn)

Từ bảng số liệu cho thấy, nguồn vốn huy động của NHCSXH thị xã Ba Đồn liên tục tăng trưởng qua các năm, nguồn vốn huy động tiết kiệm từ tổ TK&VV chiếm tỷ trọng lớn và năm 2016 nguồn huy động tiết kiệm dân cư tăng đáng kể, năm 2016 chiếm 42,72%. Nguồn tiền gửi dân cư tại NHCSXH thị xã Ba Đồn tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây là do nguồn tiền gửi ký quỹ lao động nước ngoài tăng mạnh.

- **Về hoạt động sử dụng vốn:** Khi mới thành lập NHCSXH xã hội Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình mới chỉ thực hiện cho vay 2 chương trình cho vay là cho vay hộ nghèo, cho vay giải quyết việc làm. Với sự ra đời và hoạt động của NHCSXH các đối tượng cho vay đã được mở rộng, đáp ứng nhu cầu vay vốn cho nhiều đối tượng khác trên các lĩnh vực học tập, tạo công ăn việc làm, xuất khẩu lao động, cải thiện điều kiện sinh hoạt..., được các cấp Chính quyền và nhân dân nhiệt tình đón nhận. Đến 31/12/2016, đơn vị thực hiện 12 chương trình cho vay với tổng dư nợ là 305.518 triệu đồng với 11.482 khách hàng còn dư nợ, dư nợ bình quân 26,14 triệu đồng/hộ gia đình; nợ quá hạn đến 31/12/2016 là 378 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,12%/tổng dư nợ. Tổng dư nợ đều tăng qua các năm, năm 2015 là 237.001 triệu đồng tăng 13,1% so với năm 2014, đến năm 2016 đạt 305.518 triệu đồng tăng 28,91% so với năm 2015. Tỷ lệ nợ quá hạn của NHCSXH Thị xã Ba Đồn là 0,12% thấp hơn bình quân chung của tỉnh 0,15%. Kết quả cụ thể từng chương trình cho vay đến 31/12/2016 như sau:

+ **Chương trình cho vay hộ nghèo:** Đây là chương trình nhận bàn giao từ NHNo&PTNT, là chương trình chiếm tỷ trọng lớn. Đến 31/12/2016 dư nợ đạt 53.798 triệu đồng, tổng số hộ còn dư nợ là 2.106 hộ, dư nợ bình quân là 25,5 triệu đồng/hộ; nợ quá hạn là 133,79 triệu đồng, tỷ lệ nợ quá hạn 0,25%.

+ **Cho vay đối với hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg:** Đây là chương trình mới được triển khai cho vay từ tháng 05/2013 nhưng tốc độ tăng trưởng dư nợ nhanh. Đến 31/12/2016, dư nợ đạt 123.317 triệu đồng là chương trình

có dư nợ cao nhất với 3.280 hộ còn dư nợ, nợ quá hạn là 0 triệu đồng, tỷ lệ nợ quá hạn 0%.

+ **Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg:** Đây là chương trình mới triển khai cho vay từ tháng 9/2015 nhưng đã có những tác động tích cực. Chỉ sau hơn 1 năm triển khai chương trình cho vay này, đơn vị đã giải ngân được 27.244 triệu đồng với 601 lượt hộ mới thoát nghèo vay vốn, bình quân vay 45,33 triệu đồng/hộ.

+ **Chương trình cho vay HSSV theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg:** Đến 31/12/2016 dư nợ đạt 23.281 triệu đồng, với 922 hộ vay được vay vốn.

+ **Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg:** Chương trình bắt đầu triển khai cho vay từ năm 2006. Đến 31/12/2016 dư nợ đạt 26.884 triệu đồng với 2.524 hộ còn dư nợ, nợ quá hạn 12 triệu đồng, chiếm 0,05% dư nợ. Chương trình này đã góp phần trong việc cải thiện điều kiện sống cho người dân, giúp cho người dân được sử dụng nguồn nước sạch, xóa bỏ những thói quen sinh hoạt không hợp vệ sinh, môi trường sống được đảm bảo.

+ **Chương trình cho vay giải quyết việc làm:** Đây là chương trình nhận bàn giao từ Kho bạc Nhà nước từ năm 2003. Đến 31/12/2016 dư nợ đạt 8.238 triệu đồng với 353 khách hàng còn dư nợ, bình quân dư nợ 23,34 triệu đồng/khách hàng, nợ quá hạn 2,2 triệu đồng, tỷ lệ nợ quá hạn là 0,001%. Các dự án cho vay rất đa dạng, từ dự án kinh tế hộ gia đình, các dự án đầu tư hướng theo mô hình kinh tế trang trại đến các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ **Chương trình cho vay đi xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài:** Đến 31/12/2016 dư nợ đạt 217 triệu đồng, nợ quá hạn là 116 triệu đồng, tỷ lệ nợ quá hạn là 53,5%. Đây là chương trình có chất lượng tín dụng thấp nhất trong các chương trình cho vay đang triển khai tại NHCSXH thị xã Ba Đồn. Nhiều hộ vay có lao động về nước trước hạn đang gặp khó khăn chưa có khả năng trả nợ ngân hàng.

+ **Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn** theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình bắt đầu triển khai cho vay từ năm 2007. Đến 31/12/2016, dư nợ đạt 31.651 triệu đồng với 846 khách hàng còn dư nợ, bình quân dư nợ 37,4 triệu đồng/khách hàng, nợ quá hạn là 0 triệu đồng, tỷ lệ nợ quá hạn 0%. Chương trình đã góp phần hỗ trợ các hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn có điều kiện tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước để phát triển kinh tế.

+ **Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg**, thời gian thực hiện chương trình 4 năm (2009-2012): Đến 31/12/2016, dư nợ đạt 3.545 triệu đồng với 447 hộ còn dư nợ, bình quân dư nợ 7,9 triệu đồng/hộ, tỷ lệ nợ quá hạn 0%, đã góp phần hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai có điều kiện vay vốn sửa chữa nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và qua đó cải thiện được chất lượng cuộc sống.

+ **Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg**, chương trình được triển khai cho vay từ năm 2015: Đến 31/12/2016, dư nợ đạt 475 triệu đồng với 19 hộ còn dư nợ, bình quân dư nợ 25 triệu đồng/hộ, tỷ lệ nợ quá hạn 0%, mục tiêu nhằm thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo vùng nông thôn

+ **Cho vay hộ nghèo xây nhà phòng tránh bão, lụt theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg**: triển khai cho vay từ năm 2016, đến 31/12/2016 dư nợ đạt 6.450 triệu đồng, với 430 hộ còn dư nợ, bình quân dư nợ 15 triệu đồng/hộ. Chương trình này đã giúp cho người nghèo ở nhiều địa phương đã được hỗ trợ vốn để xây dựng nhà ở phòng chống bão, lụt.

+ **Cho vay hộ nghèo xây dựng chòi tránh lũ – QĐ 716/2012**, đến 31/12/2016 dư nợ đạt 420 triệu đồng. Chương trình này góp phần hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vay vốn để tạo quỹ đất để sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Bảng 2.2. Cơ cấu dư nợ qua 3 năm (2014-2016)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Chương trình cho vay	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Hộ nghèo	81.799	39,04	63.604	26,84	53,798	17.61
2	Hộ cận nghèo	30.743	14,67	77.100	32,53	123,317	40.36
3	Hộ mới thoát nghèo	-	-	10.215	4,31	27,243	8.92
4	Học sinh sinh viên	56.154	26,80	38.567	16,27	23,281	7.62
5	Nước sạch và vệ sinh	17.897	8,54	21.909	9,24	26,884	8.80
6	Giải quyết việc làm	7.427	3,54	7.528	3,18	8,237	2.70
7	Xuất khẩu lao động	1.325	0,63	582	0,25	217	0.07
8	Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	9.860	4,71	12.631	5,33	31,651	10.36
9	Hộ nghèo làm nhà ở QĐ 167/2008	3.838	1,83	3.735	1,58	3,545	1.16
10	Hộ nghèo về nhà ở - QĐ 33/2015	-	-	-	-	475	0.16
11	Hộ nghèo xây dựng chòi tránh lũ – QĐ 716/2012	-	-	470	0,20	420	0.14
12	Hộ nghèo xây nhà ở phòng tránh bão lụt theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg	490	0,23	660	0,28	6,450	2.11
	Tổng cộng	209.533		237.001		305,518	

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn)

Từ bảng số liệu trên ta thấy chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, HSSV, NS&VSMT nông thôn là các chương trình chiếm tỷ trọng lớn. Chương trình cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm, do mức vay vốn chưa đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn của khách hàng, đồng thời thị trường lao động nước ngoài hiện nay rất phức tạp nên số lao động đi xuất khẩu lao động trên địa bàn thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình giảm.

Thông qua kênh cho vay ưu đãi, NHCSXH thị xã Ba Đồn đã góp phần cùng Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân toàn tỉnh hạn chế và đẩy lùi nạn cho vay nặng lãi, nâng cao tỷ lệ sử dụng thời gian lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp, hạn chế các tệ

nạn xã hội ở bộ phận người lao động thất nghiệp do thiếu vốn sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, bảo đảm việc làm cho người có nhu cầu làm việc; chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, cải tạo nước sạch, vệ sinh, sửa nhà, cho con đi học,... đã góp phần an sinh xã hội, nâng cao sức khỏe, cải thiện điều kiện sinh hoạt.

- **Về hoạt động dịch vụ và thanh toán:** Mặc dù trong điều lệ và các văn bản pháp quy khác của Nhà nước cho phép NHCSXH được thực hiện các hoạt động dịch vụ Ngân hàng, nhưng do mới được thành lập, nguồn vốn để đầu tư trang thiết bị còn hạn chế nên đến nay NHCSXH mới xây dựng được một hệ thống chuyển tiền điện tử tương đối hoàn chỉnh và bắt đầu hoạt động dịch vụ thanh toán trong nước. Các hoạt động dịch vụ khác như thanh toán quốc tế, dịch vụ bảo lãnh... hầu như chưa tổ chức triển khai. Đây là tình hình chung của hệ thống NHCSXH.

2.2. Thực trạng hoạt động cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

2.2.1. Quá trình triển khai thực hiện cho vay đối với học sinh sinh viên

Cho vay đối với HSSV đã được triển khai thực hiện theo ba giai đoạn:

a. Giai đoạn 1:

Ngày 02 tháng 3 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 51/1998/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ tín dụng đào tạo với mục đích cho vay với lãi suất ưu đãi đối với HSSV đang học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Giao cho Ngân hàng Công thương Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện. Quỹ tín dụng đào tạo lúc đó được thiết lập là 160 tỷ đồng.

Đối tượng thụ hưởng lúc đó là HSSV đang theo học tại các trường. Điều kiện vay vốn là phải có học lực khá trở lên, như vậy phải qua kết quả của một kỳ học, có xác nhận của nhà trường mới được vay, cho vay trực tiếp đối với HSSV tại trụ sở Ngân hàng Công Thương nơi gần các trường đóng trụ sở.

b. Giai đoạn 2:

Ngày 04/10/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách, bao gồm cả đối tượng là HSSV đang học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và học nghề và Thủ

tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg về việc thành lập NHCSXH. Đến cuối năm 2002, Quỹ tín dụng đào tạo được chuyển từ Ngân hàng Công thương về NHCSXH.

NHCSXH sau khi nhận bàn giao tiếp tục triển khai chương trình theo nội dung Quyết định số 51/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Qua quá trình triển khai chương trình cho thấy cơ chế cho vay trực tiếp đối với HSSV tại trường có nhiều bất cập trong việc sử dụng vốn vay và thu hồi nợ của HSSV. Nhiều HSSV khi ra trường không có mối liên hệ gì với Ngân hàng, Nhà trường trong việc theo dõi và thu hồi nợ, nhiều học sinh ra trường đã có việc làm không tự giác trả nợ. Gia đình có con vay vốn không muốn khai báo HSSV đang công tác ở đâu. Ngân hàng không thu hồi được vốn để quay vòng cho HSSV các khóa sau vay vốn. Học tập kinh nghiệm từ một số nước, NHCSXH đề xuất phương án cho vay thông qua hộ gia đình, gia đình trực tiếp nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ.

c. Giai đoạn 3:

Ngày 18/05/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 107/2006/QĐ-TTg về cho vay đối với HSSV thay thế Quyết định số 51/1998/QĐ-TTg. Có những thay đổi về chính sách, về điều kiện vay vốn như sau:

- Đối tượng vay vốn: Là HSSV có hoàn cảnh khó khăn (gồm HSSV là con em hộ nghèo) đang học hệ chính quy tập trung tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề có thời gian đào tạo từ 1 năm trở lên.

- Thay đổi phương thức cho vay, chuyển cho vay trực tiếp với HSSV sang cho vay hộ gia đình, hộ gia đình là người đại diện cho HSSV trực tiếp vay vốn và trả nợ Ngân hàng.

Ngày 27/9/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về cho vay đối với HSSV thay thế Quyết định số 107/2006/QĐ-TTg theo hướng tạo điều kiện nhiều hơn cho các đối tượng là HSSV có hoàn cảnh khó khăn là hộ nghèo, hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai hỏa hoạn, dịch bệnh được vay vốn để theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các

cơ sở đào tạo nghề, không phân biệt loại hình đào tạo (công lập hay dân lập, chính qui hay tại chức) và thời gian đào tạo trên một năm hay dưới một năm. Với Quyết định này đối tượng đã được mở rộng hơn so với Quyết định số 107/2006/QĐ -TTg, hơn nữa, mức cho vay của Chương trình được điều chỉnh theo hướng linh hoạt, phù hợp hơn với thực tế trong từng thời kỳ.

2.2.2. Thực trạng cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

2.2.2.1. Tình hình cho vay

Bảng 2.3. Hoạt động cho vay HSSV qua 3 năm (2014 - 2016)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015			Năm 2016		
			Thực hiện	(+),(-)% So năm trước		Thực hiện	(+),(-) So năm trước	
				Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)		Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1	Số hộ còn dư nợ	2,398	1,593	-805	-33.57	922	-671	0.83
2	Dư nợ bình quân/hộ	23.42	24.21	0.79	3.39	25.25	1.04	1.31
3	Doanh số cho vay	2,835	1,204	-1,631	-57.53	704	-500	0.31
4	Doanh số thu nợ	4,247	18,790	14,543	342.43	15,991	-2,799	-0.19
5	Dư nợ	56,154	38,568	-17,586	-31.32	23,281	-15,287	0.87
6	Nợ quá hạn	254	138	-116	-45.67	114	-24.00	0.21
7	Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	0.45	0.36	-0.09	-20.90	0.49	0.13	-1.40
8	Tỷ trọng dư nợ HSSV/Tổng dư nợ (%)	26.80	16.27	-10.53	-39.28	7.62	-8.65	0.82

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn)

Chương trình cho vay đối với HSSV đã được Ngân hàng CSXH Thị xã Ba Đồn triển khai từ tháng 12 năm 2004 theo Quyết định số 51/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến tháng 9/2007. Từ năm 2007 đến năm 2013, dư nợ cho vay HSSV của NHCSXH Thị xã Ba Đồn tăng liên tục, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 96,2%. Trong 3 năm (2014-2016) tốc độ tăng trưởng dư nợ qua các năm có xu hướng giảm mạnh. Năm 2015 giảm so với năm 2014 là 17.586 triệu đồng tương ứng 31,32%. Thực trạng giảm dư nợ HSSV tại NHCSXH Thị xã Ba Đồn từ năm 2014 đến nay cũng là thực trạng chung của NHCSXH. Đến 31/12/2016, dư nợ HSSV của NHCSXH là

23.281 tỷ đồng, giảm 15.287 tỷ đồng (giảm 38,64%) so với năm 2015. Đây là kết quả của việc ban hành văn bản 2287 NHCS/TDSV ngày 16/09/2010; đối với những HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính chỉ cho vay 1 lần với thời gian học tối đa không quá 12 tháng và VB 2547/NHCS/TDSV đối với những hộ gia đình đã nhận tiền vay 12 tháng, nhưng vẫn tiếp tục khó khăn thì làm đơn và nhận được 12 tháng tiếp theo. Từ khi ban hành văn bản, việc xác nhận đối tượng cho vay chặt chẽ hơn, đối tượng được vay vốn HSSV bị thu hẹp vì thế doanh số vay thấp.

2.2.2.2. Tình hình dư nợ tại các địa bàn

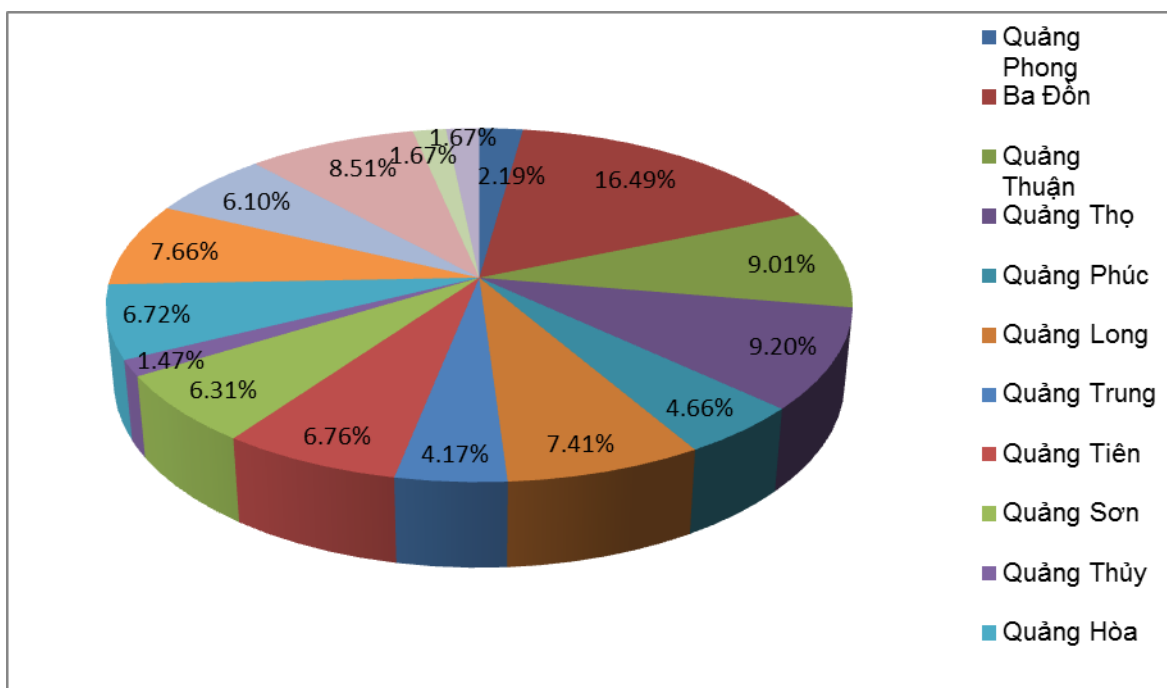
Số lượng HSSV vay vốn và dư nợ cho vay giữa các xã, phường có sự chênh lệch khác nhau thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.4. Tổng hợp dư nợ cho vay HSSV theo địa bàn đến 31/12/2016

Đơn vị: triệu đồng, HSSV

TT	Đơn vị	Tổng số HSSV	Tỷ trọng (%)	Số tiền dư nợ	Tỷ trọng (%)
1	Quảng Phong	41	2.71	511	2.19
2	Ba Đồn	246	16.16	3,839	16.49
3	Quảng Thuận	112	7.38	2,098	9.01
4	Quảng Thọ	127	8.35	2,143	9.20
5	Quảng Phúc	64	4.23	1,084	4.66
6	Quảng Long	112	7.38	1,724	7.41
7	Quảng Trung	73	4.77	971	4.17
8	Quảng Tiên	97	6.40	1,573	6.76
9	Quảng Sơn	104	6.83	1,470	6.31
10	Quảng Thủy	31	2.06	342	1.47
11	Quảng Hòa	116	7.59	1,564	6.72
12	Quảng Văn	107	7.05	1,783	7.66
13	Quảng Minh	109	7.16	1,421	6.10
14	Quảng Lộc	124	8.14	1,981	8.51
15	Quảng Hải	31	2.06	388	1.67
16	Quảng Tân	26	1.74	389	1.67
	Cho vay trực tiếp	0	0	0	0
	Tổng cộng	1521		23,281	

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội Thị xã Ba Đồn)



Biểu đồ 2.1. Biểu đồ tỷ trọng dư nợ HSSV theo địa bàn đến 31/12/2016

Qua bảng số liệu trên ta thấy, dư nợ cho vay HSSV tại Phường Ba Đồn nhiều nhất với 3.839 triệu đồng, thấp nhất là xã Quảng Thủy với 342 triệu đồng. Nhìn chung dư nợ cho vay HSSV giữa các xã phường không đồng đều, nguyên nhân một số xã vùng biển số HSSV theo học các trường đại học, cao đẳng, trung cấp ít hơn do đó nhu cầu vay vốn HSSV cũng hạn chế.

2.2.2.3. Tình hình cho vay HSSV theo đối tượng thụ hưởng

Qua bảng số liệu 2.5 cho thấy dư nợ và số hộ vay vốn HSSV trong 3 năm 2014-2016 đều giảm. Năm 2014, số hộ vay vốn HSSV là 2.514 hộ với dư nợ 56.154 triệu đồng; năm 2015 số hộ vay vốn HSSV là 1.661 hộ, giảm 853 hộ, tốc độ giảm 33,93% với 38.568 triệu đồng, giảm 17.586 triệu đồng, tốc độ giảm 31,32%, như vậy tốc độ giảm số hộ nhanh hơn tốc độ giảm dư nợ một phần do ảnh hưởng của nâng mức cho vay kể từ 1/8/2013 lên 1.100.000 đồng/tháng; năm 2016 số hộ vay vốn HSSV là 948 hộ, giảm 713 hộ so với năm 2015, tốc độ giảm 42,93% với dư nợ 23.281 triệu đồng, giảm 15.287 triệu đồng, tốc độ giảm 39,64%.

Bảng 2.5. Số hộ, số HSSV vay vốn HSSV qua 3 năm 2014 -2016

Đơn vị: triệu đồng, hộ

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015			Năm 2016		
	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Tăng, giảm so với năm trước (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Tăng, giảm so với năm trước (%)
1. Số hộ vay vốn HSSV	2.514		1.661		-33,93	948		-42,93
Số hộ nghèo	568	22,59	390	23,48	-31,34	216	22,78	-44,62
Số hộ cận nghèo	1.662	66,11	1.089	65,56	-34,48	624	65,83	-42,70
Số hộ khó khăn đột xuất	284	11,30	182	10,96	-35,92	108	11,39	-40,66
HSSV mồ côi	0	0	0	0	0	0	0	0
Lao động nông thôn đi học nghề	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Tổng dư nợ HSSV	56.154		38.568		-31,32	23.281		-39,64
Hộ nghèo	12.198	21,73	8.863	22,98	-20,6	5.471	23,50	-38,27
Hộ cận nghèo	38.041	67,74	25.623	66,44	-27,34	15.190	65,25	-40,72
Hộ khó khăn	5.915	10,53	4.082	10,58	-32,64	2.620	11,25	-35,82
HSSV mồ côi	0	0	0	0	0	0	0	0
Lao động nông thôn đi học nghề	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn)

Thứ nhất, đối tượng là hộ nghèo vay vốn chương trình HSSV: Qua số liệu ta thấy tỷ trọng hộ nghèo vay vốn so với các đối tượng chính sách khác biến động qua các năm: năm 2014 là 22,29%, năm 2015 là 23,48% tăng nhẹ so với năm 2014, năm 2016 là 22,78% giảm nhẹ so với năm 2015. Xu hướng diễn biến này là hợp lý, bởi vì với Quyết định 157/2007/QĐ-TTg đối tượng vay vốn được mở rộng hơn, đối tượng hộ cận nghèo, hộ gia đình có khó khăn đột xuất về tài chính cũng được xem xét cho vay vốn. Mặt khác, tỷ trọng hộ nghèo năm sau đều giảm so với năm trước, hơn nữa con em hộ nghèo, nhất là các gia đình nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn ít có điều kiện học tập hơn.

Thứ hai, đối tượng là hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người đối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo. Đối tượng hộ gia đình này, bao gồm đối tượng hộ cận nghèo và hộ có mức thu nhập trên cận nghèo đến

150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo (trên bảng 2.5 gọi chung là hộ cận nghèo). Qua số liệu tại bảng 2.5 ta thấy tỷ trọng đối tượng này vay cũng biến động qua các năm: năm 2014 là 66,11%, năm 2015 là 65,56% giảm nhẹ so với năm 2014, năm 2016 là 65,83% có tăng ít so với năm 2015. Xu hướng diễn biến này là hợp lý, vì thời gian đầu nhiều chính quyền địa phương chưa quan tâm rà soát, bổ sung đối tượng vay vốn là các hộ có mức thu nhập trên cận nghèo đến 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo.

Thứ ba, đối tượng là hộ có hoàn cảnh khó khăn về tài chính

Đối tượng hộ gia đình khó khăn về tài chính chỉ được cho vay một lần tối đa 12 tháng, nếu hộ gia đình không còn khó khăn tiếp thì sẽ không được vay. Hơn nữa từ khi thực hiện Thông tư số 34/2011/TT-BLĐTBXH ngày 24/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đối tượng này được UBND cấp xã xét duyệt chặt chẽ hơn. Hộ gia đình có khó khăn về tài chính đang vay vốn chương trình cho vay HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tính đến thời điểm 31/12/2016 là 108 hộ, với 2.620 triệu đồng dư nợ chiếm khoảng 11,25% tổng số hộ vay vốn Chương trình. (thời điểm cuối năm 2014 là 10,53%, năm 2015 là 10,58%).

Trong các năm vừa qua, thiên tai, dịch bệnh như lũ lụt, rét đậm, rét hại, dịch lở mồm long móng, cúm gia cầm ... liên tục xảy ra đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Nhờ có chương trình cho vay HSSV mà con, em của các hộ gặp hoàn cảnh khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh vẫn có điều kiện tiếp tục đến trường.

Thứ tư, các đối tượng HSSV mồ côi, lao động nông thôn trên địa bàn không có.

2.2.2.4. Số lượng khách hàng và dư nợ theo trình độ đào tạo

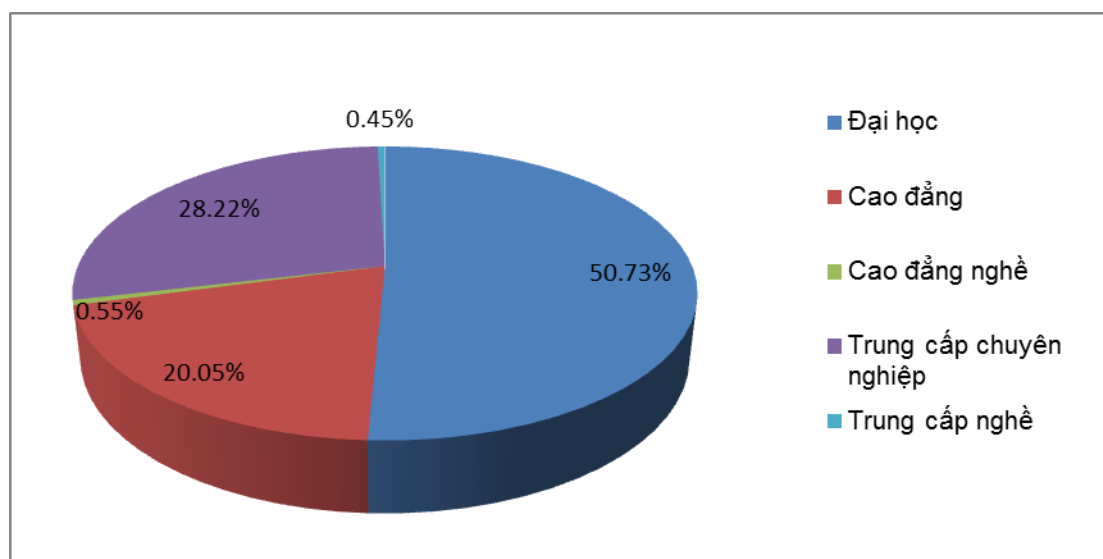
Chính sách cho vay đối với HSSV là một trong các chính sách của Nhà nước nhằm thực hiện công bằng xã hội, đối tượng vay vốn đã được mở rộng hơn trước đây, điều này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến tất cả các cấp bậc đào tạo, không có sự phân biệt công lập hay ngoài công lập, không phân biệt thời gian đào tạo trên 1 năm hay dưới 1 năm. Việc mở rộng đối tượng cho vay nhằm tạo nhiều cơ hội học tập cho các em HSSV.

Bảng 2.6. Dư nợ cho vay HSSV theo trình độ đào tạo đến 31/12/2016

Đơn vị: HSSV, triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng số HSSV	Tỷ trọng (%)	Số tiền dư nợ	Tỷ trọng (%)
1	Đại học	452	49,02%	11.810	50,73%
2	Cao đẳng	210	22,78%	4.669	20,05%
3	Cao đẳng nghề	7	0,22%	126	0,55%
4	Trung cấp chuyên nghiệp	250	27,66%	6.570	28,22%
5	Trung cấp nghề	3	0,33%	105	0,45%
	Tổng cộng	922		23.281	

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)



Biểu đồ 2.2. Tỷ trọng dư nợ cho vay HSSV theo trình độ đào tạo đến 31/12/2016

(Nguồn: Báo cáo năm 2016 của NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)

Qua bảng số liệu trên cho thấy : Dư nợ đối với HSSV học đại học là 11.810 triệu đồng với 452 HSSV được vay vốn, chiếm 50,73% dư nợ HSSV. Đây là tỷ lệ khá cao, chứng tỏ việc cho con em theo học đại học là một vấn đề khó khăn cho các hộ vay, vì thời gian theo học dài và tốn kém nhiều chi phí. Đứng thứ hai là HSSV học trung cấp chuyên nghiệp chiếm 28,22 % dư nợ HSSV, tiếp đến HSSV học cao đẳng chiếm từ 20.05% dư nợ HSSV. Đối tượng HSSV học nghề mặc dù đã được quan tâm nhưng tỷ lệ HSSV học nghề trên tổng số HSSV vay vốn chiếm tỷ lệ thấp:

HSSV học cao đẳng nghề chiếm 0.55%, HSSV trung cấp nghề chiếm 0,45%. Số HSSV học nghề, đặc biệt là HSSV học nghề chiếm tỷ trọng thấp do một số nguyên nhân chính sau đây:

+ Hiện nay các hộ nghèo, hộ cư trú tại các huyện nghèo đã được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề ngắn hạn. Hơn nữa ngân sách địa phương, các doanh nghiệp cũng tài trợ kinh phí cho đào tạo nghề ngắn hạn.

+ Trường dạy nghề, đặc biệt là dạy nghề ngắn hạn dưới 1 năm thường được mở ngay tại địa phương và có thời gian đào tạo ngắn, vì vậy một số gia đình lo mắc nợ, ngại vay vốn nên đã cố gắng tự trang trải bằng cách tận tiện, vay họ hàng, làng xóm để nuôi con đi học, nên đã không làm thủ tục vay vốn của Chương trình.

+ Công tác tuyên truyền của địa phương và nhà trường chưa sâu rộng triệt để, người dân chưa nắm được chủ trương, chính sách của chính phủ. Bên cạnh đó, người dân chưa có ý định hướng học nghề gì vì vậy tỷ lệ đăng ký học nghề thấp.

Như vậy, về trình độ, chủ yếu tập trung ở trình độ đại học và cao đẳng; còn số HSSV theo học các trường trung cấp và đào tạo nghề lại chiếm tỷ trọng khá thấp. Do đó, thời gian thu hồi vốn tại chi nhánh dài, việc quản lý và theo dõi đòi hỏi đầy đủ và chính xác qua các năm vì có món vay phải sau hơn 10 năm mới hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

2.2.2.5. Tình hình cho vay học sinh sinh viên theo đơn vị ủy thác

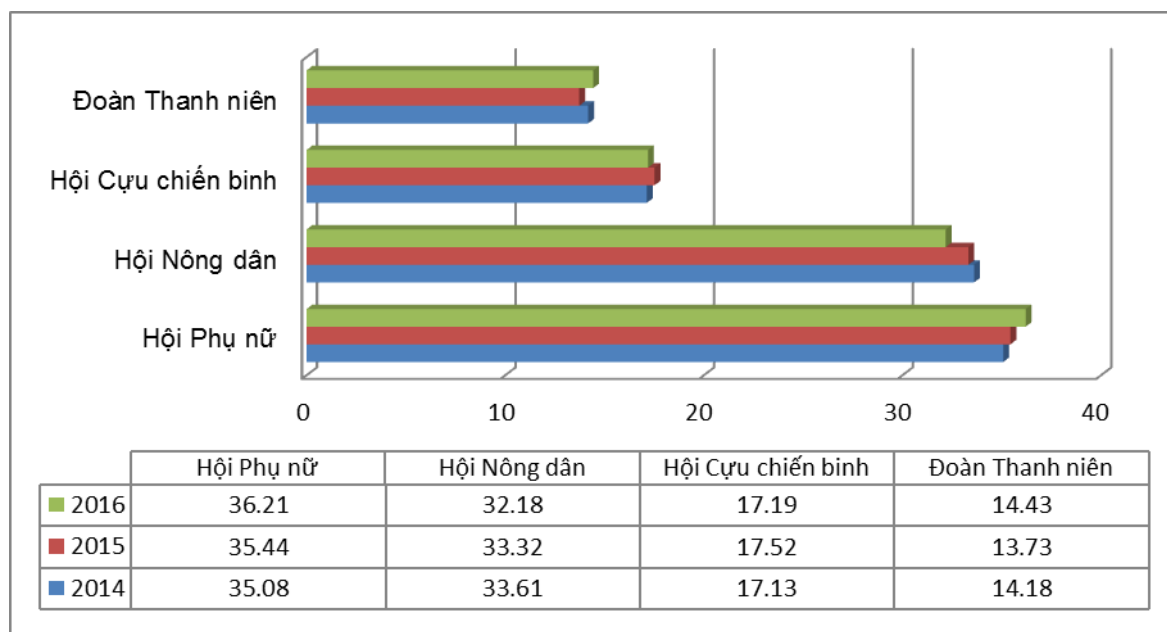
NHCSXH thực hiện ủy thác cho 4 tổ chức chính trị xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên) thực hiện một số nội dung công việc trong quy trình cho vay. Kết quả ủy thác được thể hiện qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 2.7. Cơ cấu dư nợ HSSV theo đơn vị nhận ủy thác qua 3 năm 2014 - 2016

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị ủy thác	Năm 2014		Năm 2015			Năm 2016		
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Tốc độ tăng (%)
Hội Phụ nữ	19,700	35.08	13,668	35.44	0.36	8,429	36.21	0.77
Hội Nông dân	18,871	33.61	12,849	33.32	-0.29	7,491	32.18	-1.14
Hội Cựu chiến binh	9,620	17.13	6,756	17.52	0.39	4,002	17.19	-0.33
Đoàn Thanh niên	7,963	14.18	5,295	13.73	-0.45	3,359	14.43	0.70
Tổng cộng	56,154		38,568			23,281		

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)



Biểu đồ 2.3. Tỷ trọng dư nợ HSSV theo đơn vị ủy thác qua 3 năm (2014 -2016)

Qua bảng số liệu trên ta thấy, dư nợ ủy thác cho 4 tổ chức chính trị xã hội đều giảm qua các năm, phù hợp với xu hướng giảm dư nợ của chương trình cho vay HSSV. Trong tổng số dư nợ ủy thác, dư nợ ủy thác qua Hội phụ nữ là lớn nhất năm 2014, 2015, 2016 chiếm tỷ trọng lần lượt là 35,08%, 35,44%, 36,21%, tỷ trọng này có xu hướng tăng nhẹ. Dư nợ ủy thác qua Hội nông dân lớn thứ hai, năm 2014, 2015, 2016 chiếm tỷ trọng lần lượt là 33,61%, 33,32%, 32,48%, tỷ trọng này có xu

hướng giảm dần qua 3 năm. Dư nợ ủy thác qua Hội Cựu chiến binh lớn thứ ba, năm 2014, 2015, 2016 chiếm tỷ trọng lần lượt là 17,13%, 17,52%, 17,19%. Dư nợ ủy thác qua Đoàn thanh niên là thấp nhất, năm 2014, 2015, 2016 chiếm tỷ trọng lần lượt là 14,18%, 13,73%, 7,0%, 14,43.

2.3. Đánh giá hiệu quả cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

2.3.1. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu về doanh số cho vay

Bảng 2.8. Doanh số cho vay HSSV qua các năm 2014 - 2016

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Năm	Doanh số cho vay	
		Trong năm	Lũy kế từ khi triển khai
1	Năm 2014	2.835	127.065
2	Năm 2015	1.205	128.270
3	Năm 2016	704	128.974

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn tỉnh Quảng Bình)

Tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, sau 11 năm triển khai thực hiện (2007- 2017):doanh số cho vay là 128.974 triệu đồng, trung bình mỗi năm tăng gần 11.725 triệu đồng, xét 03 năm liên tiếp gần nhất (2014 - 2016) thì tổng doanh số cho vay là 4.742 triệu đồng, chỉ chiếm 3,68% doanh số cho vay trong 11 năm. Điều này cho thấy, doanh số chương trình cho vay HSSV đang có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do:

- *Thứ nhất*, mức vay giai đoạn này còn thấp so với chi phí học tập của HSSV, mặt bằng lãi suất cho vay của chương trình HSSV tiệm cận với lãi suất của các Ngân hàng thương mại, do đó nhiều hộ vay không mặn mà khi làm thủ tục vay vốn.

- *Thứ hai*, từ khi thực hiện Thông tư số 34/2011/TT-BLĐTB&XH ngày 24/11/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình xác nhận đối tượng HSSV khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-

TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, chính quyền cấp xã đã xác nhận chặt chẽ hơn về đối tượng được vay vốn (*phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã là đối tượng được trợ cấp đột xuất hoặc được hỗ trợ lương thực cứu đói trong thời gian theo học*). Vì vậy đối tượng xét duyệt để vay vốn cũng đã được xiết chặt lại hơn.

2.3.2. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu về doanh số thu nợ

Xét trên chỉ tiêu doanh số thu nợ, thường thì chỉ tiêu này đo lường tốc độ tăng trưởng của doanh số thu nợ qua các thời kỳ. Tốc độ tăng doanh số thu nợ cao chứng tỏ công tác thu nợ của ngân hàng đang được tiến hành tốt, ngược lại nếu tốc độ này thấp thì công tác thu nợ gặp khó khăn.

Bảng 2.9. Doanh số thu nợ đối với HSSV qua 3 năm 2014-2016

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Năm	Doanh số thu nợ	
		Trong năm	Lũy kế từ khi triển khai
1	Năm 2014	4.247	70.912
2	Năm 2015	18.790	89.702
3	Năm 2016	15.991	105.693

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)

Bảng 2.11 cho thấy, doanh số thu nợ đối với HSSV trong 11 năm (2007-2017) là 105.693 triệu đồng, trung bình mỗi năm thu nợ gần 9.608 triệu đồng, xét 03 năm liên tiếp gần nhất (2014 - 2016) thì tổng doanh số thu nợ là 39.028 triệu đồng, chiếm 36,92% doanh số thu nợ trong 11 năm. Tốc độ doanh số tăng cao qua các năm, đặc biệt là 03 năm liên tiếp (2014 - 2016) chứng tỏ công tác thu nợ của NHCSXH thị xã Ba Đồn đang được tiến hành tốt. Chương trình cho vay HSSV là một trong những chương trình vay vốn đặc thù của NHCSXH, thời hạn vay vốn bao gồm cả thời gian phát tiền vay, thời gian ân hạn và thời gian trả nợ sau khi HSSV ra trường, nên có thể lên đến 10 - 12 năm. Sau khi HSSV ra trường một năm mới bắt đầu trả nợ theo định kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần.

Do vậy, doanh số thu nợ tăng cao trong 3 năm (2014 - 2016) nguyên nhân là do: năm 2010, 2011 là năm mới bắt đầu phát sinh thu nợ nên doanh số thu nợ còn rất nhỏ. Những năm tiếp theo ngày càng phát sinh thu nợ những hộ đến hạn khi HSSV ra trường. Giai đoạn 2014 - 2016 là thời điểm cuối của 1 chu kỳ giải ngân kể từ khi thực hiện Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, những hộ vay vốn có điều kiện bắt đầu trả nợ vốn vay, bên cạnh đó nhiều hộ vay trả nợ trước hạn để được hưởng ưu đãi giảm lãi suất. NHCSXH đã có nhiều các giải pháp rất tích cực và quyết liệt để tăng cường đôn đốc thu hồi nợ đến hạn. Qua chỉ tiêu doanh số thu nợ cho thấy khách hàng đã có kế hoạch và khả năng trả nợ đúng hạn.

2.3.3. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu dư nợ

$$\text{Chỉ tiêu 1: } \frac{\text{Dư nợ cho vay HSSV}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}}$$

$$\text{Chỉ tiêu 2: } \frac{\text{Dư nợ cho vay HSSV}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Chỉ tiêu thứ nhất phản ánh tỷ trọng dư nợ cho vay HSSV so với tổng dư nợ cho vay của ngân hàng, tức là phản ánh quy mô của việc cho vay HSSV đối với dư nợ ngắn hạn cũng như dư nợ trung dài hạn khác. Tỷ lệ này cao và ngày càng tăng sẽ cho thấy ngân hàng tập trung cho vay HSSV, ngược lại tỷ lệ này càng thấp cho thấy đang có nhiều chương trình cho vay khác có dư nợ tăng trưởng nhanh, cho vay HSSV có xu hướng giảm.

Chỉ tiêu thứ hai phản ánh tương quan so sánh về quy mô cho vay HSSV so với tổng tài sản của ngân hàng, đồng thời cho phép đánh giá tính hợp lý trong cơ cấu sử dụng vốn ngân hàng. Nếu tỷ lệ này cao chứng tỏ các khoản cho vay HSSV chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản ngân hàng. Điều này là tích cực nếu như ngân hàng có tiềm lực và khả năng dồi dào về nguồn vốn, đồng thời các khoản vay phải được quản lý tốt và đảm bảo an toàn. Ngược lại nếu không có tiềm lực vốn trung dài hạn lớn và khả năng quản lý tốt trong khi tỷ lệ này cao thì có nghĩa là ngân hàng đang ở vào tình thế nguy hiểm có thể dẫn đến mất khả năng thanh toán.

Bảng 2.10. So sánh chỉ tiêu dư nợ HSSV qua các năm 2014-2016

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Năm	Dư nợ cho vay đối với HSSV	Tổng dư nợ các chương trình cho vay	Tổng tài Sản	Cshỉ tiêu 1 (%)	Chỉ tiêu 2 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)/(4)	(7)=(3)/(5)
1	2014	56.154	209.534	215.276	26.80	26.08
2	2015	38.568	237.002	242.064	16.27	15.93
3	2016	23.281	305.518	310.280	7.62	7.50

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)

Từ bảng 2.12 cho thấy, tỷ trọng dư nợ của cho vay đối với HSSV so với tổng dư nợ các chương trình vay vốn (chỉ tiêu 1) cho thấy trong 12 chương trình cho vay ưu đãi tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, năm 2014 trở về trước cho vay HSSV là một trong 3 chương trình chiếm tỷ trọng dư nợ lớn. Qua 03 năm (2014-2016) dư nợ cho vay HSSV có xu hướng giảm, trong khi tổng dư nợ các chương trình cho vay có xu hướng tăng, do đó tỷ trọng dư nợ cho vay HSSV giảm mạnh. Nguyên nhân là do: trong giai đoạn này, doanh số thu nợ luôn lớn hơn doanh số cho vay, chênh lệch giữa doanh số cho vay và doanh số thu nợ tăng dần qua các năm do doanh số cho vay ngày càng giảm và doanh số thu nợ ngày càng tăng.

Đối với chỉ tiêu 2, tỷ trọng dư nợ của cho vay HSSV so với tổng tài sản cũng tương đương với chỉ tiêu 1, điều này cho thấy tài sản khác của đơn vị là không lớn, tài sản là dư nợ cho vay khách hàng trong 03 năm chiếm trên 98,47%, tài sản khác (Tài sản cố định, các khoản phải thu...) chỉ chiếm 1,53%.

2.3.4. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá hạn

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu tỷ lệ nợ quá hạn cho thấy tình hình nợ quá hạn tại ngân hàng, đồng thời phản ánh khả năng quản lý của ngân hàng trong khâu cho vay, đôn đốc thu hồi nợ của ngân hàng đối với các khoản vay. Đây là chỉ tiêu được dùng để đánh giá chất lượng cho vay cũng như rủi ro cho vay tại ngân hàng. Tỷ lệ nợ quá hạn càng cao thể hiện chất lượng cho vay của ngân hàng càng kém, và ngược lại.

Bảng 2.11. Dư nợ quá hạn chương trình HSSV qua 3 năm 2014 -2016

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015			Năm 2016		
			Thực hiện	(+),(-)% So năm trước		Thực hiện	(+),(-) So năm trước	
				Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)		Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1.	Tổng dư nợ	209,534	237,002	27,468	13.11%	305,518	68,516	28.91%
	Tổng nợ quá hạn	721	389	-332	-46.05%	378	-11	-2.83%
	Tỷ lệ nợ quá hạn	0.34	0.16		0.00%	0.12%		
2.	Dư nợ HSSV	56,154	38,567	-17587	-31.32%	23,281	-15286	-39.63%
	Nợ quá hạn	254	138	-116	-45.67%	114	-24	-17.39%
	Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	0.45	0.36			0.49		

(Nguồn: Báo cáo Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)

Số liệu trong bảng 2.13 cho thấy dư nợ quá hạn cho vay HSSV từ năm 2014 đến năm 2016 có xu hướng giảm dần, tuy nhiên tỷ lệ nợ quá hạn từ năm 2014 dư nợ quá hạn chiếm 0,45% so với tổng dư nợ cho vay HSSV, năm 2015 nợ quá hạn giảm xuống chiếm 0,36% so với tổng dư nợ cho vay HSSV, năm 2016 nợ quá hạn tăng chiếm 0.49% so với tổng dư nợ cho vay HSSV, nguyên nhân do dư nợ HSSV năm 2015 giảm mạnh đến 39,63% nên tỷ lệ dư nợ quá hạn HSSV năm 2016 tăng hơn năm 2015.

Nợ quá hạn chương trình HSSV tăng năm trong xu hướng giảm nợ quá hạn các chương trình cho vay tại NHCSXH thị xã Ba Đồn. Nợ quá hạn chương trình HSSV có tốc độ tăng mạnh hơn các chương trình cho vay khác: năm 2015 tổng nợ

quá hạn các chương trình giảm 0.18%, riêng chương trình HSSV giảm 0.09%, năm 2016 tổng nợ quá hạn các chương trình giảm 0.04%, chương trình HSSV tăng 0.13%

Một trong những nguyên nhân quan trọng làm tỷ lệ nợ quá hạn chương trình HSSV giảm trong những năm gần đây là NHCSXH thị xã Ba Đồn đã có nhiều các giải pháp rất tích cực và quyết liệt để tăng cường đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn, như xây dựng phương án củng cố nâng cao chất lượng cho vay tại xã, thành lập Tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi do Chủ tịch UBND cấp xã làm trưởng ban và thành phần gồm công an xã, trưởng thôn, tổ chức chính trị xã hội có liên quan tại xã; đối với nợ quá hạn do hộ vay chây ì, chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý; trường hợp HSSV ra trường đã có việc làm, phối hợp với cơ quan nơi HSSV làm việc để thu hồi nợ... Bên cạnh đó nhiều hộ vay trả nợ trước hạn để được hưởng ưu đãi giảm lãi suất, nên nợ quá hạn phát sinh mới rất hạn chế.

Công tác cho vay thông qua Tổ TK&VV, có sự tham gia giám sát của tổ chức Hội nhận ủy thác, chính quyền địa phương, đặc biệt là chính sách giảm lãi tiền vay đối với các trường hợp trả nợ trước hạn đã góp phần nâng cao ý thức trả nợ của người vay, thực tế các hộ vay vốn cơ bản chấp hành tốt nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

Tuy nhiên tỷ lệ dư nợ quá hạn cho vay HSSV cao hơn so với các chương trình khác nguyên nhân là do ngày nay nhiều HSSV ra trường không có việc làm hoặc có việc làm nhưng thu nhập thấp không đủ khả năng trả nợ.

2.3.5. Hiệu quả hoạt động cho vay học sinh sinh viên qua chỉ tiêu doanh số thu lãi

Hầu hết các khách hàng khi tiến hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh đều hướng đến mục tiêu quan trọng nhất là lợi nhuận và các ngân hàng cũng không phải là ngoại lệ. Hiệu quả cho vay của ngân hàng không thể nói là tốt nếu lợi nhuận do hoạt động này mang lại thấp. Cụ thể, người ta thường dùng các chỉ tiêu sau để đánh giá hiệu quả hoạt động cho vay dự án xét về mặt lợi nhuận:

$$\text{Chỉ tiêu 1: } \frac{\text{Doanh số thu lãi từ chương trình cho vay HSSV}}{\text{Dư nợ chương trình cho vay HSSV}}$$

$$\text{Chỉ tiêu 2: } \frac{\text{Doanh số thu lãi từ chương trình cho vay HSSV}}{\text{Tổng doanh số thu lãi các chương trình cho vay}}$$

Chỉ tiêu thứ nhất phản ánh khả năng sinh lời của các khoản cho vay chương trình HSSV. Nó cho biết một hợp đồng dư nợ cho vay mang lại bao nhiêu đồng thu nhập. Tỷ lệ này càng cao chứng tỏ thu nhập do hoạt động cho vay chương trình cho vay này mang lại càng lớn, đó là một trong những nhân tố tạo nên chất lượng, hiệu quả hoạt động cho vay của ngân hàng.

Chỉ tiêu thứ hai cho phép đánh giá tầm quan trọng của hoạt động cho vay HSSV trong mối quan hệ với toàn bộ hoạt động cho vay của ngân hàng. Tỷ lệ này cao chứng tỏ hầu hết thu nhập của ngân hàng đạt được từ hoạt động cho vay chương trình cho vay HSSV của ngân hàng. Điều đó chỉ có thể có được khi quy mô cho vay chương trình này của ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của ngân hàng đồng thời hiệu quả mang lại từ hoạt động này ngày càng cao. Nói cách khác, chất lượng cho vay của ngân hàng có thể được đánh giá là khả quan. Tuy nhiên, điều đó cũng đồng nghĩa với việc ngân hàng đang phải chấp nhận đối mặt với những nguy cơ rủi ro tiềm tàng. Do đó đòi hỏi hoạt động cho vay phải được quản lý một cách khoa học và chặt chẽ.

Như đã trình bày, hoạt động của NHCSXH là không vì mục đích lợi nhuận. Hàng năm NHCSXH được nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý. Mức cấp bù chênh lệch lãi suất hàng năm được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất hoà đồng các nguồn vốn với lãi suất cho vay theo quy định và phần chi phí quản lý được hưởng. Sự ra đời của NHCSXH có vai trò rất quan trọng là cầu nối đưa chính sách cho vay ưu đãi của Chính phủ đến với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tuy nhiên, doanh số thu lãi vẫn là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả của một chương trình vay vốn.

Bảng 2.12. Doanh số thu lãi HSSV qua 3 năm 2014-2016*Đơn vị: triệu đồng.*

TT	Năm	Doanh số thu lãi	
		Trong năm	Lũy kế từ khi triển khai
1	Năm 2014	12.812	42.157
2	Năm 2015	15.336	54.969
3	Năm 2016	3.075	58.044

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)

Từ bảng 2.14 cho thấy, doanh số thu lãi từ chương trình HSSV qua 11 năm (2007-2016) là 58.044 triệu đồng, trung bình mỗi năm thu lãi khoảng 5.277 triệu đồng, trong 03 năm liên tiếp (2014 - 2016) thì tổng doanh số thu lãi là 31.223 triệu đồng, chiếm 53,79% doanh số thu lãi của 11 năm. Thời gian đầu, do tuân thủ chính sách chưa thu lãi trong thời gian HSSV đang đi học. Sau đó, năm 2010 Chính phủ cho phép thu lãi khi gia đình có nhu cầu và tự nguyện trả lãi trong thời gian HSSV đang theo học để giảm bớt gánh nặng phải trả gốc và lãi khi đến hạn. Mặt khác giai đoạn 2014-2016 là thời điểm cuối của 1 chu kỳ giải ngân kể từ khi thực hiện Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, lúc này HSSV đã ra trường, những hộ vay vốn có điều kiện bắt đầu trả nợ vốn vay và bắt buộc phải trả lãi. Vì vậy mà doanh số thu lãi trong giai đoạn này chiếm tỷ trọng lớn.

Bảng 2.13. So sánh chỉ tiêu thu lãi của chương trình cho vay HSSV*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Năm	Doanh số thu lãi chương trình cho vay HSSV	Dư nợ chương trình cho vay HSSV	Tổng doanh số thu lãi các chương trình cho vay	Chỉ tiêu 1 (%)	Chỉ tiêu 2 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)/(4)	(7)=(3)/(5)
1	2014	12.812	56.154	39.866	0.23	0.32
2	2015	15.336	38.568	50.829	0.40	0.30
3	2016	3.075	23.281	22.184	0.13	0.14

(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình)

Bảng 2.13 cho thấy, tỷ trọng giữa doanh số thu lãi và dư nợ của dự án (chỉ tiêu 1) tăng mạnh từ năm 2014 là 23% lên 40% năm 2015, thể hiện chất lượng, hiệu quả của chương trình này trong 2 năm 2014 và 2015, tuy nhiên đến năm 2016 chỉ tiêu này giảm mạnh còn 13%. Đối với chỉ tiêu 2, tỷ trọng giữa doanh số thu lãi của chương trình cho vay HSSV và doanh số thu lãi của toàn bộ các chương trình vay vốn trong năm 2014 và 2015 tương ứng đối cao lần lượt là 32% và 30% so với tổng doanh số thu lãi các chương trình, riêng năm 2016 tiêu chí 2 giảm mạnh còn 14%, điều này chứng tỏ số lãi tồn đọng chưa thu giảm mạnh.

Mặc dù, không đặt nặng vấn đề lợi nhuận nhưng NHCSXH vẫn sử dụng cơ chế khoán tài chính để giao chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ và thu lãi trong năm, trong đó chỉ tiêu thu lãi được các đơn vị rất quan tâm. Từ đầu năm, trên cơ sở dư nợ đến cuối năm trước và kế hoạch tăng trưởng trong năm, NHCSXH thị xã Ba Đồn triển khai giao khoán cho từng cán bộ tín dụng để thực hiện. Lãi đã thu trong 03 năm (2014 - 2016) đều đạt và vượt kế hoạch được giao góp phần vào thành công chung của đơn vị trong thời gian qua.

2.4. Những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

2.4.1. Những khó khăn, tồn tại

Từ thực trạng hoạt động cho vay đối với HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, khẳng định chương trình cho vay đối với HSSV là chương trình có tính nhân văn sâu sắc, tính xã hội hóa cao liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều tổ chức, cá nhân từ trung ương đến địa phương cùng tham gia thực hiện từ khâu tạo lập, huy động nguồn vốn đến việc tổ chức cho vay, thu hồi và xử lý nợ. Chương trình cũng đã tạo sự gắn kết giữa kinh tế với xã hội trong công tác giảm nghèo, an sinh xã hội, sự bình đẳng trong giáo dục, góp phần tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Tạo điều kiện cho nhiều gia đình có con đi học được vay vốn, giảm áp lực về lo toan tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai chương trình vẫn còn một số tồn tại, bất cập cần phải khắc phục, cụ thể là:

2.4.1.1. Chính quyền địa phương

- Sự phối kết hợp giữa NHCSXH với cấp uỷ, chính quyền địa phương, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác ở một số nơi chưa tốt. Đặc biệt là công tác kiểm tra, giám sát sử dụng vốn, công tác thông tin, tuyên truyền thiếu thường xuyên. Ở một số nơi công tác thông tin, tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu, chủ yếu mới chỉ tuyên truyền về chính sách cho vay ưu đãi, đối tượng thụ hưởng, chưa quan tâm nhiều đến việc quản lý, sử dụng vốn vay có đúng mục đích không, hiệu quả sử dụng vốn ra sao và đặc biệt là trách nhiệm trả nợ tiền vay khi đến hạn, nên hộ vay còn chưa chấp hành tốt việc trả nợ, đặc biệt là việc chấp hành trả nợ theo phân kỳ, tỷ lệ trả nợ theo phân kỳ mới đạt 20%/tổng nợ đến hạn, tỷ lệ thu nợ kỳ cuối đạt 8.5% tổng nợ đến hạn phải trả, gia hạn nợ thường chiếm tỷ lệ 50% tổng số nợ phải trả.

- Một số chính quyền địa phương chưa có giải pháp cụ thể để giải quyết và xử lý đối với những trường hợp có điều kiện trả nợ nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn vay, coi việc thu hồi nợ là việc của Ngân hàng, xem nhẹ việc thu hồi nợ đến hạn để bảo toàn nguồn vốn và cho vay quay vòng.

- Một trong những đối tượng hộ gia đình được vay vốn chương trình HSSV theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg là hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo. Đối tượng này bao gồm hộ cận nghèo và hộ có mức thu nhập trên cận nghèo và tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo. Một số chính quyền địa phương chưa điều tra khảo sát kịp thời các hộ có mức thu nhập trên cận nghèo và tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo, các hộ gặp khó khăn về tài chính nên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình này tiếp cận nguồn vốn cho vay ưu đãi khi có con theo học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề.

2.4.1.2. Tổ chức chính trị xã hội nhận uỷ thác, Tổ tiết kiệm và vay vốn

NHCSXH uỷ thác cho tổ chức Hội thực hiện một số công việc trong quy trình cho vay. Vì vậy, năng lực, lòng nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm của cán bộ Hội, đặc biệt làm Hội cấp xã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả chương trình cho vay

HSSV. Tuy nhiên, một số nơi, cán bộ Hội chưa bám sát và theo dõi thường xuyên hoạt động của Tổ TK&VV, chưa tích cực đôn đốc Ban quản lý Tổ thực hiện hợp đồng ủy nhiệm đã ký với Ngân hàng. Một số nơi cán bộ Hội chưa tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban hàng tháng theo quy định nên hạn chế đến việc tiếp thu và triển khai công việc sau giao ban, không tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc; cán bộ Hội được phân công chuyên trách dịch vụ ủy thác còn thiếu sâu sát, thiếu trách nhiệm. Một số Hội, đoàn thể, tổ TK&VV chưa thực sự quan tâm đến công tác kiểm tra, đôn đốc hộ vay trả nợ, chưa có giải pháp cụ thể để động viên, xử lý các khoản nợ đến hạn, quá hạn. Mặt khác, cán bộ Hội còn thay đổi nhiều, đặc biệt là qua các đợt Đại hội làm cho việc thực hiện các nội dung ủy thác và quản lý Tổ TK&VV bị gián đoạn.

Tổ TK&VV được coi như cánh tay nối dài của NHCSXH. Ban quản lý tổ TK&VV được NHCSXH ủy nhiệm thực hiện các hoạt động như: hướng dẫn hộ vay điền mẫu xin vay vốn, tổ chức bình xét công khai để chọn hộ đủ điều kiện vay vốn, đôn đốc tổ viên sử dụng tiền vay đúng mục đích, trả lãi và nợ gốc đúng hạn và thu tiền lãi của tổ viên để nộp cho NHCSXH tại điểm giao dịch. Vì vậy, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban quản lý tổ TK&VV là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng và thu hồi vốn vay của Chương trình. Chất lượng hoạt động Tổ TK&VV ở một số nơi còn nhiều hạn chế như: trình độ, nhận thức, trách nhiệm của nhiều Tổ trưởng yếu kém, chưa đủ khả năng để làm cầu nối giữa NHCSXH và người vay; Tổ trưởng còn thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa tổ chức sinh hoạt Tổ, chưa tích cực đôn đốc hộ trả nợ và thu lãi.

- Tổ chức Hội làm ủy thác, Tổ TK&VV chưa báo cáo kịp thời với chính quyền địa phương về những hộ chây ỳ không trả nợ, những hộ chuyển đi khỏi địa phương để kịp thời xử lý.

2.4.1.3. Hộ vay vốn

- HSSV ra trường chưa tìm được việc làm hoặc đã có việc làm nhưng thu nhập quá thấp (từ 1,5-2 triệu/tháng) và sinh viên ra trường chưa tìm được việc làm chính thức mà chỉ đi làm thuê công nhân mức thu nhập không đáng kể, chỉ đủ trang

trái cuộc sống hàng ngày, không có nguồn tích lũy trả Ngân hàng, trong khi gia đình vẫn thuộc diện hộ nghèo, hộ khó khăn, nhiều gia đình thuần nông kinh tế vẫn còn khó khăn.

- Một số hộ vay chưa nghiêm túc thực hiện việc trả nợ đến hạn đặc biệt là nợ đến hạn theo phân kỳ mặc dù có hộ vay HSSV đã ra trường có việc làm, thường chỉ trông chờ vào tiền lương của HSSV. Một số hộ vay có tâm lý ỷ lại vào nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ nên tuy có khả năng trả nợ nhưng lại xin gia hạn nợ để kéo dài thời gian vay vốn được ưu đãi, trong khi cán bộ ngân hàng không kiểm tra kỹ nên hộ vay vẫn được chấp thuận. Do đó, tỷ lệ nợ quá hạn chương trình cho vay HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình mặc dù đạt tỷ lệ thấp nhưng chưa thực sự phản ánh đúng thực trạng các khoản nợ quá hạn của ngân hàng, khả năng tiềm ẩn tỷ lệ nợ xấu cao.

2.4.1.4. NHCSXH nơi cho vay

- Theo quy định hiện nay, khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay cùng người vay phải thoả thuận việc định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay, giảm áp lực trả nợ khi món vay đến hạn trả nợ cuối cùng. Thực tế, một gia đình nếu có 01 HSSV đi học, có thể vay đến hơn 50 triệu đồng, có 2 HSSV đi học có thể vay đến 150 triệu đồng. Đây là số tiền rất lớn đối với hộ gia đình nghèo, cận nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nếu thực hiện trả nợ một lần khi đến hạn. Vì vậy, khi thực hiện định kỳ hạn trả nợ theo từng kỳ làm tăng khả năng thu hồi nợ cho vay HSSV. Hơn thế, việc phân kỳ và thực hiện theo quy trình giúp hộ vay biết được kỳ hạn trả nợ, được thông báo sẽ có kế hoạch trả nợ, không bị động vừa ảnh hưởng đến ngân hàng và ngay cả những người thân trong gia đình.

Tuy nhiên, một số NHCSXH nơi cho vay chưa quan tâm thực hiện việc phân kỳ hạn trả nợ, thông báo đến hộ vay để trả nợ theo từng kỳ hạn con. Đến 31/12/2016 NHCSXH thị xã Ba Đồn có 1.521 HSSV còn dư nợ, trong đó có 1.145 HSSV đã ra trường nhưng mới chỉ có 862 HSSV đã thực hiện phân kỳ trả nợ, chiếm 67% số HSSV đã ra trường. Như vậy còn 383 HSSV đã ra trường chưa thực hiện phân kỳ trả nợ.

Thực tế nhiều nơi phân kỳ trả nợ nhưng chỉ là hình thức. Khi hộ vay không thực hiện được trả nợ theo phân kỳ thì số tiền đó được chuyển kỳ hạn tiếp theo, không phải làm thủ tục gì, không phải chuyển nợ quá hạn. Trong khi Ngân hàng chưa quan tâm đôn đốc trả nợ theo phân kỳ để làm giảm áp lực trả nợ nhiều khi món vay đến hạn, mà chờ đến hạn trả nợ cuối cùng mới đôn đốc thu hồi nợ. Thực tế tại NHCSXH thị xã Ba Đồn số hộ trả nợ theo phân kỳ là rất thấp (25%/tổng nợ đến hạn) hầu hết các kỳ trả nợ đều được ngân hàng chuyển về kỳ hạn sau và kỳ hạn cuối cùng. Việc phân kỳ không còn ý nghĩa, gánh nặng trả nợ khi đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng đối với hộ vay khá nặng nề, rủi ro tín dụng xảy ra là rất lớn.

- Chưa phối hợp tốt với một số cơ sở đào tạo trong việc nắm bắt thông tin HSSV, đặc biệt HSSV chuẩn bị ra trường để làm cam kết trả nợ.

- NHCSXH mới thành lập được 15 năm, cán bộ tuyển dụng dần qua các năm. Đội ngũ cán bộ tại NHCSXH thị xã Ba Đồn hầu hết là cán bộ trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác. Trong khi do đặc thù của hệ thống NHCSXH, với số lượng cán bộ ít, tổ chức giao dịch tại Điểm giao dịch xã, thường xuyên làm việc với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị xã hội làm ủy thác, Tổ TK&VV nên cán bộ NHCSXH phải giỏi một việc, biết làm nhiều việc. Ngoài trình độ chuyên ngành, có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất để giúp người vay sử dụng vốn hiệu quả, có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình tốt... Tuy nhiên, những kiến thức và kỹ năng này đòi hỏi cán bộ phải có nhiều kinh nghiệm trong công tác.

2.4.1.5. Đối với cơ sở đào tạo

- Nhà trường chưa nắm bắt được đầy đủ thông tin về HSSV được vay vốn nên việc yêu cầu HSSV viết cam kết trả nợ trước khi ra trường còn hạn chế. Không những thế, hiện nay chưa có cơ chế trao đổi thông tin về HSSV được vay vốn giữa Nhà trường và các chi nhánh NHCSXH nên việc quản lý thông tin vay vốn của HSSV còn nhiều lỏng lẻo. Một số trường chỉ nắm được số HSSV mà trường đã cấp giấy xác nhận để vay vốn mà không nắm được HSSV có được vay vốn không và bao nhiêu em được vay vốn trong năm... Việc quản lý và lần theo dấu vết HSSV khi ra trường còn khá nhiều bất cập, nhiều cơ sở đào tạo chưa quan tâm.

- Một số trường, cơ sở đào tạo thực hiện xác nhận cho HSSV còn chưa đầy đủ nội dung thông tin trên Giấy xác nhận, chưa kịp thời phần nào ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân cho vay chương trình HSSV.

- Công tác thông tin tuyên truyền chính sách cho vay ưu đãi đối với HSSV tại một số cơ sở đào tạo chưa được thường xuyên, chưa kịp thời, dẫn tới khi thay đổi chính sách như nâng mức cho vay, giảm lãi suất cho vay ... HSSV chưa kịp thời nắm bắt được.

2.4.1.6. Cơ chế chính sách

- Hiện nay, nhu cầu vay vốn HSSV của hộ nghèo, cận nghèo không có nhiều mà đối tượng vừa mới thoát nghèo có con em đi học lại có nhu cầu vay vốn khá cao nhưng không nằm trong diện cho vay, nên muốn cho con ăn học phải vay vốn các ngân hàng thương mại chịu lãi suất cao.

-Đối tượng gia đình có từ 2 con theo học tại các trường, cơ sở đào tạo nhưng không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa thuộc đối tượng vay vốn. Trong thực tế, nhiều gia đình có 2 con là sinh viên thì gia đình thường lâm vào hoàn cảnh khó khăn, cần sự hỗ trợ vay vốn cho vay ưu đãi HSSV để các em yên tâm học tập.

- Quyết định 157/2007/QĐ-TTg quy định “thời gian gia hạn nợ tối đa bằng $\frac{1}{2}$ thời hạn trả nợ”, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định “đối với cho vay trung và dài hạn thời gian gia hạn nợ tối đa bằng $\frac{1}{2}$ thời hạn cho vay”. Thực tế, một số HSSV vay vốn NHCSXH nhưng ra trường tìm việc làm với mức thu nhập quá thấp từ 1,5-2 triệu/tháng và HSSV ra trường chưa tìm được việc làm chính thức mà chỉ đi làm thuê công nhật mức thu nhập không đáng kể, chỉ đủ trang trải cuộc sống hàng ngày, không có nguồn tích lũy trả Ngân hàng, trong khi gia đình vẫn thuộc diện hộ nghèo, hộ khó khăn, do đó cần kéo dài thời hạn gia hạn nợ.

-Hiện nay, hệ thống NHCSXH thực hiện cơ chế xử lý nợ bị rủi ro theo Quyết định 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Đối với trường hợp gia đình gặp phải rủi ro trong sản xuất kinh doanh do nguyên nhân khách quan hoặc HSSV bị ốm đau, tai nạn,...dẫn đến rất khó khăn trong việc trả nợ ngân hàng, nhưng đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản, thủ tục hồ sơ xử lý khoanh nợ theo quy định gặp phải khó khăn vướng mắc.

Vì trong các chương trình cho vay thông thường, người vay vốn sẽ là người trực tiếp nhận nợ và sử dụng vốn đã vay. Khác với các chương trình cho vay thông thường, NHCSXH cho HSSV vay vốn thông qua hộ gia đình, người đứng ra vay vốn và trực tiếp nhận nợ là hộ gia đình, nhưng hộ gia đình không phải là người trực tiếp sử dụng đồng vốn đã vay, mà hộ gia đình chuyển số tiền vốn vay này cho con, em mình sử dụng phục vụ cho việc học tập như nộp học phí, ăn ở, đi lại và chi phí học tập cho HSSV trong thời gian học tập tại trường.

Người trực tiếp vay vốn và trả nợ cho ngân hàng là cha mẹ HSSV. Do đó nguồn thu nhập để trả nợ ngân hàng của chương trình này rất khác với các chương trình cho vay khác của NHCSXH, nguồn thu nhập để trả nợ bao gồm nguồn thu nhập của HSSV sau khi tốt nghiệp có việc làm mang lại và nguồn thu nhập từ sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, dùng nguồn thu nhập tổng hợp của hộ gia đình để trả nợ NHCSXH theo cam kết đã thỏa thuận.

2.4.2. Nguyên nhân

2.4.2.1. Chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương nơi cho vay không chịu áp lực về kết quả thu hồi nợ của chương trình cho vay trên địa bàn, kết quả thu hồi nợ không nằm trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo. Nên chưa có sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền địa phương trong công tác thu hồi nợ đến hạn và xử lý nợ chây ỳ, chưa có giải pháp phối hợp trong công tác thu hồi nợ tại địa phương.

2.3.2.2. NHCSXH nơi cho vay

- Công tác quản lý cho vay chưa chú trọng đến công tác thu nợ về sau. Việc nhận định nguồn thu từ đâu để hộ gia đình có thể trả nợ hầu như chưa cần quan tâm. Trong nguyên tắc vay vốn thì đảm bảo thu hồi vốn là điều mỗi cán bộ ngân hàng phải ghi nhớ. Tuy vậy, chưa có sự thống kê nào về HSSV ra trường có việc làm ở đâu, thu nhập thế nào để ngân hàng cập nhật và lấy làm căn cứ để ngân hàng chủ

động trong công việc thu hồi nợ gốc và nợ lãi. Trong khi thu nhập của HSSV sau khi ra trường cũng là một nguồn tiềm năng để thu hồi vốn vay cho ngân hàng ngoài thu nhập của cả gia đình.

- Chưa thực hiện đầy đủ việc định kỳ hạn trả nợ và cập nhật kịp thời trên sổ vay vốn của hộ vay, nên một số hộ vay chưa nắm bắt được kế hoạch trả nợ.

- Chương trình cho vay HSSV có đối tượng vay vốn rộng, mang tính đặc thù cao. Ngân hàng giải ngân đến từng hộ gia đình với những món vay nhỏ, thu nợ dần theo nhiều lần nên việc theo dõi của cán bộ tín dụng cũng khá phức tạp.

- Trên thực tế, giấy báo nợ đến hạn thường chỉ áp dụng cho kỳ cuối cùng vì không trả được nợ theo phân kỳ thì không có chế tài tín dụng xử lý, không bị sức ép về nợ quá hạn, nếu nợ phân kỳ không trả được thì tiếp tục được chuyển vào kỳ sau, in thông báo nợ đến hạn phân kỳ sẽ gây tổn kém.

- Thu lãi theo tháng là vận động chứ không bắt buộc trong thời gian phát tiền vay. Do vậy đến khi phải trả nợ gốc tiềm ẩn rủi ro, phát sinh nợ quá hạn vì lúc này cả gốc và lãi là một số rất lớn đối với khả năng của hộ nghèo và các hộ có hoàn cảnh khó khăn.

- Nợ quá hạn lãi suất phạt còn thấp hơn nhiều lãi suất thị trường nên hộ vay có tâm lý chây ì, ỷ lại vào chính sách của Nhà nước chây ì không muốn trả nợ.

2.4.2.3. Hội nhận ủy thác và tổ TK&VV

- Do cấp hội nhận ủy thác và tổ TK&VV không bị đánh giá chất lượng hoạt động về tiêu chí thu nợ theo phân kỳ, công tác cho vay đã được bình xét, xét duyệt ngày càng chặt chẽ hơn, tổ TK&VV muốn duy trì dư nợ nên chưa thật sự quan tâm, tích cực đôn đốc hộ vay trả nợ theo phân kỳ.

- Công tác thông tin tuyên truyền thiếu thường xuyên, sâu rộng. Đặc biệt là tuyên truyền hộ vay về tự nguyện trả lãi trong thời gian HSSV theo học, chính sách giảm lãi khi trả nợ trước hạn.

- Thông báo nợ đến hạn không đầy đủ kịp thời cho các thành viên trong tổ, nhiều Tổ trưởng Tổ TK&VV nhận giấy thông báo nợ từ NHCSXH để giao cho người vay nhưng không giao đầy đủ hoặc giao muộn, dẫn đến người vay không biết được kế hoạch để trả nợ kịp thời.

2.4.2.4. Hộ gia đình vay vốn

- Một số hộ gia đình khả năng trả nợ rất khó khăn khi HSSV ra trường chưa có việc làm, không có thu nhập, thu nhập của gia đình chủ yếu dựa vào sản phẩm từ nông nghiệp, vừa thấp vừa không ổn định.

- Đối tượng vay vốn thường là nông dân thuần nông, những hộ có thu nhập thấp, trong khi chăn nuôi, sản xuất tiềm ẩn nhiều rủi ro, con em khó xin việc làm nên gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ.

- Tâm lý đa phần các hộ gia đình vẫn mong muốn con em mình học đại học hoặc cao đẳng, ra trường tìm việc làm đúng với ngành nghề được đào tạo đạt tỷ lệ rất thấp, trong khi đó học nghề ra trường tìm được việc làm và có thu nhập ngay lại không được quan tâm.

2.4.2.5. Các nguyên nhân khác:

- Chính sách về cho vay chưa mang tính đầy đủ, vừa làm vừa bổ sung, vừa thay đổi cả trong quy định về cho vay lẫn quy định về quản lý chương trình. Liên tục các văn bản nghiệp vụ về cho vay HSSV được đưa ra, được thay đổi tuy đáp ứng được nhiều sự biến động trong cho vay khi phát sinh. Tuy nhiên, mô hình quản lý cho vay không chỉ là có mỗi cán bộ ngân hàng mà do nhiều cơ quan tổ chức và cá nhân cùng tham gia, trình độ ở các mức độ khác nhau. Mỗi thay đổi là mỗi lần cập nhật mới. Sự chưa ổn định về chính sách, chưa ổn định về cách quản lý dẫn đến thông tin không đầy đủ làm hiểu chính sách chưa đầy đủ.

- Quy mô đào tạo: Hiện nay quy mô đào tạo chưa thích ứng với nhu cầu đầu ra, đào tạo ồ ạt, chưa hướng cho người học chọn cho mình ngành học phù hợp, dẫn đến thừa thầy thiếu thợ, HSSV ra trường với tỷ lệ tìm được việc làm thấp ảnh hưởng không nhỏ đến việc trả nợ của người vay.

- Dữ liệu phục vụ cho trang website giữa NHCSXH và Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có sự đồng bộ về cấu trúc, Bộ Lao động thương binh và xã hội chưa xây dựng xong hệ thống bảng mã trường, cơ sở dạy nghề do bộ quản lý. NHCSXH đang thực hiện chuyển đổi, hiện đại hóa phần mềm quản lý dữ liệu nên trang website vayvondihoc chưa được hoàn thiện và hoạt động, phục vụ cho việc tra cứu thông tin của toàn xã hội.

Tóm tắt Chương 2

Trong Chương 2, luận văn đã nêu lên khái quát về quá trình hình thành và phát triển của NHCSXH Việt Nam và của NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Luận văn cũng đã trình bày, phân tích kết quả thực hiện các chương trình cho vay chính sách, nêu thực trạng hoạt động cho vay đối với HSSV, đánh giá hiệu quả cho vay đối với HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Nhìn chung, cho vay đối với HSSV là chương trình có tính nhân văn sâu sắc, tính xã hội hóa cao liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều tổ chức, cá nhân từ trung ương đến địa phương cùng tham gia thực hiện từ khâu tạo lập, huy động nguồn vốn đến việc tổ chức cho vay, thu hồi và xử lý nợ. Tuy nhiên, thực tế tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, cũng cho thấy cho vay đối với HSSV còn một số tồn tại, hạn chế như về tăng trưởng cho vay, chính sách cho vay, vấn đề thu hồi nguồn vốn, thu lãi, cơ chế xử lý nợ rủi ro, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan...

Việc chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, bất cập là cơ sở để tác giả nghiên cứu, tìm ra các giải pháp, đề xuất nhằm giúp NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình nâng cao hiệu quả cho vay đối với HSSV tại chương 3 của luận văn.

Chương 3:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHO VAY ĐỐI VỚI HỌC SINH SINH VIÊN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. Định hướng và mục tiêu cho vay đối với học sinh sinh viên

3.1.1. Quan điểm hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2011-2020

3.1.1.1. Cho vay chính sách là giải pháp để thực hiện mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo một cách cơ bản và bền vững.

Chiến lược phát triển của NHCSXH với mục tiêu tổng quát được xác định là: "Phát triển NHCSXH theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để thực hiện tốt việc cho vay chính sách xã hội của nhà nước, gắn liền phát triển kinh tế đi đôi với xóa đói giảm nghèo là chủ trương nhất quán của Đảng ta trong quá trình đổi mới và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách hỗ trợ cho vay cho người nghèo, vùng nghèo đã được thực hiện ở nước ta ngay từ ngày thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (năm 1951) và đã trở thành công cụ xóa đói giảm nghèo cơ bản và bền vững. Quan hệ cho vay "có vay có trả", "cho cần câu thay vì cho xâu cá", vừa giúp cho người nghèo có vốn để sản xuất, tiếp cận từng bước với kinh tế thị trường, vừa đặt ra cho các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể phải có trách nhiệm đến cùng trong việc giúp đỡ người nghèo vượt qua khó khăn, phát triển kinh tế, cải thiện cuộc sống và nâng cao vị thế trong xã hội.

Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa VII (tháng 6 năm 1993), Đảng ta chủ trương "Hỗ trợ giúp người nghèo bằng cách cho vay vốn, hướng dẫn cách làm ăn, tranh thủ các nguồn tài trợ nhân đạo trong và ngoài nước, phấn đấu tăng hộ giàu đi đôi với xóa đói giảm nghèo" và qua đó coi cho vay chính sách xã hội là giải pháp để thực hiện mục tiêu giảm nghèo một cách cơ bản và bền vững, vì vậy cần tổ chức, triển khai thực hiện tích cực và hiệu quả chính sách này.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ta chỉ rõ: "Thực hiện có hiệu quả và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong từng bước và từng chính

sách phát triển”. Để đảm bảo an sinh xã hội, Nghị quyết nêu rõ “Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức xóa đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để xóa đói, giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo”.

Ngày 22 tháng 11 năm 2014, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cho vay chính sách xã hội. Sau hơn một năm thực hiện, Chỉ thị đã tạo sự chuyển biến về nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng, ý nghĩa nhân văn của cho vay chính sách xã hội, từ đó tiếp tục phát huy và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cho vay ưu đãi, các mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế.

3.1.1.2. NHCSXH là công cụ thực hiện có hiệu quả cho vay chính sách của Nhà nước

NHCSXH là tổ chức tài chính, có nhiệm vụ thực hiện cho vay chính sách của Nhà nước. Sau hơn 13 năm hoạt động, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan Đảng và chính quyền các cấp, sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban đại diện HĐQT các cấp, sự ủng hộ của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cùng với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức trong toàn hệ thống, NHCSXH đã thực hiện tốt những mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra ban đầu là: Tập trung nguồn lực lớn, tạo bước đột phá trong công tác giảm nghèo; nâng cao chất lượng và hiệu quả vốn cho vay chính sách; tách cho vay chính sách ra khỏi cho vay thương mại; huy động lực lượng toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo và góp phần hạn chế nợ cho vay nặng lãi ở nông thôn. Những thành quả đó đã góp phần đưa nước ta sớm thực hiện thành công mục tiêu Thiên nhiên kỷ của Liên hợp quốc về xóa đói giảm nghèo và phát triển con người. Cho vay chính sách của NHCSXH đã được Quốc hội đánh giá là “một điểm sáng” trong chính sách pháp luật về giảm nghèo.

Tại Hội nghị tổng kết 10 năm hoạt động của NHCSXH, Thủ tướng Chính phủ đã biểu dương, đánh giá cao sự nỗ lực, cũng như những cố gắng và đóng góp to lớn mà các thể hệ, cán bộ, nhân viên NHCSXH đã đạt được. Kết quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội đã đóng góp thiết thực vào việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, giúp người nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, làm tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động của NHCSXH là một giải pháp sáng tạo mang tính đột phá, tạo điều kiện cho người nghèo thoát nghèo bền vững, được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Để cho vay chính sách tiếp tục là giải pháp quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, Thủ tướng cũng yêu cầu các bộ, ngành chức năng tiếp tục nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính và tăng tính tự chủ trong hoạt động của NHCSXH để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách. Các địa phương cần tiếp tục dành một phần nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương hàng năm ủy thác sang NHCSXH để cho vay các đối tượng chính sách trên địa bàn.

Các tổ chức chính trị xã hội, chính quyền địa phương các cấp phối hợp chặt chẽ hơn nữa với NHCSXH trong việc lồng ghép hiệu quả các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các hoạt động của hội, đoàn thể với hoạt động cho vay chính sách, giúp người vay sử dụng vốn vay hiệu quả để thoát nghèo bền vững...

Đứng trước yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, ngày 10/7/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 852/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2011-2020. Theo đó, mục tiêu, định hướng hoạt động của NHCSXH được cụ thể hóa làm cơ sở để đảm bảo cho NHCSXH phát triển theo hướng ổn định và bền vững đến năm 2020 và trong các năm tiếp theo. Nội dung

Chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2011-2020 khẳng định những quan điểm cơ bản như sau:

- Cho vay chính sách xã hội là giải pháp để thực hiện mục tiêu giảm nghèo một cách cơ bản và bền vững, vì vậy cần tổ chức, triển khai thực hiện tích cực và hiệu quả chính sách này.

- Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến cho vay chính sách xã hội được ban hành thống nhất và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.

- Nâng cao năng lực hoạt động của NHCSXH để thực sự là công cụ thực hiện có hiệu quả cho vay chính sách của Nhà nước về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020, Chương trình giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- Mục tiêu phát triển của NHCSXH theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để thực hiện tốt cho vay chính sách xã hội của Nhà nước; gắn liền với việc phát triển các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ có hiệu quả hơn cho người nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. [25]

3.1.2. Định hướng, mục tiêu hoạt động của chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020

3.1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực hoạt động của NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình để thực sự là công cụ thực hiện có hiệu quả cho vay chính sách của Nhà nước về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Chương trình giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn thị xã Ba Đồn.

Định hướng, mục tiêu xuyên suốt trong hoạt động chi nhánh NHCSXH thị xã Ba Đồn đến năm 2020 là thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng,

Chính quyền địa phương và sự phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể xã hội các cấp, đưa hoạt động cho vay ưu đãi bám sát và gắn kết có hiệu quả vào thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, các mục tiêu chương trình phát triển kinh tế, an ninh xã hội của địa phương. Phát triển NHCSXH thị xã Ba Đồn theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để thực hiện tốt cho vay chính sách xã hội của Nhà nước; gắn liền với việc phát triển các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ có hiệu quả hơn cho người nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Vốn đầu tư phải đến đúng đối tượng theo quy định; bằng nhiều biện pháp tác động giúp hộ vay vốn sử dụng vốn đúng mục đích có hiệu quả.[9]

3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu 100% người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Chính phủ trên địa bàn thị xã Ba Đồn có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm dịch vụ do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp.

- Thực hiện tăng trưởng nguồn vốn, dư nợ theo chỉ tiêu Tổng giám đốc NHCSXH giao, phấn đấu tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 10%, riêng nguồn vốn ủy thác từ Ngân sách địa phương bình quân hàng năm tăng 500 triệu đồng.

- Tỷ lệ nợ quá hạn dưới 1,0%, tất cả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, nợ rủi ro bất khả kháng được xử lý kịp thời theo quy định.

- Phấn đấu tỷ lệ thu lãi bình quân các chương trình đều đạt trên 95% lãi phải thu, đạt kế hoạch khoán tài chính Tổng giám đốc NHCSXH giao.

- Trên 90% Tổ TK&VV hoạt động được xếp loại tốt, khá; trên 90% tổ được ủy nhiệm thu tiền gửi tổ viên thông qua Tổ TK&VV. Các chỉ tiêu về doanh số giải ngân, thu nợ, thu lãi tại Điểm giao dịch xã đạt trên 90%.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp, lồng ghép với hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ..., nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.[9]

3.1.3. Định hướng cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của cho vay chính sách mà chính phủ giao, NHCSXH thị xã Ba Đồn tiếp tục bám sát sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc NHCSXH và định hướng phát triển kinh tế xã hội, mục tiêu giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn, phối hợp tốt với chính quyền địa phương các cấp, tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác, Tổ TK&VV triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình cho vay HSSV nhằm đảm bảo “không để học sinh, sinh viên nào phải bỏ học vì thiếu tiền đi học”. Tiếp tục tuân thủ và thực hiện tốt công tác xã hội hóa chương trình từ tham gia thực hiện từ khâu tạo lập, huy động nguồn vốn đến việc tổ chức cho vay, thu hồi và xử lý nợ; tổ chức giải ngân kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách theo qui định.

Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ nguồn vốn từ NHCSXH Việt Nam đáp ứng nhu cầu vay vốn của đối tượng thụ hưởng chương trình, phấn đấu “bảo đảm cho các sinh viên không phải bỏ học vì lý do không có khả năng đóng học phí và trang trải các nhu cầu sinh hoạt tối thiểu”.

Phối hợp với Chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội làm ủy thác để quản lý chặt chẽ nguồn vốn cho vay. Thu hồi và xử lý tốt nợ đến hạn bổ sung nguồn vốn cho vay quay vòng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn hàng năm của HSSV có hoàn cảnh khó khăn.

- Thường xuyên củng cố nâng cao chất lượng cho vay, theo dõi sát các diễn biến và chất lượng cho vay để có các biện pháp xử lý kịp thời: tích cực phối hợp với Chính quyền địa phương, Hội đoàn thể xử lý nợ rủi ro bất khả kháng kịp thời cho hộ vay; đôn đốc thu hồi nợ đến hạn (bao gồm nợ đến hạn theo phân kỳ và nợ đến hạn kỳ cuối), thu hồi nợ quá hạn, phấn đấu tỷ lệ nợ quá hạn dưới 1,0%.

- Công tác kiểm tra đạt 100% xã, phường, thị trấn, đạt 100% các Tổ TK&VV; kiểm tra sử dụng vốn và đối chiếu trực tiếp dư nợ đến 100% hộ gia đình vay vốn đối với HSSV.

3.2. Giải pháp hoàn thiện cho vay đối với học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Qua nghiên cứu đề tài, để nâng cao hiệu quả cho vay đối với HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có một số giải pháp chính sau:

3.2.1. Hoàn thiện quy trình cho vay

Quy trình cho vay của NHCSXH gồm có 8 bước, trong đó để thực hiện đúng quy trình cho vay thì phải có sự phối hợp giữa Ngân hàng, tổ chức chính trị xã hội, ban quản lý tổ, chính quyền địa phương và người vay. Vì vậy NHCSXH cần phải có sự hướng dẫn cho tổ chức hội, ban quản lý tổ trong việc làm hồ sơ thủ tục vay vốn, thời gian nộp hồ sơ vay vốn và cách thức nộp hồ sơ vay vốn.

Về phía tổ chức hội và ban quản lý tổ: Cần biết cách hướng dẫn hộ vay viết vào đơn vay vốn để gửi cho ban quản lý tổ được chính xác, hạn chế sai sót, phải làm lại nhiều lần. Trong mẫu 03/TD – danh sách hộ vay đề nghị vay vốn, tổ chức hội và ban quản lý tổ phải ghi đầy đủ nội dung và tham mưu cho UBND cấp xã xác nhận đúng đối tượng đề nghị vay vốn.

Ban quản lý tổ phải nộp hồ sơ vay vốn cho ngân hàng trước ngày giao dịch 10 đến 15 ngày và tập trung hồ sơ nộp 1 lần cho cán bộ tín dụng địa bàn, tránh hồ sơ thất lạc.

Về phía ngân hàng: Cần tập hợp nhu cầu vay vốn của người vay để cung cấp các mẫu biểu cho tổ chức hội, tránh trường hợp người dân không có mẫu biểu dẫn đến việc lập hồ sơ xin vay bị chậm trễ và không đầy đủ

Cần thông báo trước danh sách phê duyệt giải ngân và những bộ không được phê duyệt trước ngày giao dịch để hộ vay được biết. Nếu phát hiện sai sót cán bộ ngân hàng phải thông báo ngay cho ban quản lý tổ hoặc tổ chức hội khắc phục kịp thời, tránh trường hợp vì sai sót nhỏ mà hộ vay phải chờ đợi nhận tiền lâu, gây khó khăn trong việc trang trải chi phí học tập của HSSV cũng như ứ đọng nguồn vốn ưu đãi của chính phủ.

3.2.2. Hoàn thiện mạng lưới hoạt động

3.2.2.1. Nâng cao chất lượng, hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn

Tổ TK&VV được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV, cùng giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ ngân hàng.

Chương trình cho vay HSSV là chương trình đặt thù, thường xuyên có những chính sách thay đổi, áp dụng mới về đối tượng, mức vay, hồ sơ thủ tục cho vay...vì vậy phải tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích cho các tổ viên thường xuyên về: chủ trương, chính sách của Nhà nước về cho vay đối với HSSV, thủ tục vay vốn NHCSXH; Tuyên truyền, vận động tổ viên thực hành tiết kiệm, nâng cao ý thức trong việc vay vốn và trả nợ ngân hàng.

Thành viên Tổ TK&VV có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ, các lớp tập huấn do NHCSXH, các đoàn thể và các ngành tổ chức; kiến nghị với NHCSXH khi phát hiện những quy định không phù hợp và những tồn tại, thiếu sót trong việc sử dụng vốn vay của các thành viên khác.

Việc theo dõi, quản lý nợ, hoạch toán ghi chép và lưu trữ hồ sơ sổ sách của ban quản lý tổ phải khoa học, đầy đủ, đúng theo quy định.

Việc bình xét hộ vay vốn phải thực hiện dân chủ, công khai, đúng đối tượng.

Việc trả nợ phân kỳ phải được thường xuyên theo dõi, nhắc nhở tại mỗi kỳ họp của Tổ TK&VV, tạo ý thức, trách nhiệm cho từng thành viên trong tổ. Người Tổ trưởng phải mở sổ sách ghi chép theo dõi các khoản nợ đến hạn của từng thành viên trong Tổ để đôn đốc các tổ viên đem tiền đến điểm giao dịch của NHCSXH để trả nợ gốc theo kế hoạch trả nợ (theo phân kỳ) đã thoả thuận. Mặt khác, khi gia đình người vay gặp rủi ro do nguyên nhân chủ quan hay khách quan thì Ban quản lý Tổ TK&VV cũng là những người nắm rõ nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại để kịp thời thông báo cho tổ chức Hội, cho ngân hàng để có thể đề xuất biện pháp xử lý thích hợp hỗ trợ hộ gia đình khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống.

Trong cuộc họp, tổ trưởng phải động viên, khuyến khích, biểu dương những người thực hiện tốt phân kỳ trả nợ để các tổ viên luôn nêu cao ý thức trách nhiệm, sắp xếp hợp lý nguồn thu nhập gia đình để có tiền trả nợ theo phân kỳ.

Thông qua giao ban tại điểm giao dịch, Tổ TK&VV phải nắm được nguyên nhân những hộ chưa trả được nợ báo cáo chính quyền địa phương và đề xuất với NHCSXH để có biện pháp xử lý theo quy định.

Đối với các Tổ TK&VV, hiện tại NHCSXH đã có quy định hướng dẫn việc bình xét, phân loại chất lượng hoạt động của tổ, nhưng cũng chưa có cơ chế thưởng cho những Tổ làm tốt hoặc phạt những Tổ yếu làm chưa tốt hoặc những tổ phối hợp chưa tốt với các tổ chức Hội.

Để tăng cường trách nhiệm của Ban quản lý tổ TK&VV và cán bộ Hội nhận ủy thác nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Hội và các tổ TK&VV, xây dựng cơ chế thi đua giữa các tổ chức Hội và các Tổ TK&VV, có cơ chế thưởng, phạt rõ ràng là rất cần thiết.

Đối với công tác thu hồi nợ chương trình cho vay HSSV, Tổ trưởng Tổ TK&VV cần phải đảm bảo 5 biết là: biết nợ đến hạn, biết kiểm tra đôn đốc, biết xử lý khó khăn vướng mắc, biết khả năng trả nợ, biết lập hồ sơ xử lý nợ.

3.2.2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của điểm giao dịch xã

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi giao dịch với NHCSXH Thị xã Ba Đồn hiện nay mọi giao dịch giữa khách hàng với NHCSXH Thị xã Ba Đồn đều được thực hiện tại điểm giao dịch của Ngân hàng đặt tại xã, đến 31/12/2016, NHCSXH Thị xã Ba Đồn có 16/16 điểm giao dịch tại xã, phường. Các điểm giao dịch đều được bố trí tại hội trường UBND xã, phường; phía ngoài treo biển điểm giao dịch có quy định ngày giờ giao dịch thông báo chính sách tín dụng; thông báo lãi suất; danh sách dư nợ; các chương trình cho vay; hòm thư góp ý; bên trong có nội quy giao dịch. Tuy nhiên để có điều kiện phục vụ khách hàng một cách tốt nhất trong thời gian tới NHCSXH Thị xã Ba Đồn tiếp tục hoàn thiện điểm giao dịch xã theo hướng:

+ Cần sắp xếp lịch giao dịch cụ thể đối với các tổ TK&VV khi đến giao dịch tại điểm giao dịch xã, đặc biệt đối với hộ vay khi đến nhận tiền cần phải phân chia thời gian hợp lý, tránh tình trạng chờ đợi mất thời gian của hộ vay

+ Đối với các xã có diện tích lớn, số hộ nhiều như xã Quảng Văn, Quảng Lộc, các điểm giao dịch xã đường quốc lộ, tỉnh lộ phải có biển chỉ dẫn, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân lần đầu tiên đến làm việc tại điểm giao dịch. Mọi hoạt động như: Giải ngân, thu lãi, thu gốc, trả hoa hồng, phí ủy thác, thù lao cho cán bộ cấp xã thực hiện tại điểm giao dịch. Mọi chính sách mới về cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác đều được công khai kịp thời tại điểm giao dịch.

+ Trước ngày giao dịch định kỳ hàng tháng tại xã các tổ chức hội phải đôn đốc các tổ TK&VV thực hiện các công việc được ủy nhiệm và đến điểm giao dịch đúng lịch giao dịch, tổ giao dịch của NHCSXH nơi cho vay phải kiểm tra việc thu nộp tiền lãi, tiền gửi của cá tổ TK&VV khi đến giao dịch. Trường hợp ban quản lý tổ TK&VV không đi giao dịch với NHCSXH vào ngày giao dịch và không có lý do chính đáng thì cán bộ NHCSXH nơi cho vay cùng tổ chức hội xuống kiểm tra, đôn đốc, xác định nguyên nhân và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh liên quan, không để tình trạng tổ không thực hiện giao dịch với ngân hàng hàng tháng tại điểm giao dịch.

3.2.3. Tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác các cấp

Với mô hình tổ chức và phương thức quản lý cho vay đặc thù, NHCSXH đã huy động được nhiều cán bộ có tâm huyết từ các hội đoàn thể tham gia quản trị và nhận ủy thác quản lý vốn vay. Hiện có hàng nghìn cán bộ của các Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đang tham gia thực hiện dịch vụ ủy thác cho NHCSXH. Ngoài ra, việc tổ chức giao dịch và công khai kết quả hoạt động cho vay cũng như các chính sách cho vay ưu đãi tại xã, phường, thị trấn đã tạo điều kiện để mọi người dân có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của NHCSXH cũng như việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội.

Trong thời gian qua công tác ủy thác cho vay thông qua các tổ chức hội tại NHCSXH thị xã Ba Đồn vẫn còn một số tồn tại. Do đó để tiếp tục duy trì và đẩy

manh phương thức cho vay ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị xã hội trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số công việc sau:

- + Cần kết hợp với NHCSXH thị xã Ba Đồn tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tổ, nâng cao hiệu quả hoạt động tại điểm giao dịch xã. Cùng ban quản lý tổ theo dõi việc sử dụng vốn vay của người vay,

- + Duy trì thường xuyên công tác giao ban với NHCSXH thị xã Ba Đồn để kịp thời nắm bắt các chính sách, văn bản thay đổi để kịp thời hướng dẫn đơn thúc ban quản lý tổ trong việc thực hiện cho vay chính sách đối với HSSV.

- + Thường xuyên rà soát nhắc nhở ban quản lý tổ về các trường hợp HSSV đã ra trường để đôn đốc thu hồi nợ gốc và thu lãi, kịp thời phát hiện những HSSV thôi học để thu hồi nợ vay Thông báo kịp thời cho ngân hàng nơi cho vay về các trường hợp sử dụng vốn vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, chết, mất tích...) và rủi ro do nguyên nhân chủ quan như: sử dụng vốn vay sai mục đích, người vay trốn, ... để có biện pháp xử lý thích hợp kịp thời. Phối hợp cùng NHCSXH và chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn và hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan (nếu có).

- + Tăng cường và làm tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động ủy thác, thực hiện đối chiếu nợ công khai hằng năm theo quy định, đặt biệt kiểm tra hoạt động của tổ TK&VV một cách thường xuyên, có chất lượng

- + Chủ động đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm dịch vụ ủy thác, Ban quản lý Tổ TK&VV thông qua hình thức tự đào tạo hoặc phối hợp đào tạo với NHCSXH. Thường xuyên theo dõi hoạt động của Tổ TK&VV và đôn đốc Ban quản lý Tổ TK&VV thực hiện hợp đồng uỷ nhiệm đã ký với NHCSXH. Tiếp tục củng cố Tổ TK&VV, bảo đảm hài hòa giữa việc tổ chức Tổ TK&VV theo tổ chức chính trị-xã hội và theo địa bàn dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động và phát triển của các tổ chức chính trị-xã hội. Cụ thể hóa các điều kiện, tiêu chuẩn cán bộ tổ chức chính trị-xã hội và Ban quản lý Tổ TK&VV tham gia dịch vụ ủy thác.

+ Đánh giá hoạt động của tổ chức hội từng cấp, gắn với công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực thi đua và có hình thức kỷ luật đối với tập thể, các cá nhân có trách nhiệm làm không tốt.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý hoạt động ủy thác của các tổ chức chính trị-xã hội; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng kịp thời điển hình tiên tiến, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng; giải thích hướng dẫn đến đối tượng thụ hưởng và bổ sung tiêu chí tỷ lệ thu nợ phân kỳ các chương trình cho vay ưu đãi trong đó có chương trình cho vay đối với HSSV vào chỉ tiêu thi đua của từng cấp Hội làm ủy thác.

3.2.4. Phát huy chức năng tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương và ban đại diện hội đồng quản trị

Mô hình tổ chức quản lý đặc thù của NHCSXH đã huy động được sức mạnh tổng hợp toàn xã hội trong việc thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác với phương châm “Trung ương và địa phương cùng làm”, “Nhà nước và nhân dân cùng làm” là một giải pháp thực tế, góp phần tăng cường năng lực quản lý, năng lực tài chính của NHCSXH. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao hơn nữa trong việc nâng cao trách nhiệm trả nợ của hộ vay thì vai trò của các cấp chính quyền địa phương là hết sức quan trọng "nơi nào cấp ủy địa phương quan tâm nơi đó thực hiện tốt chính sách cho vay ưu đãi".

Tổ chức điều tra và quản lý chặt chẽ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Chủ động điều chỉnh, bổ sung kịp thời danh sách hộ nghèo, hộ có thu nhập bình quân đầu người bằng 150% hộ nghèo và đối tượng chính sách khác để có căn cứ xác nhận đối tượng vay vốn chương trình HSSV.

Nâng cao trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc:

+ Triển khai thực hiện chính sách cho vay trên địa bàn; kiện toàn Ban giám nghèo nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt việc tham mưu cho UBND cùng cấp quản lý, phê duyệt danh sách vay vốn HSSV; chỉ đạo Trưởng thôn, ấp, bản, tổ dân phố phối hợp cùng NHCSXH, các tổ chức chính trị xã hội, Tổ

TK&VV quản lý chặt chẽ vốn cho vay ưu đãi trên địa bàn; theo dõi, giúp đỡ người vay vốn sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả; đôn đốc người vay trả nợ, trả lãi ngân hàng đầy đủ, đúng hạn; tích cực tham gia xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ xấu.

+ Làm tốt công tác tuyên truyền và tham gia thực hiện tốt chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính trị xã hội cấp dưới và Tổ TK&VV trong việc thực hiện dịch vụ ủy thác với NHCSXH. Chỉ đạo làm tốt việc bình xét đối tượng vay vốn, quản lý và hướng dẫn người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả nợ, trả lãi ngân hàng đầy đủ, đúng hạn.

+ Chính quyền cấp xã là cơ quan hành chính trực tiếp đối với đối tượng vay vốn, là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ nguồn vốn cho vay ưu đãi của NHCSXH đã phân giao nói chung và chương trình cho vay HSSV nói riêng. Với trách nhiệm của mình, chính quyền địa phương là nơi xác nhận, đăng ký hộ khẩu thường trú của HSSV trước khi nhập học, cũng là nơi theo dõi và nắm bắt được HSSV sau khi ra trường trở về địa phương xin xác nhận sơ yếu lý lịch và các vấn đề liên quan đến nhân khẩu, hộ khẩu, gia đình HSSV và bản thân HSSV. Đối chiếu danh sách vay vốn và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV đôn đốc, nhắc nhở gia đình HSSV, HSSV chấp hành nghiêm chỉnh việc trả nợ, lãi theo phân kỳ theo đúng quy định và thông báo cho NHCSXH về địa chỉ đơn vị công tác của HSSV.

3.2.5. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Đây là giải pháp quan trọng để cải thiện hiệu quả và tính bền vững của Chương trình cho vay chính sách nói chung và chương trình cho vay đối với HSSV nói riêng. NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình được thành lập và đi vào hoạt động đã hơn 14 năm, từ một bộ phận nhỏ của Ngân hàng Phục vụ người nghèo huyện Quảng Trạch đến thời điểm cuối năm 2016 đã có 14 cán bộ trong đó đa phần là những sinh viên vừa mới ra trường, có tuổi nghề, tuổi đời còn nhỏ, còn thiếu kinh nghiệm trong hoạt động cho vay chính sách.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù các cán bộ NHCSXH khi được tuyển dụng đã có nền tảng kiến thức chuyên môn, nhưng cho vay chính sách có tính đặc thù riêng và thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với sự biến động của hoàn cảnh kinh tế - xã hội (mức vay, lãi suất, đối tượng thụ hưởng...). Vì vậy, đòi hỏi cán bộ NHCSXH phải thường xuyên cập nhật, bồi dưỡng kiến thức để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Điều này là trách nhiệm của chính bản thân mỗi cán bộ NHCSXH để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến lược phát triển của toàn hệ thống.

Đối với cán bộ NHCSXH, ngoài kiến thức chuyên môn, cần đào tạo cả về một số kỹ năng cần thiết: kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc, kỹ năng thuyết trình..., do đặc thù của NHCSXH, đối tượng khách hàng là những đối tượng đặc biệt, dễ bị tổn thương (người nghèo và các đối tượng chính sách). Hơn nữa, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, còn phải giao tiếp với các đơn vị phối hợp thực hiện: Chính quyền địa phương, Hội đoàn thể... Để hoàn thành tốt được nhiệm vụ, cán bộ NHCSXH phải giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và quan hệ giao tiếp với cộng đồng, nhất là đối với người vay là những đối tượng dễ tổn thương trong xã hội.

Vì vậy, trong những năm vừa qua, đào tạo và đào tạo lại cán bộ là một trong những ưu tiên hàng đầu của NHCSXH nói chung và của NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình nói riêng. Bên cạnh việc mở các lớp đào tạo và tập huấn dài ngày, ngắn ngày, lãnh đạo ngân hàng còn yêu cầu bản thân mỗi cán bộ ngân hàng phải tự trau dồi kiến thức, cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên, nắm chắc kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và xây dựng chương trình công tác cụ thể theo từng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Có thể nói, đào tạo được một cán bộ ngân hàng giỏi đồng nghĩa với việc xây dựng được một giáo viên kiêm nhiệm giỏi, đó là nhân tố để đem lại thông tin và truyền đạt kiến thức về cho vay chính sách của Đảng và Nhà nước cho người nghèo và đối tượng chính sách hiệu quả nhất.

Cán bộ lãnh đạo xã, đặc biệt là cán bộ Ban giảm nghèo và cán bộ Hội, Ban quản lý Tổ TK&VV có vai trò quan trọng trong các hoạt động của NHCSXH tại địa

phương. Vì vậy, năng lực của cán bộ xã, cán bộ Hội, Ban quản lý Tổ TK&VV là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả của Chương trình.

Thực tế, NHCSXH thường xuyên tổ chức tập huấn cho các cán bộ Hội Đoàn thể và cán bộ xã về những nghiệp vụ liên quan đến các công việc ủy thác cho vay. Tuy nhiên, do cán bộ Hội Đoàn thể tại địa bàn làm việc theo nhiệm kỳ, thực tế luôn có sự thay đổi về nhân sự. Mặt khác, năng lực của các cán bộ Hội và Tổ còn hạn chế trong khi Chương trình cho vay kéo dài, quy định chính sách lại thay đổi theo thời gian. Vì vậy, hoạt động tập huấn cần phải được tổ chức kịp thời và thường xuyên hơn để không ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động ủy thác đã ký với NHCSXH.

Hàng năm, trên tinh thần chỉ đạo của cấp trên, NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đều tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo lại cho cán bộ XĐGN của xã, phường, thị trấn, của các tổ chức chính trị xã hội làm ủy thác và Tổ TK & VV. Nội dung tập huấn cho từng đối tượng đều được phân ra từng cấp độ khác nhau, lựa chọn những phương tiện tiếp cận, giảng dạy phù hợp để truyền tải kiến thức đến học viên một cách có hiệu quả nhất.

3.2.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Cùng với sự phát triển và trưởng thành của NHCSXH, hoạt động công nghệ thông tin đã có những bước phát triển ấn tượng cả về chiều rộng và chiều sâu. Trước yêu cầu của thời kỳ hội nhập, NHCSXH tích cực đưa các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, hỗ trợ các nghiệp vụ phát sinh trong từng giai đoạn. Dự án hiện đại hóa tin học ngân hàng của NHCSXH đang triển khai hiện nay là bước ngoặt quan trọng, trong nỗ lực hiện đại hóa nghiệp vụ ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, phục vụ tốt hơn, hiệu quả hơn các đối tượng khách hàng của NHCSXH. Hệ thống bảo đảm gần như đầy đủ các tính năng tiêu chuẩn đối với một ngân hàng hiện đại. Quy trình giao dịch gần như hoàn chỉnh, quản lý chặt chẽ nguồn dữ liệu vào ra, hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót, rủi ro trong quá trình thao tác nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, tính đáp ứng, sẵn sàng hoạt động và khả năng linh hoạt cao, cung cấp các công cụ quản trị rủi ro hiệu quả như: hệ thống cảnh báo sớm các

trường hợp nợ đến hạn phân kỳ, kỳ cuối... ngăn chặn kịp thời các trường hợp một khách hàng vay tại nhiều Phòng giao dịch trong tỉnh và khác tỉnh... Ngoài ra, các báo cáo cuối ngày, cuối tháng đều được hệ thống kết xuất tự động, chính xác, kịp thời, đầy đủ, giảm thiểu tối đa thời gian, xử lý số liệu báo cáo so với trước đây và tính chính xác của các mẫu báo cáo được đảm bảo.

Qua khảo sát và nắm bắt tình hình thực tế tại các xã, phường từ vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trên mọi miền của tổ quốc đã được kết nối mạng internet phục vụ cho công tác truy cập thông tin và quản lý văn bản hành chính được dễ dàng. Vì vậy để ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý theo dõi đơn đốc thu hồi nợ đối với chương trình HSSV là một giải pháp hết sức cần thiết.

Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này chúng ta cần phải có sự phối hợp, quản lý và khai thác, sử dụng hiệu quả thông qua trang thông tin điện tử "vay vốn đi học". Trang thông tin điện tử "vay vốn đi học" có những ý nghĩa là:

Một mặt là nơi để toàn xã hội tra cứu thông tin, Đảng, Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước có thể biết được tình hình và kết quả triển khai chương trình cho vay ưu đãi của NHCSXH nói chung và chương trình cho vay ưu đãi đối với HSSV nói riêng.

Mặt khác, nhằm phục vụ quản lý cho vay đối với HSSV, đặc biệt trong việc đơn đốc thu hồi nợ và quản lý; theo dõi quá trình HSSV học tập tại trường đến khi tốt nghiệp và cung cấp các thông tin về hiện trạng học tập, đóng học phí, bỏ học, thôi học, dừng học, lưu ban, kỷ luật... Sau khi HSSV tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và cơ sở dạy nghề, làm việc ở các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; xác nhận sơ yếu lý lịch và các vấn đề liên quan đến nhân khẩu, hộ khẩu, gia đình HSSV và bản thân HSSV ở địa phương. Thông qua trang thông tin điện tử "vay vốn đi học", các đơn vị có liên quan và đông đảo nhân dân biết để nắm bắt thông tin và tích cực hỗ trợ cho công tác quản lý, giám sát việc thực hiện các Chương trình cho vay chính sách đảm bảo đúng chính sách theo qui định của Chính phủ từ khâu cho vay đến công tác thu hồi nợ. Trang thông tin điện tử "vay vốn đi học" hoạt động tốt sẽ là cơ sở cung cấp thông tin đa chiều để các cơ quan liên quan

nắm bắt được tình hình vay vốn của HSSV trong thời gian học tập tại trường và việc chấp hành trả nợ sau khi tốt nghiệp ra trường, những thông tin này phục vụ rất hiệu quả cho công tác đôn đốc và thu hồi nợ vay. Nhưng thực tế hiện nay trang thông tin điện tử "vay vốn đi học" hoạt động chưa hiệu quả, các cơ quan đơn vị liên quan chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình từ việc truy cập cho đến cập nhật thông tin được quy định tại thông tư liên tịch giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế cung cấp thông tin cho Trang thông tin điện tử "vay vốn đi học" (tên gọi khác là Website "vay vốn đi học"), phục vụ quản lý công tác cho vay đối với HSSV. Chính vì vậy để thực hiện có hiệu quả giải pháp này cần phải có sự gắn kết giữa HSSV, nhà trường, địa phương, đơn vị sử dụng lao động và Ngân hàng trong quá trình cho vay theo dõi trả nợ của người vay và đôn đốc thu hồi nợ như sau:

a) Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội

Để khai thác có hiệu quả ứng dụng của Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đôn đốc thu hồi nợ vay, NHCSXH cần tranh thủ mọi nguồn lực từ Trung ương và địa phương để đầu tư, nâng cấp máy móc, trang thiết bị tin học, ổn định cơ sở vật chất (trụ sở, kho tàng...), trang thiết bị làm việc, phương tiện vận tải, đặc biệt là tại các điểm giao dịch xã.

Kể từ năm 2014, NHCSXH đã triển khai và áp dụng phần mềm Interlect (thuộc hệ thống Ngân hàng lõi Core Banking). Hệ thống bảo đảm gần như đầy đủ các tính năng tiêu chuẩn đối với một ngân hàng hiện đại. Quy trình giao dịch hoàn chỉnh, quản lý chặt chẽ nguồn dữ liệu vào ra, hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót, rủi ro trong quá trình thao tác nghiệp vụ. Sau khi triển khai hiện đại hóa, hồ sơ vay vốn của HSSV đã được số hóa hoàn toàn, liên tục cập nhật thông tin để các cơ quan liên quan cập nhật thường xuyên thông tin về người vay, thông tin về số tiền còn dư nợ, về khả năng trả nợ từng món vay đảm bảo minh bạch, chi tiết và đầy đủ và cho phép triển khai các phương pháp tính lãi, phương pháp thu nợ rõ ràng nhanh chóng khoa học... Ngoài ra cung cấp đầy đủ các thông tin về chính sách cho vay ưu đãi, văn bản hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay đối với HSSV; thông tin về dư nợ cho

vay, lãi suất cho vay, tình hình trả nợ, mẫu biểu, danh sách HSSV, trả lãi của Hộ gia đình có HSSV thuộc đối tượng vay vốn được tập hợp từ Ngân hàng cơ sở cung cấp cho Cơ quan chủ trì để cập nhật lên website. Từ nguồn cơ sở dữ liệu đầy đủ hiện có trên Intellect để đưa ra các giải pháp gắn kết giữa HSSV, nhà trường, địa phương và Ngân hàng trong quá trình cho vay theo dõi trả nợ của người vay và đơn đốc thu hồi nợ. Bên cạnh đó, NHCSXH phải cập nhật đầy đủ thông tin trên Website "vay vốn đi học", tạo điều kiện cho các cơ quan có liên quan hợp tác trong quá trình thu hồi nợ tiền vay và cung cấp các văn bản chỉ đạo, quản lý có liên quan tới chính sách cho vay đi học, làm đầu mối tổng hợp dữ liệu vay vốn từ các chi nhánh để đồng bộ với cơ sở dữ liệu website.

Ngoài ra cần tăng cường sự phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ giáo dục và Đào tạo, các trường, cơ sở giáo dục có sinh viên vay vốn, để xây dựng cơ sở dữ liệu chung về thông tin HSSV đang vay vốn trực tiếp của NHCSXH, nhằm bổ sung làm minh bạch thông tin về người vay, hoàn thiện các cơ sở pháp lý cho công tác thu hồi nợ đối với các món vay trực tiếp. Phối hợp, quản lý và khai thác, sử dụng có hiệu quả trang Website vay vốn đi học để các cơ quan, đơn vị có liên quan và đông đảo nhân dân biết, nắm bắt thông tin và tích cực hỗ trợ cho công tác quản lý, giám sát việc thực hiện Chương trình đảm bảo đúng chính sách theo qui định của Chính phủ.

b) Đối với các cơ sở đào tạo

Các cơ sở đào tạo quản lý HSSV từ khi cho vay, theo dõi quá trình HSSV học tập tại trường đến khi tốt nghiệp ra trường và cung cấp các thông tin về hiện trạng học tập, đóng học phí, bỏ học, thôi học, dừng học, lưu ban, kỷ luật... các HSSV có đủ điều kiện vay vốn theo đối tượng quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên Website "vay vốn đi học". Từ đó làm cơ sở để Ngân hàng có kế hoạch bố trí nguồn vốn giải ngân và các đơn vị liên quan theo dõi, phân loại đối tượng, đơn đốc trả nợ vay.

Thông tin về tình trạng của HSSV sẽ được nhà trường cập nhật lên Website và xác nhận cho từng cá nhân. Ngoài ra công khai các kế hoạch tuyển

sinh, tốt nghiệp, danh sách các HSSV đã làm cam kết trả nợ với Ngân hàng trước khi ra trường.

c) Đối với các địa phương

Địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của HSSV là nơi theo dõi và nắm bắt được HSSV sau khi ra trường trở về địa phương xin xác nhận sơ yếu lý lịch và các vấn đề liên quan đến nhân khẩu, hộ khẩu, gia đình HSSV và bản thân HSSV. Đối chiếu danh sách vay vốn và phối hợp với các Tổ chức chính trị - xã hội, Tổ tiết kiệm và vay vốn đơn đốc gia đình HSSV, HSSV chấp hành nghiêm chỉnh việc trả nợ vốn vay cho Nhà nước theo đúng quy định.

d) Đối với gia đình HSSV và HSSV

HSSV trước và sau khi ra trường cần phải thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin trên website "vay vốn đi học" về tình trạng vay vốn của gia đình mình cũng như các chế độ chính sách ưu đãi đối với chương trình cho vay HSSV.

đ) Đối với các Bộ: Giáo dục và Đào tạo và Lao động - Thương binh và Xã hội

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, quản trị và đảm bảo website "vay vốn đi học" hoạt động hiệu quả, cập nhật kịp thời chính xác các thông tin thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ.

Cung cấp các văn bản chỉ đạo, quản lý có liên quan tới chính sách ưu đãi đối với HSSV, chỉ đạo, giám sát, đơn đốc các cơ sở đào tạo trong hệ thống tham gia cung cấp thông tin theo chức năng nhiệm vụ của mình trên website "vay vốn đi học" như mã trường, mã HSSV theo quy định để có thông tin đầy đủ về HSSV vay vốn đi học. Ngoài ra ban hành văn bản quy định trách nhiệm của các đơn vị sử dụng lao động, các trường, các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc Bộ mình quản lý trong việc đưa thông tin về hiện trạng học tập và đóng học phí của HSSV, đơn đốc cung cấp thông tin, cập nhật, xử lý dữ liệu, đồng thời có kế hoạch công bố rộng rãi thông tin nhằm giúp cho các đối tượng đủ điều kiện có điều kiện tiếp cận nguồn vốn ưu đãi.

e) Các đơn vị sử dụng lao động

Khi tiếp nhận hồ sơ xin việc, qua phỏng vấn hoặc truy cập trên website "vay vốn đi học" đơn vị sử dụng lao động có thể biết thông tin về HSSV còn dư nợ tại

NHCSXH hay không? bằng cách nhập số chứng minh nhân dân của HSSV trên website "vay vốn đi học" để biết thông tin, đồng thời thông báo qua website khi người lao động được tuyển dụng và địa chỉ đơn vị sử dụng lao động cho NHCSXH để cùng phối hợp theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở việc trả nợ vay của HSSV.

Có thể nói, công nghệ thông tin được xem như một xu hướng chính trong hoạt động của NHCSXH hiện nay, các giải pháp kỹ thuật công nghệ được lựa chọn là phù hợp đã bảo đảm cho sự phát triển công nghệ tin học ngân hàng đúng hướng, là nhân tố quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình cải cách, đổi mới về thể chế, tăng hiệu quả điều hành, quản trị nội bộ, quản trị rủi ro và cắt giảm chi phí hoạt động, là yếu tố giúp NHCSXH tăng khả năng cạnh tranh thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, tăng vòng quay tiền tệ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả đồng vốn xã hội với mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội.

3.3. Một số kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả cho vay đối với HSSV tại NHCSXH nói chung và NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình nói riêng, đòi hỏi phải có sự phối hợp và tích cực triển khai của các Bộ, ngành: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị xã hội, đặc biệt là: Hội Nông dân, Hội Phụ Nữ, Hội cựu Chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các cơ quan thông tin đại chúng và NHCSXH trong suốt quá trình tổ chức thực hiện.

3.3.1. Kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo sát sao các Bộ ngành, NHCSXH để chương trình cho vay đối với HSSV ngày càng bền vững và là đôi cánh cho tất cả các HSSV được thực hiện ước mơ học hành.

Đề nghị Chính phủ có chính sách hỗ trợ đào tạo gắn với việc làm, hỗ trợ những sinh viên đã vay vốn NHCSXH tốt nghiệp ra trường có cơ hội tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm để có thu nhập trả nợ cho NHCSXH.

Để tạo lập nguồn vốn cho vay Chương trình ổn định trước mắt, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, Ngành tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc

xây dựng cơ chế tạo lập nguồn vốn của NHCSXH theo hướng ổn định và bền vững, bố trí đủ nguồn vốn, ổn định kịp thời, bố trí đủ nguồn vay cho NHCSXH. Tạo điều kiện cho NHCSXH được tiếp cận với các nguồn vốn ODA, vốn vay dài hạn, lãi suất thấp để tạo nguồn vốn ổn định thực hiện các chương trình cho vay chính sách và trong việc vận động các tổ chức tài chính, tín dụng mua trái phiếu NHCSXH được Chính phủ bảo lãnh, một kênh huy động vốn quan trọng hiện nay của NHCSXH.

Đề nghị Chính phủ nghiên cứu bổ sung đối tượng cho vay đối với gia đình có từ 02 HSSV trở lên đang theo học tại các trường, cơ sở đào tạo; bổ sung đối tượng cho vay đối với hộ gia đình vừa thoát nghèo vay vốn liên tiếp trong 3 năm nhằm giúp họ thoát nghèo bền vững, cũng như có điều kiện đầu tư cho con ăn học. Đây là những trường hợp chưa thuộc đối tượng vay vốn theo qui định hiện nay, có thể xem xét quy định cho vay với mức vay bằng mức cho vay theo qui định chung đối với cho vay HSSV. Lãi suất cho vay cao hơn mức lãi suất mà các đối tượng hiện đang thụ hưởng nhằm giảm thiểu cấp bù lãi suất từ Ngân sách Nhà nước, áp dụng mức lãi suất cho vay, tiệm cận với lãi suất thị trường.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu điều chỉnh tăng mức cho vay phù hợp với mức tăng của giá cả thị trường trong tương lai. Thực tế, để có nguồn tài chính cho con em họ đi học, đặc biệt tại các thành phố lớn, ngoài vốn vay thì họ vẫn phải vay mượn, huy động thêm mới đảm bảo cho con em họ yên tâm học tập. Nếu không có được từ các nguồn hỗ trợ khác thì mặc dù có đủ năng lực nhưng HSSV vẫn có thể phải từ bỏ nguyện vọng của mình để theo học tại các Trường hoặc cơ sở đào tạo khác ít tốn kém hơn.

Hiện nay quy định về xử lý rủi ro khoanh nợ, gia hạn nợ theo Quyết định 50/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ áp dụng đối với chương trình cho vay HSSV gặp khó khăn khi phải xác định rõ về mức độ thiệt hại. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể, phù hợp với đặc thù của chương trình khi HSSV vay vốn gặp khó khăn phải gia hạn nợ hoặc lập hồ sơ khoanh nợ. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh quy định về gia hạn nợ của Quyết định 157/2007/QĐ-TTg là thời gian gia hạn nợ tối đa bằng $\frac{1}{2}$ thời hạn cho vay nhằm kéo dài thời gian trả nợ đối

với những HSSV ra trường nhưng chưa có việc làm, hoặc có việc làm nhưng mức thu nhập chưa đảm bảo cuộc sống.

3.3.2. Kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương

Đề nghị các bộ, ngành liên quan phải tăng cường chất lượng đào tạo trong các cơ sở đào tạo và tạo nhiều việc làm cho HSSV để khi ra trường sớm tìm được việc, có thu nhập để trả nợ số vốn đã vay

Bộ Tài chính tích cực tham mưu cho Chính phủ cân đối, bố trí đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn hàng năm của HSSV, chủ động phối hợp với các Bộ ngành liên quan và NHCSXH kịp thời tham mưu cho Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mức cho vay, lãi suất cho vay phù hợp với điều kiện thực tế trong từng thời kỳ khi chính sách học phí thay đổi, giá cả sinh hoạt biến động.

Bộ Tài chính trên cơ sở cân đối khả năng đáp ứng từ ngân sách, rà soát, nghiên cứu, đề xuất chính sách cụ thể về mở rộng đối tượng cho vay hộ gia đình gặp khó khăn do có 2 con đi học tại các cơ sở đào tạo mà hiện nay chưa thuộc đối tượng được vay.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tích cực chỉ đạo các trường, các cơ sở đào tạo thuộc quyền quản lý thực hiện tốt việc xác nhận cho HSSV làm thủ tục vay vốn, ký cam kết trả nợ trước khi ra trường. Hướng dẫn tuyên truyền cho các em HSSV có ý thức trách nhiệm trả nợ ngay sau khi ra trường có thu nhập. Tuyên truyền cho các em biết đặt mục tiêu trả nợ lên hàng đầu. Bộ Giáo dục và Đào tạo tích cực chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện và đưa trang Website vay vốn đi học vào hoạt động ổn định để phục vụ cho việc tra cứu các thông tin của tổ chức, cá nhân liên quan đến vay vốn và trả nợ của HSSV.

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư chỉ đạo các Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với chính quyền địa phương trên địa bàn thực hiện điều tra thu nhập, rà soát hộ nghèo, hộ thuộc diện cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn đột xuất về tài chính làm cơ sở xác nhận đối tượng vay vốn chương trình.

Rất cần biện pháp đồng bộ cho việc giải quyết vấn đề lao động và việc làm trong bối cảnh kinh tế suy giảm. Trước hết cần có sự phối hợp giữa các bên: đơn vị đào tạo - doanh nghiệp - người lao động. Bên cạnh đó, ngành Lao động Thương binh xã hội nên cập nhật thông tin thị trường lao động để giúp các nhà đào tạo, nhà tuyển dụng và người lao động nắm bắt để cùng phối hợp vận hành một cách nhịp nhàng và đồng bộ

3.3.3. Kiến nghị với các tổ chức chính trị - xã hội

Củng cố, chấn chỉnh và nâng cao chất lượng nhận ủy thác đối với Ngân hàng Chính sách xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới và tổ tiết kiệm và vay vốn trong việc thực hiện dịch vụ ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội. Chỉ đạo làm tốt việc bình xét đối tượng vay vốn, quản lý và hướng dẫn người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả nợ, trả lãi ngân hàng đầy đủ, đúng hạn.

3.3.4. Kiến nghị đối với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

- Với những đặc thù riêng có của chương trình cho vay HSSV, để chính sách hiệu quả hơn, trong những năm qua, Chính phủ đã thay đổi, bổ sung nhiều cơ chế, chính sách mới, Tổng giám đốc NHCSXH đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các địa phương thực hiện. Để thuận lợi cho cán bộ cơ sở trong quá trình thực hiện chính sách, đặc biệt là những cán bộ không có điều kiện để theo dõi, cập nhật liên tục, kịp thời một cách có hệ thống các văn bản. Đề nghị NHCSXH cho hệ thống lại quy trình nghiệp vụ cho vay đối với HSSV thành một văn bản thống nhất.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến thủ tục, hồ sơ vay vốn gọn nhẹ hơn nữa, vừa đảm bảo thuận tiện, dễ đọc, dễ hiểu cho người vay, vừa bảo đảm tính pháp lý các chương trình cho vay chính sách ưu đãi của Nhà nước;

- Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và các Ban chuyên môn nghiệp vụ liên quan tích cực phối hợp với Cục CNTT Bộ Giáo dục & Đào tạo hoàn thiện trang website "vay vốn đi học".

3.3.5. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân các cấp

Đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương tăng cường chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, nâng cao trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc: triển khai thực hiện chính sách cho vay trên địa bàn; kiện toàn Ban giảm nghèo nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý, phê duyệt danh sách hộ nghèo và đối tượng chính sách vay vốn NHCSXH; chỉ đạo Trưởng thôn, ấp, bản, tổ dân phố phối hợp cùng NHCSXH, các tổ chức chính trị xã hội, Tổ tiết kiệm và vay vốn quản lý chặt chẽ vốn cho vay ưu đãi trên địa bàn; theo dõi, giúp đỡ người vay vốn sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả; đôn đốc người vay trả nợ, trả lãi ngân hàng đầy đủ, đúng hạn; tích cực tham gia xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ xấu.

Đề nghị UBND tỉnh, thị xã Ba Đồn chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thường xuyên rà soát bổ sung kịp thời đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo. Từ đó có cơ sở thực hiện nghiêm túc về việc xác nhận các hộ gia đình vay vốn chương trình cho vay HSSV đúng đối tượng theo qui định.

Tóm tắt Chương 3

Trong chương 3, luận văn đã nêu lên những nội dung:

- Định hướng và mục tiêu cho vay đối với học sinh sinh viên, trong đó đã nêu lên quan điểm hoạt động của NHCSXH giai đoạn 2011-2020, định hướng và mục tiêu hoạt động, định hướng cho vay HSSV của NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020.

- Hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện cho vay đối với HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Một số kiến nghị với Chính phủ, Bộ ngành liên quan, chính quyền địa phương, NHCSXH cấp trên nhằm góp phần giúp các chương trình cho vay ưu đãi nói chung và chương trình cho vay HSSV nói riêng ngày càng hoàn thiện và phát huy hiệu quả.

KẾT LUẬN

Qua gần 14 năm, từ bước khởi đầu năm 2003, đến nay NHCSXH đã đạt được kết quả ấn tượng, toàn diện, khẳng định chủ trương, chính sách thành lập NHCSXH để thực hiện kênh cho vay chính sách cho HSSV và các đối tượng chính sách khác là đòi hỏi khách quan, phù hợp với thực tế đất nước. Chương trình cho vay HSSV là chủ trương đúng đắn của Đảng, chính phủ, việc triển khai cho vay HSSV được tập trung vào một đầu mối NHCSXH là phù hợp với tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế, được NHCSXH thực hiện đúng chế độ, chính sách và có phương pháp phù hợp đã đem lại hiệu quả lớn về mặt kinh tế, chính trị và xã hội.

Tuy nhiên, thực trạng cho vay đối với HSSV nói chung và địa bàn thị xã Ba Đồn nói riêng cho thấy còn nhiều hạn chế và bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách cho vay ưu đãi này. Vì vậy, để công tác cho vay đối với HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn phát huy được hiệu quả hơn nữa, cần phải được nghiên cứu đầy đủ, khoa học để hoàn thiện hơn.

Qua nghiên cứu những lý luận khoa học kết hợp với thực tiễn, luận văn đã nêu được một số vấn đề: Hệ thống hóa lý luận về cho vay ngân hàng, cho vay đối với HSSV, nội dung cho vay đối với HSSV của NHCSXH; các nhân tố ảnh hưởng đến cho vay đối với HSSV; chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay đối với HSSV; kinh nghiệm về cho vay đối với HSSV trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam. Luận văn đã nêu khái quát về NHCSXH Việt nam, NHCSXH Thị xã Ba Đồn, đi sâu phân tích thực trạng hoạt động cho vay đối với HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn giai đoạn 2014-2016; đánh giá hiệu quả đạt được, nêu lên những khó khăn, tồn tại cũng như nguyên nhân. Trên cơ sở định hướng hoạt động của NHCSXH Việt Nam cũng như của đơn vị, đề xuất những giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện cho vay đối với HSSV tại NHCSXH thị xã Ba Đồn

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã cố gắng vận dụng những kiến thức được trang bị của Học viện Hành chính để tìm hiểu và tổng kết thực tiễn. Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng do thời gian có hạn và khả năng còn hạn chế. Luận văn sẽ không tránh khỏi những khiếm khuyết, tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô và các bạn quan tâm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Adrian Ziderman (2006), *Lựa chọn chính sách trong các chương trình cho học sinh sinh viên vay vốn: Bài học từ năm nghiên cứu điển hình ở Châu Á*, Unesco 2006
2. Chính phủ (2002), *Nghị định 78/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác*, Hà Nội.
3. Bộ kế hoạch đầu tư (2008), “*Nguyên nhân và yếu tố chính ảnh hưởng đến đói nghèo*”, Tạp chí Thông tin kinh tế, xã hội.
4. Nguyễn Đăng Dờn (2009), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Thống kê.
5. Phan Thị Thu Hà (2009), *Giáo trình Quản trị Ngân hàng thương mại*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, TP Hồ Chí Minh.
6. Phan Thị Thu Hà (2003), *Tách bạch cho vay chính sách và cho vay thương mại trong quá trình đổi mới hệ thống tài chính Việt nam*, Tạp chí Ngân hàng -15-.
7. Hà Thị Hạnh (2004), *Giải pháp hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội*, Luận án tiến sỹ.
8. Frederic Smishkin, (1995), “*Tiền tệ Ngân hàng và Thị trường Tài chính*”, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Mùi (2005), *Giáo trình Lý thuyết tiền tệ và ngân hàng*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
10. Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Quảng Trạch (2012), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình tín dụng đối với học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*.
11. Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Quảng Trạch (2013), *Báo cáo tổng kết 10 năm hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quảng Trạch (2003 - 2012)*
12. Ngân hàng Chính sách Xã hội thị xã Ba Đồn (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2014*.

13. Ngân hàng Chính sách Xã hội thị xã Ba Đồn (2016), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2015*.
14. Ngân hàng Chính sách Xã hội thị xã Ba Đồn (2017), *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2016*
15. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (2004), *Cẩm nang chính sách và nghiệp vụ tín dụng đối với hộ nghèo*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
16. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (2007), *Hệ thống văn bản nghiệp vụ tín dụng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
17. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện chương trình tín dụng đối với học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*.
18. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (1994), *Báo cáo kết quả khảo sát mô hình Grameen Bank ở Bangladesh*, Hà Nội.
19. Đỗ Tất Ngọc (2002), *Mô hình Ngân hàng Chính sách và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
20. Nguyễn Hồng Phong (2007), *Giải pháp tăng cường năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội*, Luận án tiến sỹ.
21. Rose P.S (2004), *Quản trị ngân hàng thương mại*, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.
22. Thông tin Ngân Hàng Chính Sách Việt Nam, *số chuyên đề kỷ niệm 10 năm thành lập và hoạt động*.
23. Nguyễn Văn Tiến (2012), *Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
24. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội*, Hà Nội.
25. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội*.
26. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày*

- 27/09/2007 “Về tín dụng học sinh sinh viên”, Hà Nội.
27. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 “Về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội”*
 28. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 852/2002/QĐ-TTg ngày 10/07/2012 “Quyết định về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2011-2020”*, Hà Nội.
 29. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định 09/2011/QĐ-TTg về việc Ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.*
 30. Trần Hữu Ý (2010), *Xây dựng chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam*, Luận án tiến sỹ.
 31. Website của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: <http://chinhphu.vn>
 32. Website của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: <http://www.vbsp.org.vn>

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đề tài và phân công người hướng dẫn luận văn

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-BGDĐT ngày 01/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng cho Học viện Hành chính;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng Tiểu ban chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng và Trưởng Khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề tài luận văn “Cho vay học sinh, sinh viên tại Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình”, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng; mã số 60 34 02 01 của học viên Lê Văn Thông, lớp TC8.T2 (niên khóa 2015 - 2017).

Phân công TS. Nguyễn Hoàng Quy, công tác tại Học viện Hành chính Quốc gia là người hướng dẫn luận văn cho học viên.

Điều 2. Học viên và người hướng dẫn có trách nhiệm thực hiện đề tài theo Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành và các quy định của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia.

Thời gian thực hiện luận văn: từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/02/2017.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ, Trưởng Khoa Sau đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, người hướng dẫn và học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận: /s/

- Như Điều 3;
- Thủ trưởng BNV phụ trách, điều hành HV (để b/c);
- Các Phó Giám đốc Học viện ;
- Lưu: VT, SĐH.



KT. GIÁM ĐỐC *chuel*
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

TS. Lê Như Thanh